

Nguyên tác: THANG HY MÃNH
VƯƠNG LỢI

500 BÀI THUỐC HAY CHỮA BỆNH CAO HUYẾT ÁP

Biên dịch: Huy Sanh

Hiệu đính: BS. Nguyễn Minh Hùng (Trưởng khoa Đông Y BV. Hữu Nghị Việt Xô)



 NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC

CHỦ BIÊN: THANG HY MÃNH - VƯƠNG LỢI

500 BÀI THUỐC HAY
CHỮA BỆNH
CAO HUYẾT ÁP

NGƯỜI DỊCH: HẢI NGỌC

Hiệu đính: BS. Nguyễn Minh Hùng
Trưởng khoa Đông y BV. Việt Xô

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

MS: 61 - 6103 536 - 2002
YH - 2003

*DỊCH TỪ NGUYÊN BẢN TIẾNG TRUNG QUỐC,
NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC TRUNG Y DƯỢC THƯỢNG HẢI XUẤT BẢN*

LỜI NÓI ĐẦU

Theo thống kê hiện nay người mắc bệnh cao huyết áp toàn cầu lên tới 600 triệu người. Người mắc bệnh cao huyết áp ở Trung Quốc đã vượt quá 110 triệu người và mỗi năm tăng thêm 300 vạn người, đã uy hiếp nghiêm trọng sức khỏe của con người. Ngày nay, bệnh động mạch vành là một trong những nguyên nhân quan trọng gây nên tử vong cho con người, năm 1957 nó chiếm 10% đến năm 1997 lên tới 39,4% trong các loại nguyên nhân tử vong. Trong các bệnh động mạch tim não, nguyên nhân chủ yếu gây nên tàn phế hoặc tử vong là do phù não, dày mạch vành, tim suy kiệt thì bệnh cao huyết áp gây nên các chứng bệnh nói trên chiếm một vị trí quan trọng. Vì thế, việc phòng và chữa bệnh cao huyết áp trở thành đề tài nghiên cứu cho giới y học toàn cầu. Trung y học trong việc phòng chữa bệnh cao huyết áp vốn có lịch sử lâu đời và kinh

nghiệm lâm sàng phong phú, chúng tôi đã tìm được hơn 70 loại tài liệu y học cổ kim, đem kinh nghiệm chữa trị cao huyết áp của các thầy thuốc hội biên thành sách, có tới khoảng 500 bài thuốc uống trong và dùng ngoài. Mỗi phương thức đều có tên bài thuốc, xuất xứ bài thuốc, cách dùng, công dụng và chữa chứng bệnh, một số bài ghi Ghi chú của người biên soạn. Và căn cứ vào đặc điểm biện chứng luận trị của trung y, theo sự biểu hiện khác nhau của lâm sàng mà chia bệnh cao huyết áp thành 8 loại, các điều mục trong cuốn sách rõ ràng. Tóm tắt ngắn gọn, rất phù hợp với thực tế, nêu bật đặc sắc của trung y. Hy vọng rằng cuốn sách này được xuất bản, có thể trở thành ấn phẩm khoa học phổ cập cho những người mắc bệnh cao huyết áp.

5-2001

Người biên soạn

I. KHÁI THUẬT

Từ ngày 29 tháng 9 đến ngày 1 tháng 10 năm 1998 tại Nhật Bản đã tổ chức đại hội cao huyết áp khoá 7 của liên minh cao huyết áp quốc tế (WHO/ISH) thuộc tổ chức y tế thế giới, đã định nghĩa rằng: khi chưa uống thuốc chống cao huyết áp mà đo được Huyết áp tâm thu sức áp (tối đa) $\geq 140\text{mmHg}$ (18.66KPa) Huyết áp tâm trương áp (tối thiểu) $\geq 90\text{mmHg}$ (11.97KPa) là cao huyết áp nguyên phát, lại gọi là bệnh cao huyết áp. Loại cao huyết áp này chiếm 95% trở lên trong những người mắc bệnh cao huyết áp, phát bệnh chậm chạp, ở thời kỳ đầu thường không có chứng trạng, đến khi kiểm tra sức khoẻ thì phát hiện huyết áp cao, một số người bệnh hay bị choáng váng, đau đầu, hoa mắt, tai ù, mất ngủ, mệt mỏi, tim hồi hộp, ngực buồn bực, bực tức, tay chân tê cứng. Theo tài liệu xuất bản tháng 2 năm 1999 của WHO/ISH, đã phân kỳ cao huyết áp theo biểu dưới đây.

Loại	Huyết áp tâm thu (mmHg) (tối đa)	Huyết áp tâm trương (mmHg) (tối thiểu)
Huyết áp lý tưởng	<120	<80
Huyết áp bình thường	<130	<85
Trị số cao bình thường	130-139	85-89
Ở giới hạn cao huyết áp	140-149	90-94
Cao huyết áp độ I (nhẹ)	140-159	90-99
Cao huyết áp độ II (vừa)	160-179	100-109
Cao huyết áp độ III (nặng)	≥ 180	≥ 110
Cao huyết áp tâm thu súc (tối đa) đơn thuần	≥ 140	<90
1mmHg = 0.13333kPa		

Một bộ phận người mắc bệnh cao huyết áp, có thể trong thời gian ngắn (mấy giờ đến mấy ngày) phát sinh huyết áp tăng cao đột ngột, kèm theo tim, thận bị trục trặc, biểu hiện là huyết áp > 130mmHg, đáy mắt xuất huyết thấm ra và đồng tử sưng lên, công năng thận không bình thường, công năng tim và não bị trở ngại, thường làm cho công năng thận suy kiệt, não và tim cũng bị suy kiệt gây nên tử vong. Trường hợp này được gọi là cao huyết áp ác

tính. Khi tâm thu cao tới 260mmHg, tâm thu trương áp cao tới 120mmHg trở lên và xuất hiện đau đầu, bức tức, tim hồi hộp, ra nhiều mồ hôi, buồn lợm, nôn mửa, sắc mặt trắng bệch hoặc đỏ rực, sức nhìn mờ thì gọi đó là cao huyết áp nguy kịch. Cao huyết áp cũng có thể xuất hiện như một trong các chứng trạng bệnh tật nào đó thì được gọi là cao huyết áp thứ phát.

Nguyên nhân và cơ chế phát bệnh cao huyết áp đến nay chưa thật rõ, thường cho rằng có liên quan tới di truyền, ăn muối quá nhiều, làm công việc phải tập trung tinh thần cao độ và căng thẳng, thiếu lao động thể lực, béo quá, hút thuốc, uống nhiều rượu, và ăn uống không đủ chất dinh dưỡng. Gần đây, còn phát hiện thấy có nhiều người mắc bệnh cao huyết áp do mắc chứng tự ở. Nghiên cứu vạch ra bệnh cao huyết áp phát sinh có thể do công năng trung tâm thần kinh mất điều hòa, tiểu động mạch toàn thân bị co cứng dần tới trở lực xung quanh tăng cao mà lượng bài huyết của tim không biến đổi mấy, dẫn tới huyết áp tăng cao.

Biện pháp điều trị là hạn chế ăn muối, cấm rượu, thuốc, hạn chế trọng lượng cơ thể, tăng cường vận động, tinh thần thoải mái cộng với điều trị bằng thuốc một cách hợp lý để huyết áp hạ xuống mức bình thường và gần bình thường để giảm bớt phát sinh bệnh khác kèm theo, bài tiết không rối loạn để phòng tim, não, thận bị tổn thương, hạ thấp hệ số tử vong.

Bệnh cao huyết áp có thể quy vào phạm trù “huyền vựng”, đau đầu, trúng phong của Trung y, trung y học cho rằng bệnh cao huyết áp phát sinh thường do công năng gan, tỳ, thận mất điều hoà. Bệnh này phần nhiều là gốc hư ngọn thực; ngọn thực không ngoài phong, hỏa, đờm, thấp ú; gốc hư thường do thận âm không đủ hoặc âm dương đều hư. Căn cứ biểu trên lâm sàng có thể phân thành 8 loại hình là can dương Thượng kháng, can hỏa thượng viêm, âm hư dương kháng, âm dương lưỡng hư, thận dương khuỵu hư, đàm thấp ngưng trệ, ứ huyết trở lạc, can dương hoá phong.

II. LOẠI CAN DƯƠNG THƯỢNG KHÁNG

A. THUỐC UỐNG TRONG

1. Túc phong giảng áp thang

Bài thuốc:

Tuyền phúc hỏa	: 15g,	Thiên ma	: 15g
Trần đỗ tinh	: 10g,	Ngưu giác	: 20g
Trân châu mẫu	: 25g,	Toàn qua lâu	: 15g
Ngô công	: 3con,	Toàn yết	: 5g
Chế bán hạ	: 10g,	Đại giả thạch	: 30g
Thạch quyết minh	: 40g,	Câu đằng	: 15g
Ngưu tất	: 15g.		

Cách dùng: mỗi ngày 1 thang, sắc với nước chia 2 lần uống.

Công dụng: trấn can khởi phong, thanh nhiệt hoá đờm.

Chữa chứng bệnh: dùng chữa bệnh cao huyết áp loại can dương thượng kháng, đau đầu, đầu choáng, chân tay tê cứng, lưỡi hồng.

2. Bình can tiềm giáng thang.

Bài thuốc:

Câu đằng	: 30-80g,	Sinh long cốt	: 20g.
Tử thạch anh	: 15g,	Phòng phong	: 8g,
Cúc hoa	: 10g,	Cương tằm	: 10g,
Đỏm tinh	: 10g,	Sinh Đại giả thạch	: 20g,
Địa long	: 10g,	Xuyên đại hoàng	: 10g,
Mang tiêu	: 5g,	Thạch xương bồ	: 10g,
Mẫu lệ, sinh thạch quyết minh đều			: 20g.

Cách dùng: Đem Câu đằng nghiền thô. Đem long cốt, Mẫu lệ, Thạch quyết minh, Tử thạch anh cho nước vào đun trước 30 phút, rồi cho bột thô Câu đằng và các vị thuốc khác vào đun 15 phút rót nước ra lọc kỹ, lại cho nước đun 2 lần nữa, trộn lẫn nước thuốc sắc hai lần quấy đều, uống nóng 2 lần vào lúc sớm tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: bình can tiềm dương, giáng hỏa.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp do dương kháng làm đờm hoá bốc, đầu choáng, đầu đau, bực tức dễ giận, mặt đỏ, đại tiện táo bón.

3. Ngưu tất giáng áp hoàn.

Bài thuốc:

Xuyên ngưu tất	: 15g,	Sinh long cốt	: 15g,
Sinh mẫu lệ	: 15g,	Sơn dược	: 20g,
Sơn chi	: 12g,	Câu đằng	: 15g,
Dạ giao đằng	: 20g,	Cúc hoa	: 12g,
Bạch thược	: 30g,	Cam thảo	: 6g,
Sinh Quy bản	: 20g,		

Cách dùng: Nghiền thuốc thành bột, luyện một làm hoàn, mỗi hoàn 9g, sáng, trưa, tối mỗi lần uống một hoàn.

Công dụng: Dục âm, bình can, tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Can dương thượng kháng, đầu vàng, mắt hoa, gối mỏi, chảy nước mắt, mất ngủ.

Ghi chú: Chữa người cao huyết áp thể trạng béo.

4. Tang bì địa cốt thanh can thang

Bài thuốc:

Tang bạch bì	: 300g,	Địa cốt bì	: 30g,
Sinh địa hoàng	: 15g,	Huyền sâm	: 15g,
Thiên ma	: 10g,	Câu đằng	: 15g,
Mẫu đơn bì	: 10g	Xuyên khung	: 10g,

Cách dùng: Cho thuốc vào ngâm trong nước 30 phút, đun sôi 30 phút, mỗi thang sắc 3 lần, hoà đều 3 lần nước thuốc, 8 giờ sáng uống lần thứ 1, 3 giờ chiều uống lần thứ 2, 8 giờ tối uống lần thứ 3, mỗi ngày một thang, 20 ngày là một liệu trình, uống liên tục 2-3 liệu trình.

Công dụng: Thanh can giảng áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp do can dương thượng kháng, đờm hỏa thượng nhiễu, đau đầu, hoa mắt, buồn bực, miệng khát, tức ngực, tê chân tay.

Ghi chú: Ngừa mắc bệnh cao huyết áp dai dẳng. Có thể dùng Tang bạch bì và Địa cốt bì lên tới 50g.

5. Trấn tĩnh dưỡng can thang

Bài thuốc:

Sinh thạch quyết minh:	30g,	Bạch thược	: 30g,
Tang thâm (quả dâu)	: 30g,	Cúc hoa	: 10g,
Pháp Bán hạ	: 9g,	Phục linh	: 9g,
Đương quy	: 10g,	Câu đằng	: 15g,
Chu sa	: 3g, (bọc vải),	Thiên ma	: 12g,
Linh từ thạch	: 30g (bọc vải).		

Cách dùng: Ngoài linh từ thạch và Chu sa, cho các vị thuốc khác ngâm vào nước 30 phút, sau đó cho Linh từ Thạch và Chu sa vào đun sôi trong 30 phút, mỗi thang sắc 2 lần, hoà lẫn nước thuốc của 2 lần sắc, chia uống ấm làm 2 lần, mỗi ngày một thang.

Công dụng: Tư bổ can thận, trấn can khởi phong, chữa loại bệnh can dương thượng kháng, biểu hiện đầu váng mắt hoa, tai ù, lưng đau, chân mềm.

6. Thanh giáng thang

Bài thuốc: Tang bạch bì 30g, địa cốt bì 30g.

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang, mỗi thang sắc 3 lần, hoà đều 3 lần nước thuốc, buổi sáng 8 giờ uống lần 1, buổi chiều 3 giờ uống lần 2, buổi tối 8 giờ uống lần 3, 20 ngày là một đợt, có thể uống liên tục.

Công dụng: Thanh can, tả phế, mát huyết, tan ứ.

Chữa chứng bệnh: chữa bệnh loại can dương thượng kháng hoặc đờm, hoà thượng nhiều, biểu hiện đau đầu, mắt hoa, buồn bực, miệng khát, tức ngực, tay chân tê dại.

Ghi chú: với bệnh cao huyết áp dai dẳng, lượng thuốc có thể tăng tới 50g. Uống thuốc phải kiêng rượu, thuốc lá, bánh bột mì, ăn ít muối.

7. Bình can giáng áp thang

Bài thuốc:

Khổ sâm	: 15g,	Sung uỷ tử	: 15g,
Quyết minh	: 20g,	Sơn tra	: 15g,
Hoè hoa	: 20g,	Ngũ vị tử	: 15g,
Từ thạch	: 15g,	Ngưu tất	: 15g,
Thiên trúc hoàng:	15g.		

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang, sắc nước 2 lần, hoà đều 2 lần nước thuốc, ngày uống 2 lần.

Công dụng: Thanh tả đờm ú, dực âm tiền dương.

Chữa chứng bệnh: Can âm thượng kháng hoặc đờm hoả thượng nhiều; biểu hiện đầu đau, mắt hoa, bực tức, dễ giận, miệng khô, ngực tức, mạch huyền hoạt.

Ghi chú: Bài này chữa bệnh cao huyết áp kiêm tâm nhĩp không đều và mỡ trong máu tăng cao, với bệnh cao huyết áp cấp I, II, điều trị hiệu quả dễ thấy. Bài thuốc này kiêng chất cay, nóng, béo, rượu, thuốc lá và không được xúc động.

8. Dưỡng huyết giáng áp thang

Bài thuốc:

Sinh mẫu hệ	: 30g,	Trân châu mẫu	: 30g,
Bạch thược	: 24g,	Tang thầm	: 30g,
Cúc hoa	: 12g,	Đông tặc lệ	: 15g,
Địa cốt bì	: 20g,	Mộc phòng kỷ	: 12g,
Hoàng cầm	: 12g.		

Cách dùng: Cho sinh mẫu lệ, Trân châu mẫu sắc trước 30 phút, rồi cho các vị thuốc khác vào sắc 20 phút, mỗi thang sắc 3 lần, hoà đều 3 lần nước thuốc, ngày uống 3 lần (sáng, trưa, tối.)

Công dụng: Bình can tiềm dương, thanh can tả hoả, nhu can dưỡng âm.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng, biểu hiện đau đầu, hôn mê, tim nhĩp, tai ù, mất ngủ.

Ghi chú: Bài thuốc này qua lâm sàng chứng thực, chữa bệnh, cao huyết áp cấp II có hiệu quả tốt. Bài thuốc này tác dụng chậm và lâu, sau khi uống

thuốc huyết áp xuống chậm; khi ngừng uống vẫn duy trì hiệu quả trong thời gian gian dài.

9. Tân chỉ lục vị thang

Bài thuốc:

Tế tân	: 2,5g,	Bạch chỉ	: 3g,
Thục địa hoàng	: 18g,	Mẫu đơn bì	: 6g,
Sơn dược	: 15g,	Phục linh	: 9g,
Sơn thù	: 9g,	Trạch tả	: 9g,
Hoài ngư tât	: 9g,	Trân châu mẫu	: 24g.

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang, cho trân châu mẫu sắc trước 15g, sau đó cho các vị thuốc khác vào, lượng nước 750ml, sắc còn 500ml, chia 2 lần uống.

Công dụng: Bổ ích can thận, bình can tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp do can thận bất túc, can dương thượng kháng biểu hiện đầu đau, mắt hoa, tai ù, lưng gối mềm nhũc.

10. Gia vị kiến linh thang

Bài thuốc:

Sinh địa hoàng	: 30g,	Sinh bạch thược	: 15g
Bá tử nhân	: 12g,	Xuyên ngư tât	: 15g
Tử Đan sâm	: 15g	Uất kim	: 9g.

Cách dùng: Cho thuốc nước ngâm 30 phút, sau đó đun sôi nửa giờ, sắc 2 lần. hoà nước thuốc 2 lần đều nhau, chia uống 2 lần.

Công dụng: Tư âm bình can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng biểu hiện đầu vầng, tai ù, mất ngủ.

Ghi chú: Hai vị Đan sâm và Uất kim trong bài thuốc chữa cao huyết áp dẫn vào tim là phù hợp.

11. Thiên ma câu đằng thang

Bài thuốc:

Thiên ma	: 15g,	Hoàng cầm	: 15g,
Xuyên ngư tất	: 15g,	Câu đằng	: 20g,
Xích phục thân	: 20g,	Tang ký sinh	: 20g,
Ích mẫu thảo	: 20g,	Đỗ trọng	: 20g,
Dạ giao đằng	: 20g,	Sơn chi	: 10g.
Thạch quyết minh	: 25g.		

Cách dùng: Cho thạch quyết minh vào nước sắc trước 30 phút. Sau đó cho các vị thuốc khác vào (Câu đằng cho sau cùng). Sắc 2 lần, uống sáng và tối, ngày uống 1 thang.

Công dụng: Bình can tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại gan dương thượng kháng, biểu hiện đau đầu, váng đầu, lưng gối nhức mỏi, mất ngủ, tâm phiền, mặt đỏ thẫm hoả.

Ghi chú: Bài này là nghiệm phương dân gian tỉnh thiên tây.

12. Đỗ trọng hoạt lạc thang

Bài thuốc:

Đỗ trọng	: 30g,	Câu đằng	: 60g,
Đại huyết đằng	: 15g,	Hạ khô thảo	: 9g,
Lá thập đại công lao:	15g.		

Cách dùng: Ngoài Câu đằng, cả bốn vị thuốc được sắc trước 20 phút, sau đó cho Câu đằng vào sắc 10 phút, đổ nước thuốc ra lại cho nước vào sắc lần thứ 2, hoà đều hai lần nước thuốc, uống sáng, và tối, mỗi ngày một thang.

Công dụng: Bình can khởi phong

Chữa chứng bệnh: Loại can dương kháng thịnh, biểu hiện đầu vàng, đầu đau, lưng gối nhức mỏi, chân tay tê cứng.

Ghi chú: Đây là nghiệm phương dân gian tỉnh Quý Châu.

13. Viên cúc đẳng

Bài thuốc:

Dã Cúc Hoa	: 120g,	Câu đẳng	: 120g,
Bạch thược	: 90g,	Hồng hoa	: 90g,
Long đởm thảo	: 90g,	Hạ liên thảo	: 150g,
Nữ trinh tử	: 150g,	Thạch quyết minh	: 90g,
Sinh long cốt	: 150g,	Thạch quyết minh	: 90g,
Ngọc mê tu (râu ngô)	: 150g,		
Sinh mẫu lệ: la bố ma (lá gai)	: 150g.		

Cách dùng: Tất cả thuốc nói trên tán thành bột, ép thành viên(?), mỗi lần uống 4-5 viên, ngày uống 3 lần.

Công dụng: Bình can tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Chữa bệnh cao huyết áp loại can dương thượng kháng, biểu hiện đầu choáng, đầu đau, mặt hồng thăng hoà, tai ù, lưng gối nhức mỏi.

14. Cúc quán âm

Bài thuốc:

Nam bố chính sâm	: 15g,	Dã cúc hoa	: 15g
Quán chúng	: 15g,	Câu đẳng	: 10g
Sinh đồ trọng	: 12g,	Râu ngô	: 20g.

Cách dùng: Ngoài Câu đẳng ra, các vị thuốc cho nước đun sôi 20 phút, cho Câu đẳng vào, đun sôi 10 phút, đổ nước thuốc ra, cho nước vào đun lần thứ 2. Hoà trộn nước thuốc hai lần với nhau, uống sáng và tối, mỗi ngày một thang.

Công dụng: Bình can giáng áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương kháng thịnh, biểu hiện đầu mắt choáng váng, đau đầu, gối mỏi, mất sức.

Ghi chú: Đây là nghiệm phương dân gian tỉnh Quý Châu.

15. Phúc phương Đỗ trọng hợp tổ.

Bài thuốc:

Sinh Đỗ trọng	: 90g,	Hoàng Cầm	: 90g,
Hạ khô thảo	: 60g,	Đương quy	: 90g,
Xuyên khung	: 90g,	Ích mẫu thảo	: 60g,
Hoàng kỳ	: 90g,	Câu đằng	: 90g,
Sinh địa hoàng	: 90g,	Nhục quế	: 75g,
Cảo bản	: 75g,	Hoè hoa	: 45g.

Cách dùng: Cho thuốc vào 2000ml nước, sắc còn 600ml, thì chắt nước thuốc ra, lại cho 1200ml sắc còn 400ml, lại chắt ra và hoà đều hai lần nước thuốc. Mỗi ngày lấy 100ml, uống lúc còn ấm 3 lần vào sáng, trưa, tối, 10 ngày là một liệu trình.

Cộng dụng: Bình can tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thiên kháng biểu hiện đầu choáng, đầu đau, mắt nhìn mờ, tai ù, chân tay tê cứng.

Ghi chú: Bài thuốc này dùng chữa bệnh cao huyết áp nguyên phát cấp 1.

16. Giáng áp thang

Bài thuốc:

Đan sâm	: 30g,	Thích tạt lê	: 30g,
Hạ khô thảo	: 30g,	Xa tiền tử	: 45g (bọc vải),
Sinh thạch quyết minh	: 30g,		

Cách dùng: Cho Thạch quyết tử Minh vào nước đun trước 30 phút. Sau cho tất cả thuốc vào, sắc 2 lần, hoà đều nước thuốc 2 lần sắc, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Bình can tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp, loại can dương thượng kháng, biểu hiện đầu căng, đầu đau, tâm buồn bực, miệng đắng.

Ghi chú: Trước khi dùng bài thuốc này hai tuần ngừng uống mọi loại thuốc hạ huyết áp, khi uống thuốc này phải ngừng dùng mọi loại thuốc ảnh hưởng tới huyết áp, bài thuốc này không hiệu nghiệm với người cao tuổi, cao huyết áp.

17. Siro

Bài thuốc:

Hạ khô thảo : 3000g, Hoa đậu tằm: 4000g,

Xa tiền thảo : 2000g, Chế nữ trinh: 2500g,

Trân châu mẫu: 2500g, Tê thái hoa : 2500g.

Cách dùng: Thuốc nói trên sao chế hợp lý, cho lượng nước vừa phải vào ngâm, sau đó, dùng lửa to đun nấu 2 lần, lọc kỹ, rồi cho lửa nhỏ cô lại, còn 2500ml. Sau khi ăn cơm uống 20-30ml, ngày uống 3 lần, 3 tháng là một đợt điều trị.

Công dụng: Thanh can tiềm dương

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp can dương thiên kháng, đầu vàng, đầu đau, mặt đỏ.

18. Bình can tiềm dương thang

Bài thuốc:

Sinh Mẫu lệ : 30g, Linh từ thạch : 30g,

Mẫu đơn bì : 129g, Hạ khô thảo : 12g,

Cúc hoa	: 12g,	Trạch tả	: 12g,
Nhân trần	: 15g,	Hoàng cầm	: 12g,
Sinh địa hoàng	: 15g,	Hoài ngư tất	: 30g.

Cách dùng: Cho Mẫu lệ, Tử thạch đun trước 30 phút. Sau đó cho các thuốc khác vào cùng sắc 2 lần, hoà đều 2 lần nước thuốc, uống ngày 3 lần sáng, trưa, tối, ngày uống 1 thang.

Công dụng: Bình can tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng, biểu hiện choáng váng, tai ù, đầu mắt sưng đau, bực tức dễ giận, miệng đắng, mặt đỏ.

Ghi chú: Bài này chữa bệnh cao huyết áp cấp 2.

19. Bình can giáng áp thang

Bài thuốc:

Hoàng kỳ	: 30g,	Dan Sâm	: 30g,
Xích thực	: 10g,	Xuyên khung	: 15g,
Ngưu tất	: 15g,	Trạch tả	: 20g,
Cát căn(bột)	: 30g,	Thiên ma	: 12g,
Câu đằng	: 10g,	Thạch quyết minh	: 30g,
Đỗ trọng	: 15g,	Ích mẫu thảo	: 12g,
Tang ký sinh	: 12g,	Hoàng cầm	: 10g.
Sơn chi	: 10g.		

Cách dùng: Thạch quyết minh cho nước vào đun trước 30 phút, cho các vị thuốc khác (trừ câu đằng) vào đun 20 phút, cho Câu đằng vào đun 10 phút, chắt nước ra đun lần thứ 2. Hoà đều 2 lần nước thuốc, sáng, tối uống 1 lần, ngày uống 1 thang.

Công dụng: Bình can tiềm dương

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng, biểu hiện đầu đau, đầu vầng, ù tai, hay quên, ngũ tâm phiền nhiệt.

Ghi chú: Bài này chữa cao huyết áp nguyên phát thời kỳ 2.

20. Bình can ích thận thang

Bài thuốc:

Thạch quyết minh	: 30g,	Trân châu mẫu	: 20g,
Mẫu lệ	: 20g,	Hà thủ ô chế	: 15g,
Sinh địa hoàng	: 20g,	Thục địa hoàng	: 20g,
Câu kỷ tử	: 20g,	Thỏ ty tử	: 20g,
Đỗ trọng	: 15g,	Lá dâu	: 10g,
Cúc hoa	: 10g,	Câu đằng	: 15g,
Hoài ngư tât	: 15g,	Đan Sâm	: 30g,
Mẫu đơn	: 20g,	Phục linh	: 12g.

Cách dùng: Cho 3 vị thạch quyết minh, Mẫu lệ, Trân châu mẫu đun nước trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào (trừ câu đằng), đun 20 phút, cho Câu đằng vào đun 10 phút, chắt nước thuốc ra, cho nước vào đun lần thứ 2. Hoà đều nước thuốc 2 lần, uống sớm tối, mỗi ngày một thang.

Công dụng: Bình can tiềm dương

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng, biểu hiện choáng vầng, đầu đau, đầu nặng chân nhẹ, tai ù, hay quên, tâm phiền.

21. Táo địa quy ma thang

Bài thuốc:

Táo nhân	: 20g,	Sinh địa hoàng	: 20g,
Đương quy	: 15g,	La bạch tử	: 12g,

Sinh mẫu Hử	: 10g,	Hạ khô thảo	: 10g,
Sinh đại hoàng	: 3g,	Thiên ma	: 15g,
Bạch thược	: 30g,	Cúc hoa	: 12g,
Câu đằng	: 15g,		

Sinh thạch quyết minh: 30g.

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang, sắc 2 lần, hoà 2 lần nước thuốc với nhau, uống 3 lần sáng, trưa, tối, 9 ngày là một đợt điều trị.

Công dụng: Bình can tiềm dương

Chữa chứng bệnh: cao huyết áp

Ghi chú: Bài này chữa cao huyết áp loại can dương thượng kháng, biểu hiện đầu đau, choáng váng, tai ù, lưng gối nhức mỗi nguyên phát là tốt.

22. Mẫu linh đơn thảo thang

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài thuốc:

Sinh Mẫu Lê	: 30g,	Linh Tử thạch	: 30g,
Mẫu đơn bì	: 12g,	Hạ khô thảo	: 12g,
Cúc hoa	: 12g,	Trạch tả	: 12g,
Hoàng cầm	: 12g,	Nhân trần	: 15g,
Sinh địa hoàng	: 15g,	Hoài ngư tât	: 30g.

Cách dùng: Cho đun nước Mẫu lệ, Từ thạch trước 30 phút sau đó cho tất cả các vị thuốc vào cùng đun, sắc 2 lần, uống sớm và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Bình can tiềm dương

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng, biểu hiện mắt sưng đau, mặt đỏ, tai ù, choáng váng, ngũ tâm phiền nhiệt.

23. Đan chi giảng áp thang

Bài thuốc:

Mẫu đơn bì	: 12-15g,	Sơn chi	: 12-15g,
Hoàng cầm	: 12-30g,	Cúc hoa	: 12-15g,
Sài hồ	: 15g,	Bạch thược	: 15-30g,
Phục linh	: 12-25g,	Hạ thảo khô	: 15g,
Câu đằng	: 15-30g,	Đương quy	: 9-12g,
Bạc hà	: 9g.		

Cách dùng: Cho thuốc vào nước đun sặc, sặc hai lần hoà chung 2 lần nước thuốc, uống 3 lần sáng, trưa, tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Bình can tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng biểu hiện đầu mắt sưng đau, mắt hoa tai ù, tâm phiền miệng đắng, lồng ngực đau tức.

24. Bình can tức phong thang

Bài thuốc:

Trân châu mẫu	: 20g,	Thạch quyết minh	: 25g,
Hà thủ ô	: 50g,	Bạch cúc hoa	: 15g,
Câu đằng	: 15g,	Huyền sâm	: 40g,
Bạch thược	: 15g,	Ngưu tất	: 15g,
Tật lê	: 15g,	Địa long	: 15g,
Hoàng cầm	: 15g,	Hạ khô thảo	: 15g.

Cách dùng: Cho trân châu mẫu, thạch quyết minh vào nước đun trước 30 phút rồi cho các vị thuốc khác (trừ Câu đằng) cùng đun, sau đó cho Câu đằng vào, sặc hai lần, hoà chung nước thuốc hai lần, uống vào sáng, trưa, tối, ngày một thang.

Công dụng: Bình can khởi phong

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng, biểu hiện đầu mắt sưng đau, choáng váng, tai ù, mắt nhìn lơ mờ, lao động thì mặt đỏ, thẳng hoả.

Ghi chú: Bài này chữa bệnh cao huyết áp nguyên phát thời kỳ 2.

25. Dục âm thang

Bài thuốc:

Câu đằng	:25g,	Lá dâu	: 15g,
Cúc hoa	:15g,	Phục linh	: 20g,
Sinh địa hoàng	: 30g,	Sinh bạch thược	: 50g,
Sinh long cốt	: 50g,	Sinh mẫu lệ	: 50g.

Cách dùng: Cho long cốt, mẫu lệ vào nước đun trước 30 phút, rồi cho các vị thuốc khác vào, câu đằng chỉ sau cùng sắc 2 lần nước, uống sáng và tối mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Bình can tiêm dương

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng biểu hiện đầu mắt sưng đau, mặt hồng mắt đỏ, miệng khô và đắng, buồn bực dễ giận, lưng gối nhức yếu.

Ghi chú: Bài này dùng chữa bệnh cao huyết áp thời kỳ 2.

26. Cát mễ thang

Bài thuốc:

Cát căn	: 30g,	Hạt hoè	: 15g,
Sung uỷ tử	: 15g,	Đan Sâm	: 30g,
Hà thủ ô	: 30g,	Hoàng kỳ	: 20g,
Táo nhân	: 15g.		

Cách dùng: Sắc thuốc 2 lần nước, chia uống sáng và tối mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Bình can giáng áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương, thượng kháng. Biểu hiện đầu đầu, choáng váng, tâm phiền, gân bắp co rút.

27. Câu đằng giáng áp trà

Bài thuốc:

Câu đằng, Hạ khô thảo, Sung uỷ tử, Quyết minh, Hoàng cầm, Lá chè, Số lượng mỗi vị bằng nhau.

Cách dùng: Các vị thuốc trộn đều nghiền nhỏ, cho vào túi lọc, mỗi gói 2,2g, mỗi lần 1 gói, ngày uống 3 lần, pha như pha chè.

Công dụng: Bình can tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại dương thượng kháng, biểu hiện đầu mắt bị choáng váng, mặt đỏ thừng hỏa, miệng khô đắng, tai ù.

Ghi chú: Theo báo cáo dùng bài thuốc này chia 61 ca bệnh cao huyết áp; hiệu quả rõ rệt 27 ca, hiệu quả 22 ca.

28. Trà tử giáng áp thang

Bài thuốc:

Hạt chè	: 12g,	Đan sâm	: 20g,
Hạ khô thảo	: 15g,	Câu đằng	: 15g,
Hoàng cầm	: 9g,	Thạch quyết minh	: 30g.

Cách dùng: Thạch quyết minh cho vào đun trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào sắc, sắc 2 lần nước, nước thuốc đầu uống sau khi ăn cơm sáng, nước thuốc 2 uống sau khi ăn cơm trưa, mỗi ngày một thang.

Công dụng: Bình can tiềm dương

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương kháng. Biểu hiện đầu đau, choáng váng, tai ù, hay quên, lưng đau mỏi.

Ghi chú: Khi uống thuốc này, ngừng uống các loại thuốc hạ huyết áp khác.

29. Câu đằng quyết minh thang

Bài thuốc:

Thiên ma	: 10g,	Câu đằng	: 12-30g,
Cát căn	: 15-20g,	Ngưu tất	: 12-15g,
Tang ký sinh	: 12-15g,	Xích thược	: 12g,
Hoàng cầm	: 12-15g,	Sinh địa	: 12-20g,
Thạch quyết minh	: 20-30g,	Cúc hoa	: 15-20g.

Cách dùng: Cho thạch quyết minh vào đun sặc trước 30 phút sau đó cho các vị thuốc khác vào (câu đằng cho vào sau cùng). Sắc hai lần nước, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Tư âm bình can tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng, biểu hiện đầu váng, đầu đau, Tai ù mắt hoa, mất ngủ, hay nằm mơ, lưng đau gối mỏi, tay chân tê cứng.

30. Trân châu thang

Bài thuốc:

Trân châu mẫu	: 12g,	Thiên ma	: 12g,
Câu đằng	: 15g,	Cúc hoa	: 10g,
Quả dâu	: 12g.		

Cách dùng: Thuốc sắc, đập dập Trân châu mẫu rồi đun sặc trước 1 giờ, sau đó cho các vị thuốc khác vào, sôi rồi đun lửa nhỏ 1 giờ nữa, sắc 2 lần nước. Hoà

trộn 2 lần nước thuốc với nhau, uống sáng và tối, thuốc viên. Trước hết nhào Trần châu mầu trước, sau đó nhào các thuốc khác thành cao dẻo, đúc thành viên, áo bọc đường.

Công dụng: Dục âm tiềm dương, bình can khởi phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại các dương thượng kháng, kiêng ăn chất cay kích thích, 20 ngày là một đợt điều trị.

31. Long mẫu thang

Bài thuốc:

Đại hoàng	: 5g,	Chế bán hạ	: 5g,
Phục linh	: 3g,	Quế chi	: 3g,
Hoàng cầm	: 3g,	Đại táo	: 3g,
Gừng sống	: 3g,	Long cốt	: 3g,
Mẫu lệ	: 9g,	Nhân sâm	: 3g.

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang, đổ 2 bát nước sắc còn 1/2 bát chia 3 lần uống.

Công dụng: Ích khí thông lạc, bình can ức dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng, biểu hiện đầu mắt choáng váng, tay chân tê dại, mất sức.

Ghi chú: Bài thuốc này chữa bệnh xơ cứng động mạch dẫn tới cao huyết áp là hiệu nghiệm.

32. Câu đằng thang

Bài thuốc:

Câu đằng	: 9g,	Dương quy	: 9g,
Hoàng cầm	: 5g,	Đỗ trọng	: 5g,
Tang ký sinh	: 5g,	Chỉ thực	: 3g,
Ngưu tất	: 3g.		

Cách dùng: Sắc thuốc 2 lần, lấy nước thuốc chừng 150 ml ngày uống 2-3 lần.

Cách dùng: Thanh nhiệt bình can tư âm.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng, biểu hiện đầu mắt sưng đau, lưng nhức, gối mỏi.

Ghi chú: Bài thuốc này chủ yếu dùng chữa bệnh cao huyết áp do xơ cứng động mạch. Theo kết quả nghiên cứu cho biết Câu đằng, Hoàng cầm, Đỗ trọng có thể làm giảm rộng huyết quản.

33. Bình can hoá ứ thang.

Bài thuốc:

Hạ khô thảo : 15g,	Thạch quyết minh : 30g,
Tang ký sinh : 15g,	Bạch thực : 12g,
Ngưu tất : 12g,	Thảo quyết minh : 15g,
Sài hồ : 12g,	Đan sâm : 15g,
Đại hoàng : 5g.	

Cách dùng: Cho Thạch quyết minh vào đun sắc trước 30 phút, rồi cho các vị thuốc khác vào sắc 20 phút ..., cuối cùng cho Đại hoàng vào, đun lửa nhỏ sôi kỹ, chắt nước thuốc ra sắc lần thứ 2 rồi hoà đều nước thuốc 2 lần, uống sáng và tối.

Công dụng: Bình can hoá ứ.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại dương kháng huyết ứ, biểu hiện đầu choáng váng, hai mắt sưng đau.

Ghi chú: Theo thông báo, dùng bài thuốc này chữa 187 ca cao huyết áp, hiệu quả rõ rệt 110 ca, hiệu quả 65 ca.

34. Thiên ma định huyễn thang số 2

Bài thuốc:

Hạ khô thảo : 15g,	Câu đằng : 15g,
Sinh địa : 24g,	Thiên ma : 10g,
Cúc hoa : 10g,	Thạch quyết minh : 30g,
Đồng tạt lê : 15g,	Ngưu tất : 15g,
Tang ký sinh: 15g,	Long đởm thảo : 10g,
Sơn chi : 10g,	Long cốt : 30g,
Mẫu lệ : 30g,	Cam thảo : 8g.

Cách dùng: Cho Thạch quyết minh, Long cốt, Mẫu lệ đun sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào, Câu đằng cho vào cuối cùng, sắc 2 lần nước, hoà đều nước thuốc 2 lần, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Bình can tư âm

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng biểu hiện miệng khô và đắng, đầu vầng và đau, lợm giọng, buồn bực.

Ghi chú: Bài thuốc này chữa bệnh cao huyết áp thời kỳ I, II là tốt.

35. Tang ma địa hoàng thang

Bài thuốc:

Lá dâu : 10g,	Mẫu đơn : 10g
Trạch tả : 10g,	Cương tâm : 10g
Thạch xương bồ : 12g,	Vừng đen : 12g
Bạch lựu nhục : 12g,	Sinh địa : 30g
Sinh mẫu hệ : 30g,	Mạch môn : 6g
Huyền sâm : 6g,	Cam thảo : 6g.

Cách dùng: Sắc nước, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Tư bổ can thận, tiềm dương khởi phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng âm hư hoà đồng, liệt nửa người, miệng lưỡi méo xệch, nói ngọng, buồn bực mất ngủ, choáng váng, tai ù, mặt đỏ, lòng bàn tay bàn chân nóng.

36. Mao ngư long hạ thang

Bài thuốc:

Bạch mao căn	: 15-30g,	Ngư tất	: 15-20g,
Long đởm thảo	: 9-12g,	Sinh long sĩ	: 30g,
Hạ khô thảo	: 20-30g,	Hải tảo	: 15g,
Đan sâm	: 30-50g.		

Cách dùng: cho Long sĩ sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc vào, sắc 2 lần nước, uống ấm sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Bình can tiềm dương

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng, biểu hiện đầu mắt sưng đau, buồn bực dễ giận, mất ngủ.

37. Kiện tỳ ích thận thang

Bài thuốc:

Đảng sâm	: 30g,	Bạch trật	: 12g,
Hoàng liên	: 6g,	Sa nhân	: 9g,
Câu kỷ tử	: 15g,	Bạch thược	: 30g,
Liên nhục	: 30g,	Sinh Mẩu lệ	: 30g,
Ba kích	: 12g,	Địa cốt bì	: 20g,
Thiên ma	: 12g.		

Cách dùng: Cho mẫu lệ vào đun sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào, cuối cùng cho Sa nhân vào đun sôi là được, sắc 2 lần nước, uống ấm vào sáng và tối.

Công dụng: Bổ tỳ ích thận, bình can tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp mà tỳ thận đều hư, can dương thượng kháng, biểu hiện tình thần mệt mỏi, mất sức, đầu mắt choáng váng, tâm phiền đầu đau.

38. Quyết minh mẫu lệ thang

Bài thuốc:

Thạch quyết minh: 30g,	Mẫu lệ : 30g,
Bạch thược : 15g,	Ngưu tất: 15g,
Câu đằng : 15g,	Tâm sen : 6g,
Tua sen : 10g.	

Cách dùng: Cho Thạch quyết minh, Mẫu lệ đun sắc trước 30 phút, sau đó các vị thuốc khác vào đun tiếp 20 phút, sắc 2 lần nước, hoà chung nước thuốc 2 lần sắc, chia uống làm 2 lần.

Công dụng: Bình can tiềm dương

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng biểu hiện đầu váng đầu đau, mặt đỏ tai ù, tâm phiền.

39. Thanh não giáng áp thang

Bài thuốc:

Trân châu mẫu	: 30g,	Thạch quyết minh	: 25g,
Hà thủ ô	: 50g,	Bạch cúc hoa	: 15g,
Câu đằng	: 15g,	Huyền sâm	: 40g,
Bạch thược	: 15g,	Ngưu tất	: 15g,
Tật lê	: 15g,	Địa long	: 5g,
Hoàng cầm	: 15g,	Hạ khô thảo	: 15g.

Cách dùng: Cho Trân châu mẫu và Thạch quyết minh sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc vào

đun 20 phút rồi cho Câu đắng vào, đun sôi, chắt nước thuốc ra, đun lần thứ 2, 20 phút. Hoà chung hai nước thuốc, uống lúc sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Bình can tiềm dương

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng, biểu hiện đầu vầng và đau, tâm phiền mất ngủ, tai ù, lưỡi hồng, mạch huyền sắc.

40. Dục âm bình can tức phong thang.

Bài thuốc:

Sinh địa	: 30g,	Câu đằng	: 15g,
Thuyền thoái	: 15g,	Địa long	: 10g,
Đỗ tỳ	: 5g,	Tang ký sinh	: 20g,
Ngưu tất	: 15g,	Trân châu mẫu	: 20g,
Cương tâm	: 5g,	Bạch thược	: 30g,
Hạ khô thảo	: 30g,	Miết giáp	: 20g,
Thạch quyết minh	: 20g.		

Cách dùng: Cho thạch quyết minh, miết giáp, trân châu mẫu đun sắc trước 30 phút, sao cho các vị thuốc vào đun 20 phút, cuối cùng cho Câu đằng vào đun sôi là được, chắt nước thuốc ra, cho nước vào đun lần thứ 2, hoà chung 2 lần nước thuốc, uống ấm vào lúc sáng và tối.

Công dụng: Bình can khởi phong, dục âm, tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng, biểu hiện đầu choáng, đầu đau, lưng đau gối mỏi, nửa người tê liệt, miệng khát uống nhiều.

41. Tam long thang

Bài thuốc:

Long cốt	: 30g,	Long đởm thảo	: 6g,
Địa long khô	: 15g,	Linh từ thạch	: 30g,
Tang chi	: 15g,	Tang diệp	: 9g,
Mẫu lệ	: 30g.		

Cách dùng: Ngâm các loại thuốc khoáng thạch, vỏ hải sản vào nước 3 giờ, đem đun trong một giờ, cho các vị thuốc khác vào đun 1/2 giờ, chắt lấy nước, lại cho nước vào đun lần 2, 1/2 giờ, hòa chung 2 lần nước thuốc, uống ấm vào lúc sáng và tối.

Công dụng: Trấn can tiềm dương, thanh can tiết nhiệt.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng, biểu hiện đau đầu, choáng váng, mặt hồng mắt đỏ, cứng cổ ngủ không yên, tim hồi hộp, lưỡi hồng.

42. Tam thảo nhị minh thang

Bài thuốc:

Hạ khô thảo	: 30g,	Hy thiêm thảo	: 30g,
Ích mẫu thảo	: 30g,	Thảo quyết minh	: 35g,
Thạch quyết minh	: 30g.		

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang, sắc nước uống chia 2 lần.

Công dụng: Thanh can tả hỏa, khởi phong tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hoá thượng viêm hoặc can dương thượng kháng, biểu hiện bực dọc dễ giận, đầu mắt sưng đau.

43. Thiên ma Câu đằng ẩm

Bài thuốc:

Thiên ma	: 9g,	Câu đằng	: 12g,
Thạch quyết minh	: 18g,	Sơn chi	: 9g,
Hoàng cầm	: 9g,	Ngưu tất	: 12g,
Đỗ trọng	: 9g,	Ích mẫu thảo	: 9g,
Tang ký sinh	: 9g,	Dạ giao đằng	: 9g,
Chu phục thân	: 9g,		

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày 1 thang, Câu đằng cho vào sau, Thạch quyết minh sắc trước.

Công dụng: Bình can tiềm dương, Thanh nhiệt hoạt huyết, tư dưỡng can thận.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thiên kháng, can phong thượng nhiễu, biểu hiện đầu đau, choáng váng, mất ngủ, lưỡi hồng rêu vàng, mạch huyền.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

44. Qua thủy quyết minh trà

Bài thuốc:

Dưa hấu vỏ xanh : 9g Hạt thảo quyết minh: 9g.

Cách dùng: Sắc 2 vị này làm trà uống.

Công dụng: Thanh nhiệt, bình can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng, biểu hiện đầu đau, đầu choáng váng, mắt hoa, miệng khô đắng, lưỡi hồng mạch huyền.

45. Phức phương cân thái căn thang

Bài thuốc:

Cần thái căn (rễ rau cần)	: 50g		
Hạ khô thảo	: 15g,	Tang ký sinh	: 25g
Ích mẫu thảo	: 25g,	Gương hoa quỳ	: 50g.

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày 1 thang, chia 2 lần uống sáng và tối.

Công dụng: Thanh can tiết nhiệt, bình giáng can dương

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng biểu hiện, đầu đau choáng váng, bực tức dễ giận, miệng đắng.

46. Quyết minh Hạ khô tiến.

Bài thuốc:

Thảo quyết minh	: 200g,	Hoàng cầm	: 100g,
Hạ khô thảo	: 100g,	Câu đằng	: 50g,
Tang ký sinh	: 50g.		

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang, sáng tối chia 2 lần uống, 10 ngày là một đợt điều trị.

Công dụng: Bình can tức phong, lợi tiểu giáng áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng, biểu hiện đầu choáng váng, mắt hoa, tâm phiền nhiệt.

47. Phong dẫn thang

Bài thuốc:

Thạch cao	: 25g,	Hàn thủy thạch	: 25g,
Hoạt thạch	: 25g,	Xích thạch chỉ	: 25g,
Tử thạch Anh	: 20g,	Mẫu lệ	: 10g,
Long cốt	: 12g,	Quế chi	: 12g,
Can khương	: 4,5g,	Đại hoàng	: 4,5g,
Cam thảo	: 4,5g.		

Cách dùng: sắc nước uống mỗi ngày 1 thang, chia 2 lần uống.

Công dụng: Thanh can tả hỏa, tiềm dương khởi phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng can hỏa kẹp đờm, biểu hiện đầu đau, choáng váng, mặt hồng mắt đỏ, ngực tức hông đau, đại tiện bí, nước tiểu đỏ, lưỡi hồng, mạch huyền hoạt.

48. Xú mẫu đơn hoàn

Bài thuốc:

Xú mẫu đơn : 12g, Hạ khô thảo : 15g,
Tê thái : 15g, Phòng kỷ : 9g.

Cách dùng: Tán thành bột nhào với nước làm hoàn, mỗi ngày uống 3 lần, mỗi lần 6g.

Công dụng: Bình can giáng áp, bổ khí, kiện tỳ.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng, biểu hiện đầu vầng đau, lưng đau mất sức.

49. Xú ngô đồng bình can thang

Bài thuốc: Lá xú ngô đồng: 9g

Cách dùng: Sắc uống mỗi ngày 1 thang, dùng làm trà uống.

Cách dùng: Bình can giáng áp, điều khí, tan tích.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng biểu hiện đầu đau, mắt sưng, miệng khô và đắng, mạch huyền.

50. Thanh không cao

Bài thuốc:

Xuyên khung	: 12g,	Phòng phong	: 12g,
Sài hồ	: 10g,	Hoàng liên	: 10g,
Khương hoạt	: 15g,	Hoàng cầm	: 15g,
Cam thảo	: 3g.		

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Bình can, tiềm dương, khởi phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng, biểu hiện sau cơn giận dữ, bên phải đầu và sau gáy bị sưng đau, mắt nhìn tối om, buồn bực, lưỡi hồng, rêu vàng mỏng mạch huyền.

51. Long mẫu thiết lạc thang

Bài thuốc:

Long cốt : 9g, Mẫu lệ : 9g,

Từ thạch : 9g, Đại giả thạch : 9g,

Đỗ trọng : 15g, Sinh thiết lạc: 60g, (bọc túi vải).

Cách dùng: 5 vị trước cho vào nước đun trước 30 phút. Sau đó cho Đỗ trọng vào tiếp tục đun 15 phút, lọc lấy nước, lại đun tiếp lần thứ 2. Hoà chung nước thuốc 2 lần, chia 2 lần uống, mỗi ngày một thang.

Công dụng: Bổ thận bình can khởi phong

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại bị can dương thượng kháng, biểu hiện choáng váng nhiều lần, đau đầu, ngũ tâm phiền nhiệt, tai ù hay quên, lưng gối nhức mỏi, tay chân tê dại, tim hồi hộp mất ngủ, lưỡi hồng rêu mỏng, mạch huyền.

52. Cúc đẳng giáng áp thang

Bài thuốc:

Cúc hoa : 12g, Sao Hoàng Cầm : 9g,

Huyền sâm : 15g, Ngưu tất : 15g,

Đại giả thạch : 15g, Sinh địa : 15g,

Tô mộc : 6g, Cam thảo : 6g,

Thạch quyết minh: 30g.

Cách dùng: Cho Đại giả thạch, Thạch quyết minh vào nước đun sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào sắc tiếp 15 phút, chắt lấy nước thuốc rồi đun sắc lần thứ 2, hoà chung nước thuốc 2 lần, chia 2 lần uống, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Tư âm tiềm dương, khởi phong, hoạt huyết, thông lạc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng, biểu hiện đầu đau, đầu sưng, choáng váng, tai ù, tai điếc, miệng khô đắng, bực tức, dễ giận, lưỡi không rêu vàng, mạch huyền.

53. Bình can an thần thang

Bài thuốc:

Phù tiểu mạch	: 60g,	Long cốt	: 30g
Bách diệp	: 15g		

Cách dùng: Cho nước sắc Long cốt trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào sắc tiếp 15 phút, chắt lấy nước, lại cho nước sắc lần 2, hoà chung 2 nước thuốc chia 2 lần uống sáng và tối.

Công dụng: Bình can tiềm dương, an thần

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng, biểu hiện đầu đau sưng, choáng váng, lúc nhẹ lúc nặng, buồn bực mất ngủ, hay quên, nằm mơ nhiều.

Ghi chú: Bài thuốc này chữa cao huyết áp thời kỳ II.

54. Nhị qua ẩm

Bài thuốc:

Hoàng gia đằng	: 30g,	Lá tre:	10g
Tây qua đằng(dây dưa hấu, dây dưa bở)	: 30g		

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Thanh tâm tả hỏa bình can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp do dương nhiệt kháng thịnh, biểu hiện đau đầu, vàng đầu, miệng đắng, lưỡi hồng, rêu vàng, mạch huyền.

55. Trấn can giáng áp thang

Bài thuốc:

Đại giả thạch	: 30g,	Thạch quyết minh	: 30g,
Cúc hoa	: 12g,	Ngưu tất	: 15g,
Bạch thược	: 15g,	Huyền sâm	: 15g,
Sao hoàng cầm	: 10g,	Sinh cam thảo	: 6g,
Sinh địa	: 15g.		

Cách dùng: Cho đun sắc Đại giả thạch, thạch quyết minh trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào tiếp tục đun 15 phút, chắt lấy nước, đun lần thứ 2, hoà chung 2 lần nước thuốc, chia 2 lần uống, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Bình can khởi phong giáng áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng, biểu hiện choáng váng, đầu đau, bực tức dễ giận, đầu nặng chân nhẹ, lưỡi hơi hồng, rêu lưỡi mỏng vàng, mạch huyền.

56. Huyền vừng hợp tễ

Bài thuốc:

Trân châu mẫu	: 15-60g,	Đại giả thạch	: 15-30g,
Sài hồ	: 5-10g,	Chỉ thực	: 6-10g,
Bạch thược	: 10-30g,	Huyền sâm	: 10g,
Sinh địa	: 10g,	Cam thảo	: 3g.

Cách dùng: cho đun sắc Trân châu mẫu, Đại giả thạch trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khai vào đun tiếp 20 phút mỗi ngày 1 thang, mỗi thang sắc 2 lần, uống sáng và tối.

Công dụng: Trấn can tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: cao huyết áp loại can thượng kháng, biểu hiện choáng váng, tai ù, đầu mắt sưng đau, đầu nặng, chân nhẹ, lưỡi hồng, ít nước bọt, mạch huyền.

57. Bình can tức phong thang

Bài thuốc:

Từ thạch	: 30g,	Sinh thạch quyết minh	: 30g,
Câu đằng	: 15g (cho vào sau),	Cúc hoa	: 10g,
Đờm tinh	: 10g,	Trúc nhự	: 10g,
Chỉ thực	: 10g,	Thạch xương bồ	: 8g,
Viễn chí	: 10g,	Cương Tầm	: 6g,
Hoàng liên	: 10g,	Lá dâu	: 15g,

Cách dùng: Cho Từ thạch, Thạch quyết minh vào đun sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào tiếp tục đun 20 phút, mỗi thang sắc 2 lần, uống vào buổi sáng tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Bình can, khởi phong, thanh hoá đờm nhiệt.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng, can hỏa kẹp đờm, biểu hiện đầu đau, đầu mắt choáng váng, mất ngủ nằm mơ nhiều, miệng đắng buồn nôn, lưỡi hồng rêu vàng nhơn mạch huyền hoạt.

58. Xa hoạt thang

Bài thuốc:

Xa tiên thảo : 30g, Hoạt thạch : 30g.

Cách dùng: sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang

Công dụng: Tiết nhiệt, bình can, lợi thấp, giáng áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng biểu hiện đầu đau và sưng, choáng váng, tâm phiền, dễ giận, mất ngủ, đái rắt, đại tiện bí, lưỡi hồng rêu vàng, mạch huyền.

59. Nhị hoa giáng áp trà

Bài thuốc:

Hoa đậu tằm : 50g, Hoa mào gà : 50g.

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang, chia 2 lần.

Công dụng: Tiết nhiệt bình can

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng cương, biểu hiện đầu vầng, mắt hoa, buồn bực dễ giận.

60. Cúc hạ khô đinh trà

Bài thuốc:

Cúc hoa: 15g, Hạ khô thảo: 20g, Khô đinh trà: 10g.

Cách dùng: Pha nước sôi uống như trà, mỗi ngày 1 thang.

Cách dùng: Tiết nhiệt bình can

Chữa chứng bệnh: cao huyết áp loại can dương thượng kháng, biểu hiện đầu đau, đầu vầng mắt hoa, miệng đắng, lưỡi hồng rêu vàng, mạch huyền.

61. Từ thạch tiềm dương thang

Bài thuốc:

Từ thạch	: 9g,	Thạch quyết minh	: 9g,
Hoàng cầm	: 9g,	Tang ký sinh	: 9g,
Địa long	: 9g,	Ngưu tất	: 9g,
Long xỉ	: 9g,	Thạch xương bồ	: 9g,
Thiên ma	: 6g,	Lai phục tử	: 6g,
Đỗ trọng	: 10g,	Đại giả thạch	: 12g,
Sao táo nhân	: 12g,	Bột linh dương giác	: 3g (uống riêng).

Cách dùng: Cho Từ thạch, Thạch quyết minh, Đại giả thạch, Long xỉ sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào tiếp tục sắc 15 phút, chắt lấy nước, đun lần thứ 2, hoà chung hai lần nước thuốc, chia 2 lần, uống mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Bổ thận dưỡng can, tiềm dương khởi phong, khai khiếu, an thần.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương kháng thịnh hoá phong, biểu hiện choáng váng, đầu sưng đau, mặt đỏ, tai ù điếc, mất ngủ, nằm mơ nhiều, thậm chí bị hôn mê bất tỉnh.

62. Địa long thẩu cốt thang

Bài thuốc:

Giun sống	: 30-60g,
Thẩu cốt tiêu (loại tươi)	: 60-100g.

Cách dùng: Dem thẩu cốt tiêu giã dập lấy nước, giã bã thuốc lẫn với giun, cho 500 ml nước vào đun còn 300 ml, hoà đều hai loại nước, cho đường vào, mỗi ngày 1 thang chia 2 lần uống.

Công dụng: Bình can khởi phong, hoạt huyết thông kinh.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thiên kháng, huyết ứ trở trệ, biểu hiện đầu đau, choáng váng, mất ngủ, tim hồi hộp, hay quên, chân tay tê dại.

63. Thiên ma huyền thoái tức phong thang

Bài thuốc:

Thuyền thoái: 30g, Thiên ma : 10g,

Sinh thạch quyết minh (sắc trước) : 30g.

Cách dùng: Sắc uống, mỗi ngày 1 thang, chia 3 lần uống.

Công dụng: Trấn Can, tiềm dương, khởi phong

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương kháng thịnh hoá phong biểu hiện đầu đau, mắt hoa, miệng khô, tai ù, hay mơ, đầu nặng chân nhẹ.

64. Nhân trần hoàng liên thang

Bài thuốc:

Nhân trần : 15g, Hoàng liên : 10g,

Dư cam tử : 15g, Tiêm mao bà bà nạp: 15g.

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày 2 lần, mỗi lần 60-80ml.

Công dụng: Thanh nhiệt lợi thấp, tiết nhiệt bình can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can nhiệt dương thượng kháng biểu hiện đầu đau, lao lực quá độ càng đau dữ.

65. Thanh phế bình can thang

Bài thuốc:

Mã đầu linh: 30g, Hạ khô thảo: 15g, Ngưu tất: 9g

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Thanh phế bình can

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thiên kháng biểu hiện đầu vầng mắt hoa, buồn bực dễ giận, mất ngủ mơ nhiều, lưỡi hồng, rêu mỏng, mạch huyền tế.

66. Ký sinh Câu đằng thang

Bài thuốc:

Hạ khô thảo :16g,	Cúc hoa : 15g,
Hoàng cầm : 9g,	Táng ký sinh : 15g,
Địa long : 9g,	Huyền sâm : 12g,
Xuyên khung: 5g,	Sinh địa : 18g,
Sao bạch thực:9g,	Ngưu tất : 9g,
Câu đằng : 12g (cho vào sau),	
Sinh thạch quyết minh (sắc trước): 30g.	

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang, uống sáng và tối.

Công dụng: Trấn can, tiềm dương, khai phong, thông lạc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng biểu hiện đầu sưng đau, choáng vầng, tai ù, điếc, miệng táo họng khô, miệng đắng mặt đỏ, lưỡi hồng, ít nước bọt, mạch huyền.

67. Dầu thống ẩm

Bài thuốc:

Xuyên khung : 30-40g,	Đương quy : 10g,
Rết con : 1con,	Thiên ma : 10g,
Cúc hoa : 10g.	

Cách dùng: Cho 4 vị thuốc vào sắc 2 lần và hoà đều, rết nghiền nhỏ chia làm 2 lần uống với nước thuốc, mỗi ngày 1 thang, 12 ngày là một đợt điều trị. Cùng có thể dùng thang thuốc tán thành bột, ngày uống 10g với nước sôi, ngày uống 2-3 lần.

Cách dùng: Bình can khởi phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng can phong quấy nhiễu bên trong, biểu hiện đầu đau, choáng váng, buồn bực dễ giận, lưỡi hồng rêu vàng, mạch huyền.

68. Thạch quyết minh tiên

Bài thuốc:

Tế tân : 3g, Xuyên khung : 10g,

Bạch chỉ : 5g, Sinh Thạch quyết minh : 30g.

Cách dùng: Cho thạch quyết minh đun trước 30 phút, cho các vị thuốc vào đun sôi, chắt ra, cho nước vào đun tiếp lần 2, hoà chung 2 lần nước thuốc, mỗi ngày 1 thang, uống sáng tối.

Công dụng: Trấn an tiềm dương, nhu gan, khởi phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng, can phong quấy nhiễu bên trong, biểu hiện đầu đau váng đầu, bực tức dễ giận, miệng đắng, mất ngủ, mạch huyền.

69. Cầu kỷ trà

Bài thuốc:

Lá cầu kỷ : 500g, Búp cầu kỷ : 500g.

Cách dùng: Sao lá và búp cầu kỷ, sắc uống như chè

Công dụng: Bồi bổ tính khí.

Chữa chứng bệnh: Tinh huyết hư kém, dương kháng, biểu hiện đầu đau, đầu váng mắt hoa, lưng đau, gối mỏi.

70. Ngọc tu thang

Bài thuốc:

Râu ngô: 50g, Vỏ chuối tiêu: 50g, Sơn chi: 9g

Cách dùng: Sắc 3 vị lấy nước để nguội rồi uống

Công dụng: Thanh nhiệt mát huyết

Chữa chứng bệnh: Chữa dương kháng dẫn tới tròng mắt xuất huyết hoặc thổ huyết.

71. Quyết minh cúc hoa thang

Bài thuốc:

Thạch quyết minh : 15g (đập vỡ)

Thảo quyết minh : 15g, Hoàng cúc hoa : 6g.

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày 2 lần

Công dụng: Bình can tiềm dương thanh nhiệt chỉ huyết.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng, huyết chạy lung tung, biểu hiện đầu vầng, mắt đỏ, tròng mắt có máu.

72. Huyền giáng thang

Bài thuốc:

Phục linh : 15g,

Thạch quyết minh : 24g,

Tang ký sinh : 24g,

Sinh mẫu lệ : 30g,

Thiên ma : 9g,

Sơn chi : 9g,

Đỗ trọng : 9g,

Hoàng cầm : 9g,

Câu đằng : 24g,

Dạ giao đằng : 24g,

Ngưu tất : 12g,

Ích mẫu thảo : 12g,

Sinh long cốt : 30g.

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang, sắc nước chia 2 lần uống.

Công dụng: Bình can tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng biểu hiện đầu mắt sưng đau, choáng váng, lưng đau gối mỏi, tim hồi hộp, mất ngủ.

73. Giáng áp Tán

Bài thuốc:

Dương quy	: 15g,	Đan sâm	: 15g,
Hồng hoa	: 6g,	Địa long	: 12g,
Giáng hương	: 15g,	Sinh sơn tra	: 15g,
Sinh Hà thủ ô	: 10g,	Trạch tả	: 15g,
Xuyên khung	: 10g,	Câu đằng	: 15g,
Hạ khô thảo	: 15g,	Nhân trần	: 10g.

Cách dùng: Sắc với nước 2 lần, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Bình can tiềm dương

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng, biểu hiện đầu váng và đau, mặt đỏ miêng đắng, tai ù, tâm phiền, tay chân tê dại.

74. Khô thảo qua tu thang

Bài thuốc:

Củ đậu : 20g, Hạ khô thảo: 10g, Râu ngô: 10g

Cách dùng: Cho thuốc sắc 2 lần, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Bình can giáng áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương kháng, biểu hiện đầu choáng, mặt đỏ, tâm phiền, miêng khô và đắng.

75. Địa cầm thang

Bài thuốc: Địa vị thái: 50g, Cầm kê nhi: 50g.

Cách dùng: Cho thuốc sắc 2 lần, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Bình can giáng áp

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng, biểu hiện đầu mắt sưng đau, Tim phiên nhiệt.

76. Ngọc Tây hương ẩm

Bài thuốc:

Râu ngô: 6g, Vỏ dưa hấu: 6g, Chuối tiêu: 3 quả

Cách dùng: Chuối tiêu bỏ vỏ, cho đun cùng với vỏ dưa hấu và râu ngô, cho đường phèn vào, ngày uống hai lần, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Tiết nhiệt bình can, lợi tiểu thông đại tiện.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng, biểu hiện đầu sưng đau, choáng váng, họng khô, đại tiện táo, nước tiểu đỏ, lưỡi hồng ít nước bọt, mạch huyền.

77. Trư tỳ thang

Bài thuốc:

Trư tỳ (lá lách lợn): 1 cái, Hoài sơn: 100g

Cách dùng: Thái lá lách ra từng miếng. Rửa sạch hoài sơn thái lát cho vào ấm, đổ 2 bát nước, đun sôi 3 lần, sau đó cho lá lách vào, lại đun 5 phút là dùng được. Ăn lá lách trước, ăn hoài sơn sau, rồi uống nước luộc, ăn uống trước khi ngủ 6 lần là khỏi, khi đun kỵ bỏ muối, mắm, dầu.

Công dụng: Bình can kiện tỳ.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng, biểu hiện đầu đau, choáng váng, hôn mê.

78. Chiết đầu bột tế thang

Bài thuốc:

Hải chiết đầu (con sứa) : 100-150g,

Bột tế (mã thầy) : 100-150g.

Cách dùng: Rửa sạch sứa cho hết mặn, cho nấu chung với mã thầy, lấy nước uống.

Công dụng: Trấn can tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng, biểu hiện đầu hôn mê, não phù, phiền nhiệt miệng khát.

79. Địa long đàn thái

Bài thuốc:

Giun sống: 4 con, Trứng gà: 2 quả, dầu ăn, muối.

Cách dùng: Giun thả trong chậu 2-3 ngày cho nó nhả hết chất bùn ra, mổ ra rửa sạch, cắt thành đoạn, đập trứng gà bỏ vỏ, trộn trứng gà với giun giấy đều, sau đó cho mỡ vào chảo rán chín, chấm muối ăn, cách 1 ngày ăn 1 lần.

Công dụng: Bình can khởi phong

Chữa chứng bệnh: Chữa can dương thượng kháng, can phong quấy nhiễu bên trong, biểu hiện đầu đau, choáng váng, mặt đỏ, tay chân tê dại.

80. Cháo phát thái mẫu trư

Bài thuốc:

Phát thái : 3g, Mẫu lệ nhục (thịt hàu): 60g,

Thịt nạc : 60g, Gạo một nắm.

Cách dùng: Rửa sạch phát thái và thịt hàu, thịt nạc băm nhỏ viên thành viên, dùng nồi đất đun sôi, sau đó cho gạo vào cùng rau ngổ, thịt hàu nấu đến khi gạo nở xoe thì cho viên thịt vào nấu chín, ăn thịt và húp cháo.

Công dụng: Tư âm tiềm dương

Chữa chứng bệnh: Chữa bệnh can, âm không đủ, can dương. bốc lện trên, biểu hiện đầu vàng, mắt hoa, đại tiện táo bón.

81. Thảo quyết giáng áp trà

Bài thuốc:

Thảo quyết minh: 30g, Câu đằng: 30g, Đỗ trọng: 20g

Cách dùng: Bình can tiềm dương

Công dụng: Cao huyết áp loại can dương thượng, kháng, biểu hiện đầu vàng, đau nhức đầu, lưng đau, gối mỏi.

Ghi chú: Đây là nghiệm phương dân gian tỉnh Quảng Tây.

82. Câu đằng giáng áp trà

Bài thuốc:

Câu đằng : 30g, Bột cát căn : 45g,

Ngưu tất : 10g, Mao đông thanh : 60g.

Cách dùng: Cho thuốc này sắc nước 2 lần, lấy 1000 ml nước thuốc, uống thay nước chè, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Bình can giáng áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp hoặc can dương thượng kháng biểu hiện choáng vàng, đầu đau, gối mỏi.

Ghi chú: Tây là nghiệm phương dân gian tỉnh Quảng Tây.

83. Cháo Quyết minh cúc hoa

Bài thuốc:

Hạt quyết minh (sao) : 10-15g, Gạo tẻ: 50g,

Bạch cúc hoa : 10g.

Lượng đường phèn vừa phải

Cách dùng: Cho tất cả các vị vào nấu thành cháo ăn.

Công dụng: Bình can tiềm dương

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng biểu hiện đau đầu, choáng váng, buồn bực.

84. Cháo Quất miêu

Bài thuốc:

Búp non hoặc mầm non cam quýt: 15-30g.

Cách dùng: Rửa sạch đã nát, nấu cháo với gạo tẻ rồi cho đường phèn vào, ăn vào buổi sáng tối, ăn liên 7-8 ngày.

Công dụng: Tiết nhiệt, bình can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng biểu hiện đau đầu, choáng váng, mặt đỏ, miệng đắng.

85. Siro Quỳ hoa bàn

Bài thuốc:

Đài hoa quỳ khô (gương hướng dương): 750g,

Đường trắng : 800g.

Cách dùng: Rửa sạch búp hoa quỳ, đã nát, cho nước ngập, đun 2 lần, mỗi lần sôi 1 giờ, hoà chung 2 lần

nước đun, lọc kỹ, cô lại còn 500ml, cho đường trắng vào, lại đun sôi, quấy đều cho tan hết, lọc qua ché thành xirô 1000ml là được.

Công dụng: Tiết nhiệt bình can, lợi tiểu giáng áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng, biểu hiện đầu mắt sưng đau, tai ù, tai ù, miệng đắng, lưỡi hồng, rêu vàng nhờn, mạch huyền.

86. Hải đới quyết minh ẩm

Bài thuốc:

Hải đới 10g, Thảo quyết minh: 10g.

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang, ngày uống 2 lần, ăn rau câu (Hải đới) và uống nước.

Công dụng: Bình can giáng áp

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng biểu hiện đầu đau choáng váng, mặt hồng mắt đỏ, buồn bực dễ giận.

87. Cần táo trà

Bài thuốc: Đại táo, rau cần lượng vừa phải

Cách dùng: Pha uống thay chè

Công dụng: Thanh can giáng áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng biểu hiện đầu đau, choáng váng, tai ù, mắt hoa, có lúc cảm thấy tay chân tê dại.

88. Thị nữ trà

Bài thuốc: Quả hồng, Số lượng vừa phải

Cách dùng: Ép quả hồng lấy nước hoà với sữa bò hoặc cháo uống, mỗi lần 100ml.

Công dụng: Tiết nhiệt, bình can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng, biểu hiện đầu sưng đau, choáng váng.

89. Ngọc mễ tu trà

Bài thuốc: Râu ngô: 150g

Cách dùng: Sắc nước uống thay chè

Công dụng: Bình can giáng áp

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng biểu hiện đau đầu, choáng váng, mắt sưng đau, bực tức, dễ giận.

90. Cháo bách hợp sâm táo

Bài thuốc:

Gạo tẻ : 50g,

Bách hợp : 30g

Sa sâm : 15g,

Đại táo : 6 quả.

Cách dùng: Nấu thành cháo, ăn sáng tối.

Công dụng: Bổ phế tả hãn.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng biểu hiện đầu sưng đau, choáng váng, miệng táo, họng khô, ra mồ hôi trộm, ho khan ít đờm.

91. Nhị hoa ẩm

Bài thuốc: Hoa lạc, lá lạc đều 30g.

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày 3 lần, uống liên mấy ngày.

Công dụng: Thanh can giáng áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng, biểu hiện đau đầu, choáng váng, tai ù, mắt hoa.

92. Cháo Đại bao cần

Bài thuốc:

Đại bao cần (búp rau cần): 60g, Gạo tẻ: 50g, Muối ăn chút ít.

Cách dùng: Rửa sạch búp rau, cắt thành từng đoạn dài 2 cm vo sạch gạo, cho vào nồi đun dần chín cho rau vào, tiếp tục nấu thành cháo, cho vào ít muối khuấy đều là ăn được.

Công dụng: Tiết nhiệt bình can, khử phong khỏi đau.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng, biểu hiện đau đầu choáng váng, miệng đắng buồn bực.

93. Cháo Thanh minh thái chúc

Bài thuốc:

Rau thanh minh: 90g, Gạo tẻ: 150g, muối ăn.

Cách dùng: Nhặt sạch, rửa sạch rau, cắt thành từng đoạn dài 2cm, vo gạo sạch, cho gạo và rau vào nồi, cho nước đun sôi, bớt lửa cho thành cháo, cho ít muối vào khuấy đều là ăn được.

Công dụng: Bình can sáng mắt.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương kháng biểu hiện đau đầu choáng váng, hoa mắt, mạch huyền.

94. Cháo Câu đằng chúc

Bài thuốc: Câu đằng: 30g; Gạo tẻ: 150g

Cách dùng: Chọn sạch, rửa sạch Câu đằng, cắt thành đoạn ngắn, cho vào nồi đất, đổ nước vào nấu sôi, giảm lửa đun 15 phút, bỏ bã, cho gạo vào nấu thành cháo.

Công dụng: Thanh nhiệt, khử phong, mát gan, giải uất, lợi thấp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng, biểu hiện đầu vàng, mắt hoa, hoặc đầu sưng đau, miệng khô, lưỡi hồng, mạch huyền.

B. THUỐC DÙNG NGOÀI

95. Gối Tân di hồng hoa

Bạch cúc hoa	: 500g,	Đỗ cúc hoa	: 500g,
Tang diệp	: 500g,	Tân di	: 500g,
Bạc hà	: 200g,	Hồng hoa	: 100g,
Băng phiến	: 50g.		

Cách dùng: Cho vào túi vải tối ngủ dùng làm gối gối đầu, thuốc 1 lần dùng 6 tháng. Khi khí hậu ẩm ướt, tháo ra phơi khô dùng lại.

Công dụng: Tiết nhiệt bình can hạ áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng biểu hiện đầu vàng, mắt ngủ, nằm mơ nhiều.

96. Gối Quyết minh cúc hoa

Bài thuốc: Thảo quyết minh, Cúc hoa đều bằng nhau.

Cách dùng: Cho vào trong ruột gối, lúc ngủ gối đầu.

Công dụng: Tiết nhiệt bình can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng biểu hiện đau đầu, đầu vàng mắt hoa (đem ngủ không yên).

97. Thuốc ngâm chân khô thảo câu đằng.

Bài thuốc:

Hạ khô thảo	: 30g,	Câu đằng	: 20g
Tang diệp	: 15g,	Cúc hoa	: 20g

Cách dùng: Đun sôi để nguội ngâm chân, mỗi ngày 1-2 lần mỗi lần 30 phút.

Công dụng: Thanh can, tả nhiệt, tức phong

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng biểu hiện đầu sưng đau, đầu vàng mắt hoa, bực tức, dễ giận, đêm ngủ nằm mơ nhiều.

III. LOẠI CAN HOẢ THƯỢNG VIÊM

A. THUỐC UỐNG TRONG

98. Hạ ký cầm thực thang

Bài thuốc:

Hạ khô thảo : 30g,

Hoàng cầm : 15g,

Ngưu tất : 35g,

Câu đằng : 15g.



Tang ký sinh : 20g,

Bạch thực : 25g,

Mẫu lệ : 50g,

Cách dùng: Cho mẫu lệ sắc trước 30 phút, cho các vị thuốc khác vào, câu đằng cho sau cùng, mỗi ngày 1 thang, sắc 2 lần, hoà chung 2 lần nước thuốc, uống khi ăn cơm sáng 1/2 giờ và trước khi ngủ uống 100ml.

Công dụng: Thanh can tả hoả, bình can tiềm dương hoặc can dương thượng kháng, biểu hiện đầu đau choáng váng, não phù tai ù, hai mắt khô hoặc mắt đỏ sưng đau, ngực đau miệng đắng.

99. Tiêu giao giảng áp thang

Bài thuốc:

Sơn chi : 12-15g,

Cúc hoa : 12-15g,

Bạch thực : 15-30g,

Hoàng Cầm : 12-15g,

Sài hồ : 15g,

Phục linh : 15-30g,

Hạ khô thảo : 15-30g, Đường quy : 9-12g,
Bạc hà : 9g.

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang, Sắc 2 lần nước, uống sáng và tối.

Công dụng: Sơ can giải uất, thanh tả can hoá

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can uất hoá hoả, biểu hiện đầu vầng đầu đau, miệng đắng mắt đỏ, nóng nảy, dễ giận, xương sườn sưng đau, lưỡi hồng, mạch huyền sắc.

Ghi chú: Theo thông báo dùng bài thuốc này chữa 33 ca cao huyết áp, hiệu quả rõ rệt 14 ca, hiệu quả 11 ca.

100. Long đởm tả can thang.

Bài thuốc:

Long đởm thảo	6g,	Hoàng cầm	: 9g,
Chi tử	9g,	Trạch tả	: 9g,
Mộc thông	6g,	Đường quy	: 3g,
Sinh địa	: 6g,	Sài hồ	: 6g,
Sinh cam thảo	: 6g,	Xa tiền	: 6g.

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Thanh can, tả hoả, lợi thấp nhiệt.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp can hoả kháng thịnh biểu hiện đầu vầng, đầu đau, mắt đỏ miệng đắng, buồn bực dễ giận, lồng ngực sưng đau, ngủ ít mơ nhiều, lưỡi hồng rêu vàng nhờn, mạch huyền sắc.

101. Cúc thảo giáng áp hoàn

Bài thuốc: Thảo quyết minh, Dã cúc hoa, Hoàng cầm lượng bằng nhau.

Cách dùng: Nghiền 3 vị thuốc thành bột, nhào nước làm hoàn ngày uống 3 lần, mỗi lần 10g.

Công dụng: Thanh can tả hỏa.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hỏa kháng thịnh, biểu hiện choáng váng, đầu đau, mặt hồng, mắt đỏ, miệng đắng, buồn bực, đại tiện táo bón, nước tiểu vàng, rêu lưỡi vàng, mạch huyền.

102. Thị thảo thang

Bài thuốc:

Bánh nhân hồng: 10 cái, Xa tiền thảo: 10g.

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày 1 thang, sắc 2 lần uống sáng và tối.

Công dụng: Thanh can tiết nhiệt.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hỏa thượng viêm, biểu hiện đầu vàng và đau, mắt đỏ, miệng đắng. Lòng ngực đau nhức, buồn bực dễ giận, ngủ ít mà nhiều lưỡi hồng, lưỡi vàng, mạch huyền.

103. Mạo hoè thang

Bài thuốc: Hoè hoa: 15g, Bạch mao căn: 30g

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang sắc 2 lần uống sáng và tối.

Công dụng: Thanh can tả hỏa.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hỏa kháng thịnh, biểu hiện đầu sưng đau, mắt đỏ, miệng đắng, bực tức dễ giận, đại tiện táo bón, tiểu tiện vàng, lưỡi hồng rêu vàng, mạch huyền sắc.

104. Quan thiên thang

Bài thuốc:

Kê quan hoa (hoa mào gà): 30g, Thiên thảo: 10g

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang, sắc 2 lần, uống sáng và tối.

Công dụng: Thanh can tiết nhiệt, hoạt huyết hoá ứ.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp do can uất hoá, huyết ứ trở trệ, biểu hiện đầu đau, đầu váng, miệng đắng, môi thâm, trên lưỡi có tia máu, mạch huyền sáp.

105. La bố ma điệp trà.

Bài thuốc: Lá la bố ma: 3-6g.

Công dụng: Thanh can, tả hỏa, lợi tiểu hạ áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hoá kháng thịnh, biểu hiện đầu sưng đau, mắt hoa, mặt đỏ miệng đắng, mất ngủ mơ nhiều, lưỡi hồng, rêu vàng, mạch huyền.

106. Liễu điệp ẩm

Bài thuốc: Lá liễu tươi 250g.

Cách dùng: Pha nước sôi làm trà uống

Cách dùng: Sắc nước còn 150ml, chia 2 lần uống, 6 ngày là một liệu trình.

Công dụng: Thanh nhiệt, lợi tiểu, bình can

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hoá thiên kháng, biểu hiện đầu váng, mất ngủ mơ nhiều, miệng khô, lưỡi hồng, rêu vàng, mạch huyền.

107. Mao ngọc địa long ẩm

Bài thuốc:

Râu ngô : 45g, Giun: 15g,

Trư mai thái (rau lông lợn) : 90g.

Cách dùng: Cho nước sắc còn 1500ml, mỗi lần uống 1/2 bát, mỗi ngày uống 3 lần.

Công dụng: Thanh nhiệt mát can, bình can, thông lạc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hỏa kháng thịnh, đầu sưng đau, choáng váng, mặt đỏ, miệng đắng, bực tức dễ giận, mất ngủ mơ nhiều, lưỡi hồng, rêu vàng, mạch huyền sắc.

108. Liễu khổ ẩm

Bài thuốc: Lá liễu: 15g, Khổ sâm: 30g

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang

Công dụng: Thanh nhiệt tả hỏa lợi thủy nhiệt

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hỏa kháng thịnh, biểu hiện đầu đau và sưng, choáng váng, mặt đỏ miệng đắng, lồng ngực sưng đau.

109. Mao căn thi diệp ẩm

Bài thuốc: Lá cây hồng. Bạch mao căn đều 30g.

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang

Công dụng: Tiết nhiệt bình can, khử huyết ứ.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hỏa thượng viêm, biểu hiện đầu đau và sưng, choáng váng, mặt đỏ, miệng đắng, buồn bực mất ngủ, lưỡi hồng, rêu lưỡi vàng, mạch huyền sáp.

110. Tiêu bì ba cô thang

Bài thuốc:

Vỏ chuối tiêu : 30g,

Khô thảo: 30g,

Rau chân vịt : 50g.

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Tiết nhiệt bình can

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hỏa thượng viêm, biểu hiện đầu sưng đau, đầu vàng mắt hoa, mặt đỏ, miệng đắng, buồn bực, dễ giận, đại tiện táo bón, nước tiểu đỏ, lưỡi hồng rêu lưỡi vàng, mạch huyền sắc.

111. Chỉ huyền phấn

Bài thuốc:

Nước gan lợn: 120g, Bột đậu xanh: 50g

Cách dùng: Cho bột đậu xanh hoà với nước gan lợn, quấy đều phơi khô nghiền thành bột, mỗi lần uống 6g, mỗi ngày 2 lần.

Công dụng: Tiết nhiệt bình can

Chữa chứng bệnh: Chữa loại can hỏa thượng viêm, đầu sưng đau, đầu vàng mắt hoa, miệng khô, họng táo.

112. Quyết minh đào nhân thang

Bài thuốc: Đào nhân: 9g, Quyết minh tử: 12g.

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Thanh can tiết nhiệt, khứ ứ thông khiếu.

Chữa chứng bệnh: Dùng chữa loại can uất hoá hỏa, huyết ứ trở trệ, biểu hiện đầu đau, đầu vàng, đại tiện táo bón, lưỡi thâm, mạch huyền sáp.

113. Khô thảo chỉ huyền thang.

Bài thuốc:

Hạ khô thảo	: 90g,	Ích mẫu thảo	: 60g,
Sinh đồ trọng	: 90g,	Hoàng cầm	: 90g,
Đương quy	: 90g,	Xuyên khung	: 90g,
Hoàng kỳ	: 90g,	Câu đằng	: 90g,
Sinh địa	: 60g,	Nhục quế	: 90g,
Cảo bản	: 75g,	Hoè hoa	: 45g.

Cách dùng: Cho 2000 ml nước vào thuốc, đun còn 600ml, chắt ra lại thêm 1200 ml nước, sắc còn 400ml, hoà đều 2 lần nước thuốc, cô còn 1000ml, mỗi ngày uống 3 lần, mỗi lần 100ml.

Công dụng: Bổ khí huyết, thanh can nhiệt, bình can, khởi phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hoá thượng viêm hoặc can dương thượng kháng, biểu hiện đầu đau, choáng váng, miệng đắng, mặt đỏ, mất ngủ, mơ nhiều, lưng đau, gối mỏi.

114. Hoá đàm khai khiếu thang

Bài thuốc:

Thiên ma	: 15g,	Xuyên khung	: 15g,
Sinh viển chí	: 15g,	Cúc hoa	: 15g,
Thiên trúc hoàng	: 12g,	Sài hồ	: 10g,
Thạch xương bồ	: 10g,	Cương tằm	: 10g.

Cách dùng: Nghiền thành bột, uống mỗi ngày 3 lần trước khi ăn nửa giờ, mỗi lần 20g.

Công dụng: Tiết nhiệt bình can, hoá đàm thông khiếu.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp, can uất hoá hỏa, đờm xốc lên trên, biểu hiện đầu đau, choáng váng, tâm thần không yên, mất ngủ, tim hồi hộp, lưỡi hồng rêu vàng, mạch huyền hoạt.

115. Tiết nhiệt bình can thang

Bài thuốc:

Sinh thạch quyết minh: 24g, Sinh địa : 20g,
Hạ khô thảo : 10-12g, Xa tiền thảo : 12g,
Cam thảo : 3g.

Cách dùng: Cho thạch quyết minh sắc trước 30 phút rồi cho các vị thuốc khác vào sắc 15 phút, chắt nước thuốc, sắc lần thứ 2, hoà đều 2 lần nước thuốc, chia 2 lần uống, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Tiết nhiệt bình can

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp dương kháng can nhiệt biểu hiện đầu đau, đầu vầng, mắt tối sầm, lưỡi co, mặt đỏ, buồn bực, lưỡi hồng rêu lưỡi vàng, mạch huyền.

116. Chi tử hải tảo thang

Bài thuốc:

Đại thanh diệp : 45g, Sao sơn chi : 45g,
Hải tảo : 45g, Sung uỷ tử : 9g.

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang

Công dụng: Tả nhiệt thanh can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can nhiệt kháng thịnh, biểu hiện đầu đau, choáng vầng, bực tức dễ giận, miệng đắng mặt khô, lưỡi hồng rêu vàng, mạch huyền.

117. Tông lư hoà hoa trà

Bài thuốc:

Lá cây lư tươi (cây gõ gụ) : 30g, Hoà hoa : 9g,
Hạ khô thảo : 6g, Đỗ trọng : 15g.

Cách dùng: Sắc nước thay trà uống, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Tiết nhiệt thanh can

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hỏa kháng thịnh, biểu hiện đầu mắt sưng đau, miệng đắng và khô, bực tức dễ giận, xương sườn sưng đau.

118. Trà mâm hoàng qua

Bài thuốc: Mâm Hoàng qua sau mùa thu 100g

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang, sắc nước thay trà uống.

Công dụng: Tả nhiệt bình can

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hỏa kháng thịnh biểu hiện đầu vầng tai ù, đầu đau và sưng, buồn bực, miệng đắng, lưỡi hồng, rêu lưỡi vàng, mạch huyền.

119. Hoàng cầm tả hỏa thang

Bài thuốc:

Hoàng cầm	: 12g,	Sơn chi	: 10g,
Chế đại hoàng	: 10g,	Bạch thực	: 12g,
Sinh cam thảo	: 6g,	Sinh địa	: 12g,
Câu đằng (cho vào sau):	15g,	Ngưu tất	: 10g.

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang, mỗi thang sắc 2 lần, uống sáng và tối.

Công dụng: Thanh nhiệt bình can

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp do can kinh hỏa thịnh, hỏa bốc ngược lên, biểu hiện đầu vầng, sưng đau, đau như búa bổ, mặt hồng mắt đỏ, miệng đắng và khô, bực tức dễ giận, lưỡi hồng rêu vàng, mạch huyền sắc, đại tiện táo bón, tiểu tiện vàng sẫm.

Ghi chú: Bài này dùng để chữa bệnh cao huyết áp thời kỳ đầu, Tâm thu áp cao.

120. Hoàng kỳ dương quy khương hoạt thang

Bài thuốc:

Hoàng kỳ : 25g, Dương quy : 25g,
Hoàng cầm : 10g, Câu đằng: 18g (Cho vào sau),
Khương hoạt : 15g (cho vào sau).

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang, chia 2 lần uống.

Công dụng: Bổ ích khí huyết, thanh tiết can nhiệt.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp mà khí huyết hư suy, can hỏa thượng viêm, biểu hiện đầu đau, choáng váng, hồi hộp, tinh thần mệt mỏi.

121. Đại kế giảng áp trà

Bài thuốc: Đại kế : 30g

Cách dùng: Sắc uống hoặc ngâm vào nước sôi uống thay chè.

Công dụng: Thanh can giảng áp

Chữa chứng bệnh: Cao huyết loại can hỏa thượng viêm, biểu hiện đầu sưng đau, đầu vầng, miệng đắng và khô.

122. Địa long thông lạc ẩm

Bài thuốc:

Địa long : 40g, Rượu cồn 60⁰: 100ml.

Cách dùng: Rửa sạch địa long giã nát cho vào rượu cồn, ngâm 3 ngày, mỗi ngày lắc 2 lần, khi dùng lọc qua, mỗi lần 10ml ngày uống 3 lần.

Công dụng: Khu phong thông lạc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp do can uất hoá hỏa, huyết ứ, trở trệ, đầu vầng đau, tay chân tê dại, lưỡi sạm, mạch huyền sắc.

123. Tang diệp thiết tư thủy

Bài thuốc:

Lá dâu tươi : 120g (hoặc lá dâu khô 60g).

Rỉ sắt : 30g.

Cách dùng: Lấy nước rỉ sắt sắc với lá dâu cho sôi mấy lần mỗi ngày 1 thang, uống tối.

Công dụng: Thanh tiết can nhiệt.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp do can hỏa quấy nhiễu bên trên, biểu hiện đầu sưng đau, buồn bực dễ giận, mặt hồng miệng đỏ, miệng đắng lưỡi hồng, rêu lưỡi vàng, mạch huyền sắc.

124. Tang diệp cúc hoa trà

Bài thuốc:

Lá dâu sương: 30g, Cúc hoa vàng: 9g.

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang, sắc nước uống, ngày 2 lần.

Công dụng: Thanh can tán phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp do can hỏa nung đốt, phong hỏa quấy nhiễu bên trên, biểu hiện đầu vầng, mắt hoa, đầu sưng đau, mặt đỏ, miệng đắng, ngực tức khó chịu, lưỡi hồng rêu mỏng vàng, mạch huyền sắc.

125. Nhân trần kế căn ẩm

Bài thuốc: Nhân trần cỏ, đại kế căn đều 15g

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày 1 thang

Công dụng: Thanh nhiệt bình can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp do hỏa bốc quấy nhiễu bên trên, biểu hiện đầu sưng đau, miệng đắng, ngực tức.

126. Hoè tra trà

Bài thuốc: Hoè hoa, sơn tra đều 10g

Công dụng: Sắc nước uống mỗi ngày 1 thang

Cách dùng: Tả can hóa ứ.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp do can uất hoá hoả, huyết ứ trở trệ, biểu hiện đầu vầng đau, miệng đắng, dễ giận, lưỡi có chấm máu, mạch huyền sáp.

127. Tang thảo thang

Bài thuốc:

Lá dâu	: 15g,	Cúc hoa	: 5g,
Thảo quyết minh	: 30g,	Ngưu tất	: 30g,
Tang ký sinh	: 30g,	Địa long	: 15g,
Câu đằng	: 45g (cho vào sau).		

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang sắc 2 lần, uống sáng và tối.

Công dụng: Tiết nhiệt bình can khởi phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp do can hoà nung đốt, phong hoả quấy nhiễu bên trên, biểu hiện đầu đau sưng, mắt hoa miệng đắng, dễ giận, lưỡi hồng, rêu lưỡi vàng, mạch huyền sáp.

128. Hạ cúc thang

Bài thuốc:

Xuyên khung	: 12g,	Cúc hoa	: 12g,
Địa long	: 10g,	Ngưu tất	: 15g,
Hạ khô thảo	: 30g,	Địa cốt bì	: 15g,
Râu ngô	: 15g,		

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang, sắc 2 lần, uống sáng tối.

Công dụng: Tiết nhiệt thanh can

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp do can hoả quá nhiều bên trên, biểu hiện đầu đau, choáng váng, mất hoa, buồn bực dễ giận.

129. Tang hoa trà

Bài thuốc:

Kim ngân hoa : 15g, Cúc hoa: 15g
Sơn trà : 30g, Lá dâu: 10g.

Cách dùng: Tán dập thuốc nói trên, cho nước sôi vào ngâm 15 phút sau đó uống thay trà.

Công dụng: Thanh can tả nhiệt.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hoả kháng thịnh, biểu hiện đầu đau, choáng váng, đau như búa bổ, mặt hồng, mắt đỏ, miệng đắng mà khô, lưỡi hồng, rêu lưỡi vàng, mạch huyền.

130. La phu mộc cần ẩm

Bài thuốc: La phu mộc cần: 6g

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang

Công dụng: Thanh can giáng hoả, lợi thấp nhiệt.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp can hoả thiên thịnh, biểu hiện đầu đau, choáng váng, mắt đỏ, miệng đắng.

131. Thược dược tứ thảo thang

Bài thuốc:

Hạ khô thảo, long đởm thảo, ích mẫu thảo, bạch thược, cam thảo, mỗi vị số lượng bằng nhau.

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang

Công dụng: Thanh tả can hoả, nhu can giải cấp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hoá kháng thịnh, biểu hiện đầu đau choáng váng, mặt hồng tai đỏ, miệng đắng. Tai ù và điếc, thậm chí thổ huyết, ho ra huyết, chảy máu, lưỡi hồng, rêu vàng, mạch huyền sắc.

132. Long đởm quyết minh thang

Bài thuốc:

Thảo quyết minh	: 30g,	Bạch thược	: 30g,
Sinh địa	: 20g,	Trạch tả	: 20g,
Long đởm thảo	: 12g,	Sơn chi	: 10g,
Bạch truật	: 20g.		

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang,. Uống liền: 7-10 ngày.

Công dụng: Thanh can tả hoá

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hoá kháng thịnh, phong hoá quá nhiều bên trên, biểu hiện choáng váng, đầu đau, miệng đắng, tai ù, tai điếc, buồn bực dễ giận, lưỡi hồng rêu vàng, mạch huyền sắc.

133. Can hoá thăng giáng tán

Bài thuốc:

Xuyên khung: 10g,	Đại hoàng chế: 6g
Toàn yết	: 6g.

Cách dùng: Tán thuốc thành bột, chia 2 lần uống.

Công dụng: Thanh tả can hoá.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hoá kháng thịnh, biểu hiện đầu đau, choáng váng, mặt hồng mắt đỏ.

134. Hạ khô tả hoả thang

Bài thuốc:

Hạ khô thảo : 30g, Thảo quyết minh: 30g,
Cầu đằng : 15g.

Cách dùng: Cho hạ khô thảo, thảo quyết minh, đun sắc trước 20phút, sau đó cho cầu đằng cùng sắc thêm 10 phút. chắt nước thuốc ra, cho nước vào sắc lần thứ 2, rồi hòa chung 2 lần nước thuốc, uống lúc sáng tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Thanh tả can hoả.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hoa kháng thịnh, biểu hiện đầu sưng đau, choáng váng, mặt hồng mắt đỏ.

Ghi chú: Đây là nghiệm phương dân gian tỉnh Quý châu.

downloadsachmienphi.com

135. Chi cúc thang.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài thuốc:

Nam bố chính sâm : 15g, Sơn chi : 10g,
Hoàng cúc hoa : 15g, Sinh đồ trọng : 20g.

Cách dùng: Các vị thuốc cho nước sắc hai lần, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Thanh can giáng áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hoả kháng thịnh, biểu hiện đầu mắt sưng đau, mặt đỏ, gối nhức.

Ghi chú: Đây là nghiệm phương dân gian tỉnh Quý Châu.

136. Thanh can hoá ứ ẩm

Bài thuốc:

Sài hồ : 6-10g, Cát căn: 12-15g,
Đan sâm : 10g – 15g, Cúc hoa: 12-15g,

Tang chi	: 12-15g,	Mẫu đơn bì	: 10-12g,
Xích thược	: 10-12g,	Hồng hoa	: 10-12g,
Địa long	: 10-12g,	Bạc hà	: 6g,
Thạch tương tử	: 12g,	Địa sinh	: 12g,
Thục địa	: 12g.		

Cách dùng: Sắc nước 2 lần, uống ấm sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Thanh can hoá ứ

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hoá thiên vương, biểu hiện đầu mắt sưng đau, mặt đỏ, tay chân tê dại.

137. Bình can tả hoả thang

Bài thuốc:

Mẫu đơn bì	: 15g,	Hoàng cầm	: 12g,
Hạ khô thảo	: 15g,	Tang diệp	: 10g,
Cúc hoa	: 10g,	Thạch quyết minh	: 20g,
Đan sâm	: 15g,	Trạch tả	: 12g,
Phục linh	: 10g,	Trân châu mẫu	: 30g,
Huyền sâm	: 30g.		

Cách dùng: Cho thạch quyết minh và trân châu mẫu vào nước sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị khác vào, sắc 2 lần nước, uống lúc sáng tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Bình can tả hoả.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hoá thượng viêm, biểu hiện choáng váng, đau đầu, mặt đỏ, miệng khô đắng, buồn bực dễ giận.

138. Tả hoả thang

Bài thuốc:

Con sứa	: 60g,	Mã thầy tươi:	7g,
Hải táo	: 9g,	Côn bố	: 9g,
Quyết minh	: 9g,	Đại cập tán	: 12g
Tang chi	: 30g,	Tang bạch bì	: 9g
Mã đậu linh	: 9g,	Hoàng cầm	: 6g.

Cách dùng: Chờ nước sắc Quyết minh trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào cùng sắc, 2 lần nước, uống sáng tối mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Thanh can tả hoả.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hoả thượng viêm, biểu hiện đầu vàng và đau, thở gấp, đờm vàng dính và đặc.

139. Xuyên khuy trạch tả tán

Bài thuốc:

Xuyên khuy	: 20-40g,	Trạch tả	: 30g
Bạch truật	: 12g,	Thảo quyết minh	: 15g,
Câu đằng	: 10g,	Tang ký sinh	: 15g,
Toàn yết	: 60g,	Kim ngân hoa	: 10g,
Cúc hoa	: 12g,	Chi tử sao cháy	: 10g.

Cách dùng: Cho thuốc vào sắc (Câu đằng cho vào sau) sắc 2 lần nước, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang, 12 ngày là một đợt.

Công dụng: Bình can tả hoả.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hỏa thượng viêm, biểu hiện đầu choáng vàng và đau, miệng đắng, tâm phiền dễ giận mất ngủ, nước tiểu vàng.

Ghi chú: Bài này dùng để chữa bệnh cao huyết áp thời kỳ I.

140. Phúc phương giảng áp ả

Bài thuốc:

Cúc hoa	: 12g,	Tang diệp	: 15g,
Bạch tật lê	: 15g,	Thanh tương tử	: 15g,
Hạ khô thảo	: 15g,	Thanh mộc hương	: 15g,
Địa long	: 15g,	Quyết minh tử	: 15g,
Sơn chi	: 10g,	Hoàng cầm	: 10g,
Xuyên ngư tất	: 15g,	Tang ký sinh	: 15g,
Câu đằng	: 18g (cho vào sau),	Long đởm thảo	: 15g.

Cách dùng: Sắc 2 lần nước, uống sáng tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Thanh can tả hỏa.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hỏa thượng viêm, biểu hiện đầu vầng và đau, mặt đỏ, mắt đỏ, tính tình hay bực dọc.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

141. Cầu long trà

Bài thuốc: Rau cần: 50g, Long quy: 100g

Cách dùng: Sắc nước 2 lần, lấy nước thuốc 200ml uống thay trà.

Công dụng: Thanh can tả hỏa.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hỏa thượng viêm biểu hiện vầng đầu, đau đầu, miệng đắng, mặt đỏ.

142. Nhị minh giảng áp thang

Bài thuốc:

Hạ khô thảo	: 15g,	Thạch quyết minh	: 30g,
Tang ký sinh	: 15g,	Bạch thược	: 15g,
Ngưu tất	: 12g,	Thảo quyết minh	: 12g,

Sài hồ : 10g, Đan sâm : 12g,
Đại hoàng : 6g.

Cách dùng: Cho đun Thạch quyết minh trước 30phút. Sau đó cho các vị thuốc khác vào sắc chung, sắc 2 lần, uống ấm sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Bình can tả hỏa.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hỏa thượng viêm biểu hiện đầu mắt sưng đau, choáng váng, lưng đau gối mỏi, miệng khô đắng, đại tiện táo bón.

143. Câu đằng thanh hỏa thang

Bài thuốc:

Sinh bạch thực	: 15g,	Thiên ma	: 10g,
Câu đằng	: 15g,	Trúc nhự	: 15g,
Hoàng cầm	: 12g,	Hy thiên thảo	: 12g,
Thảo quyết minh	: 15g,	Trân châu mẫu	: 30g,
Địa long	: 15g,	Tang chi	: 15g,
Dạ giao đằng	: 15g,	Đan sâm	: 15g.

Cách dùng: Cho trân châu mẫu sắc nước trước 30 phút, rồi cho các vị thuốc khác vào, Câu đằng cho vào cuối cùng, sắc 2 lần nước thuốc rồi hoà chung với nhau, uống sáng và tối, ngày 1 thang.

Công dụng: Thanh can tả hỏa giáng áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hỏa kháng thịnh, biểu hiện đầu đau, choáng váng, mặt đỏ, tai ù, tâm phiền, không ngủ được.

Ghi chú: Bài thuốc này dùng chữa bệnh cao huyết áp nguyên phát ở thời kỳ 2 và 3, kèm theo tâm thất trái dày lên, uống thuốc 1/2 tháng nghỉ 3 ngày. 6 tháng là một đợt điều trị.

144. Đan chi thanh giáng thang

Bài thuốc:

Mẫu đơn bì	: 12-15g,	Sơn chi	: 12-15g,
Cúc hoa	: 12-15g,	Sài hồ	: 12-15g
Bạch thược	: 15-30g,	Phục linh	: 15-30g
Câu đằng	: 15-30g,	Hạ khô thảo	: 15-30g
Đương quy	: 9-12g,	Bạc hà	: 9g,
Hoàng cầm	: 12-15g.		

Cách dùng: Cho các vị thuốc vào sắc 20 phút rồi cho Câu đằng vào đun sôi thì chắt lấy nước và sắc lần thứ 2. Hoà chung 2 lần nước thuốc, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Thanh can tả hỏa.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hỏa thượng viêm, biểu hiện tâm phiền bức tức dễ giận, đầu choáng, tai ù, mắt sưng đau miệng đắng.

Ghi chú: Bài thuốc này chữa bệnh cao huyết áp nguyên phát ở thời kỳ 2. Khi uống thuốc này thì không cần uống thuốc hạ huyết áp khác hoặc thuốc chế sẵn, thường dùng 6-10 thang là có hiệu quả.

145. Thanh can thang

Bài thuốc:

Hoàng cầm	: 9g,	Sinh bạch thược	: 9g,
Sinh cam thảo	: 3g,	Long đởm thảo	: 3g,
Sơn chi sao cháy	: 9g,	Câu đằng	: 9g,
Ngưu tất	: 15g.		

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày 1 thang. Câu đằng cho vào sau các vị trí khác, sắc 2 lần nước, uống sáng và tối.

Công dụng: Bình can tả hỏa

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương kháng thịnh, can hỏa đốt bên trong, biểu hiện đầu mắt đau sưng, choáng váng tai ù miệng đắng, mặt nóng, đầu nặng chân nhẹ, tay chân, tê dại, đại tiện táo bón.

146. Giáng áp thang số 1

Bài thuốc:

Tang ký sinh : 30g,	Trân châu mẫu : 30g,
Bạch thược : 20g,	Hạ khô thảo : 15g,
Hồng hoa : 9g,	Táo nhân : 9g,
Địa long : 6g,	Sơn chi : 9g,
Long đởm thảo: 6g.	

Cách dùng: Sắc trước Trân châu mẫu 30 phút sau cho các vị thuốc, khác vào, sắc 2 lần nước chắt ra hoà chung với nhau, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Thanh can tả hỏa

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương kháng thịnh, biểu hiện đầu váng sưng đau, mặt đỏ, mắt đỏ, buồn bực tức giận, miệng khô đắng.

Ghi chú: Bài thuốc này chữa bệnh cao huyết áp do can hỏa kháng thịnh, đạt hiệu suất 93,3%.

147. Từ thạch ngũ thảo thang

Bài thuốc:

Từ thạch : 30-60g,	Hy thiêm thảo: 20-30g,
Xa tiền thảo : 20-30g,	Tiểu kế thảo : 20-30g,
Hạ khô thảo : 20-30g,	Ích mẫu thảo: 20-30g,
Huyền sâm : 10g.	

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang

Công dụng: Bình can, lợi tiểu, hạ áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hoả kháng thịnh, đầu mắt sưng đau, choáng váng, tai ù, tính tình hay bực tức.

Ghi chú: Người ở tuổi về già, mắc bệnh cao huyết áp dùng thuốc này hiệu quả tốt. Theo thông báo điều trị 54 ca cao huyết áp, hiệu quả rõ rệt 9 ca, hiệu quả bình thường 35 ca.

148. Đại hoàng tả hoả thang

Bài thuốc:

Đại hoàng	: 5g,	Huyền minh phần	: 9g,
Hoà ma nhân	: 10g,	Uất lý nhân	: 12g,
Thảo quyết minh	: 15g,	Thảo quyết minh	: 15g,
Chỉ thực	: 12g,	Sinh la bạch tử	: 9g,
Khổ hạnh nhân	: 10g,	Đào nhân	: 16g.

Cách dùng: Trừ đại hoàng, cho các vị thuốc vào đun sắc 20 phút, sau đó cho đại hoàng vào sôi là được, sắc 2 lần nước uống lúc sáng và tối.

Chữa chứng bệnh: Thanh can tả hoả. Thông tạng phù, giầy dờm trọc. Cao huyết áp loại can hoà thiên kháng, biểu hiện đau đầu choáng váng, miệng đắng, hơi thối, ăn không tiêu, bụng khó chịu, tiểu tiện rất, đại tiện táo bón.

149. Tả nhiệt trấn can thang

Bài thuốc:

Long đởm thảo	: 15g,	Hoàng cầm	: 10g,
Bạch thược	: 10g,	Sinh địa	: 10g,
Cúc hoa	: 10g,	Ngưu tất	: 10g,
Xuyên luyện tử	: 20g,	Hạ khô thảo	: 10g,
Sinh giả thạch	: 30g,	Thạch quyết minh	: 30g,
Mẫu đơn	: 10g,	Câu đằng (cho vào sau)	: 15g.

Cách dùng: Cho sinh giả thạch, thạch quyết minh sắc trước 30 phút. Sau đó, cho các vị thuốc khác vào sắc 20 phút, chắt lấy nước, sắc lần thứ 2, uống sáng tối, mỗi ngày 1 thang.

Cách dùng: Thanh nhiệt, tả can

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hỏa thượng viêm, biểu hiện đầu sưng đầu sưng đau, choáng váng, miệng đắng, khát, buồn bực dễ giận, lưỡi hồng rêu vàng, mạch huyền sắc.

150. Đồng điệp mao thái âm

Bài thuốc:

Lá ngô đồng rụng mùa thu : 30g,

Rau lông lợn tươi : 60g.

Cách dùng: Rửa sạch, sắc nước uống, ngày 2 lần sáng và tối.

Công dụng: Thanh nhiệt bình can

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hỏa thiên vượng, biểu hiện đầu sưng đau choáng váng, sinh đau, bực tức dễ giận, mặt đỏ, miệng đắng, lưỡi hồng, rêu lưỡi vàng, mạch huyền.

151. Hạ liễu thang

Bài thuốc:

Lá liễu : 30g, Hạ khô thảo : 30g,

Đường phèn : 15g.

Cách dùng: Sắc 2 vị thuốc lấy nước, cho đường phèn vào, mỗi ngày 1 thang, uống liên 1 tuần.

Công dụng: Bình can tiết nhiệt, lợi tiểu, hạ áp

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hỏa thượng viêm, đầu đau, choáng váng, mặt đỏ, miệng đắng, bực tức dễ giận, lưỡi hồng, rêu vàng, mạch huyền.

152. Câu đằng trúc nhự thang

Bài thuốc:

Câu đằng	: 15g,	Trúc nhự	: 15g,
Hoàng cầm	: 12g,	Sinh bạch thược	: 15g,
Thiên ma	: 10g,	Hy thiêm thảo	: 12g,
Đan sâm	: 15g,	Địa long	: 15g,
Thảo quyết minh	: 15g,	Trân châu mẫu	: 30g,
Tang chi	: 15g,		

Cách dùng: Cho Trân châu mẫu sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào sắc 20 phút rồi cho Câu đằng vào, sắc 2 lần, hoà chung 2 lần nước uống lúc sáng tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Thanh can tả hỏa.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hỏa kháng thịnh, biểu hiện đầu đau, choáng váng, mặt đỏ, mắt đỏ, tay chân tê dại.

Ghi chú: Bài thuốc này phù hợp chữa bệnh cao huyết áp thời kỳ 2 và 3.

153. Thanh can thang

Bài thuốc:

Chỉ tử	: 10g,	Búp lá tre	: 12g,
Sừng trâu	: 30g,	Xích thược	: 12g,
Hạ khô thảo	: 15g,	Cát căn	: 12g,
Táo nhân	: 10g,	Dạ giao đằng	: 15g.

Cách dùng: Cho sắc sừng trâu trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc vào sắc 2 lần nước, hoà đều hai nước thuốc, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Thanh tâm mát can

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hoá thiên vương, biểu hiện đầu đau, choáng váng, tâm phiền, bực tức, mặt đỏ, miệng khô, mất ngủ.

Ghi chú: Bài thuốc này dùng chữa bệnh cao huyết áp cho người già thời kỳ 1.

154. Đông thanh câu đẳng thang

Bài thuốc:

Mao đông thanh : 30g, Câu đẳng : 30g,

Ngưu tất : 20g, Bột cát căn : 30g.

Cách dùng: Sắc nước mỗi ngày 1 thang, chia 2 lần uống, 10 ngày là một đợt điều trị.

Công dụng: Hoạt huyết hoá ứ, thanh nhiệt bình can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp do can uất hoá hoả, huyết ứ trở trệ, đầu đau và váng, tai ù, tai điếc, mặt sạm mất ngủ, mạch huyền sáp, lưỡi có chấm máu.

155. Hạ mao tán

Bài thuốc:

Rau lông lợn, Hạ khô thảo số lượng bằng nhau.

Cách dùng: Nghiền thuốc thành bột, mỗi ngày uống 1 lần, mỗi lần 10g.

Công dụng: Thanh nhiệt, bình can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hoá thượng viêm, biểu hiện đầu đau, choáng váng, buồn bực, miệng đắng, mất ngủ, lưỡi hồng, rêu vàng, mạch huyền.

156. Bạch thảo giáng áp thang

Bài thuốc: Phan bạch thảo: 30g.

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang, uống liền 3-5 tháng.

Công dụng: Thanh nhiệt tả gan

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hỏa thiên kháng, biểu hiện đầu đau, sưng, choáng váng, mắt đỏ, miệng đắng, bực tức, dễ giận.

157. Ngọc mễ tu ẩm

Bài thuốc: Râu ngô: 30g.

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày 1 thang, mỗi ngày 3 lần.

Công dụng: Tiết nhiệt bình can, lợi tiểu.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hỏa thượng viêm, biểu hiện đầu đau sưng, choáng váng, miệng đắng, mặt đỏ.

158. Dương giác đậu bình

Bài thuốc:

Đậu sừng dê: 30g, Bột mì: 100g, ít muối

Cách dùng: Sao qua đậu sừng dê, tán nhỏ rồi cho bột mì, bột đậu muối vào xoong nhào đều làm thành bánh rán chín là được.

Công dụng: Giải độc, kiện tỳ, thông đại tiện, hạ huyết áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hỏa thượng viêm, đầu đau mắt đỏ, miệng lở, đại tiện táo bón, lưỡi hồng rêu vàng, mạch huyền sắc.

159. Cháo cần thái minh sâm

Bài thuốc:

Rau cần : 60g, Minh đẳng sâm: 30g,
Gạo tẻ : 150g, Muối ăn.

Cách dùng: Rửa sạch rau cần và sâm, thái thành lát. Rửa sạch gạo cho vào nồi rồi cho rau cần, sâm vào nấu thành cháo, cho ít muối vào, quấy đều là được.

Công dụng: Thanh nhiệt, lợi tiểu, khởi ho, bình can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hoá thượng viêm, biểu hiện đầu vầng, não phù, tiểu tiện sền, nóng, có máu, ho khan, lưỡi hồng, mạch huyền sắc.

160. Cháo Quyết minh tử

Bài thuốc: downloadsachmienphi.com

Hạt quyết minh sao: 10-15g, Gạo tẻ : 100g

Đường phèn một ít, Thêm bạch cúc hoa: 10g.

Cách dùng: Cho hạt quyết minh vào chảo sao có mùi thơm, để nguội, cho nước vào sắc lấy nước (nếu có cả bạch cúc hoa thì cùng sắc) bỏ bã, cho gạo vào nấu thành cháo chín thì cho đường vào. Sôi vài lần nữa là được, mỗi ngày một lần, 5-7 ngày là một đợt điều trị.

Công dụng: Thanh can sáng mắt, thông tiểu tiện, hạ huyết áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hoá thương viêm, biểu hiện đầu đau, choáng vầng, mắt sưng đỏ, đại tiện táo bón, mạch huyền.

Ghi chú: Nếu người đại tiện lỏng thì kiêng dùng.

161. Lục đậu liên ngẫu ẩm

Bài thuốc:

Đậu xanh : 100g, Ngó sen : 60g
Đường phèn : 50g.

Cách dùng: Nấu cho đậu và ngó sen thật nhừ, cho đường vào thành cháo, ngày ăn 2 lần, mỗi ngày 1 thang, ăn liên 2-3 tháng.

Công dụng: Thanh tâm hỏa, tả can nhiệt.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can nhiệt kháng thịnh biểu hiện đầu đau choáng váng, tai ù tai điếc, miệng đắng, tâm phiền, mất ngủ, nói mơ, hay quên, lưỡi hồng rêu vàng, mạch huyền sắc thậm chí thổ huyết, khạc ra huyết.

162. Ngọc đới đãi thang

Bài thuốc:

Bột tể : 10 quả (mã thầy),
Hải đứ : 25g, Râu ngô: 25g.

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang

Công dụng: Thanh nhiệt, lợi thấp, bình can

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can nhiệt kháng thịnh, biểu hiện đầu đau, choáng váng, mặt đỏ, tâm phiền, đại rất.

163. Côn bố lục đậu ẩm

Bài thuốc:

Đậu xanh: 9g, Côn bố: 9g, Đường đỏ: 9g

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang

Công dụng: Thanh nhiệt bình can

Chữa chứng bệnh: cao huyết loại can hỏa thượng viêm, biểu hiện đầu đau sưng, bực tức dễ giận, mặt

đỏ, mắt đỏ, miệng đắng, ngực tức, lưỡi hồng rêu vàng, mạch huyền sáp.

164. Lục tra ẩm

Bài thuốc:

Đậu xanh: 150g, Sơn tra: 150g, Đường trắng một ít.

Cách dùng: Sắc nước mỗi ngày 1 thang, chia 2 lần uống.

Công dụng: Thanh can hoả, hoá huyết ứ.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp do can uất hoá hoả, huyết ứ trở trệ, biểu hiện đầu sưng đau, choáng váng, bực tức dễ giận, miệng đắng họng khô, lưỡi sạm, mạch huyền sáp.

165. Hương bì ẩm

Bài thuốc:

Vỏ chuối tiêu hoặc cuống quả chuối tiêu: 30-60g.

Cách dùng: Sắc nước uống 1 ngày 1 thang, sơ can giải uất, tả hoả, thông đại tiện.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp do can uất hoá hoả, đầu váng, mắt hoa, tâm phiền dễ giận, hay thở dài.

166. Lục đậu giáng áp ẩm

Bài thuốc: Đậu xanh: 50g, Đường phèn: 1cục.

Cách dùng: Ninh nhừ đậu xanh, rồi cho đường vào, mỗi ngày 1 thang, uống liền 1 tháng.

Công dụng: Thanh nhiệt bình can hạ áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hoả thượng viêm, biểu hiện đầu đau, váng đầu, tâm phiền, miệng đắng.

167. Ba thái hải chiết ty

Bài thuốc:

Rễ rau (100g, Da sứa biển: 50g

Cách dùng: Đầu tiên rửa sạch da sứa thái thành sợi, chần qua nước nóng, sau đó dùng nước sôi chần rau chân vịt rồi trộn với thịt sứa đem ăn.

Công dụng: Thanh tả can nhiệt.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hoá thượng viêm, biểu hiện đầu đau, mắt đỏ, miệng đắng, lưỡi hồng, rêu vàng, mạch huyền.

168. Ninh môn mã đề ẩm

Bài thuốc: Chanh 1 quả, Hạt mã thầy: 10hạt

Cách dùng: Sắc nước uống thay trà

Công dụng: Thanh tâm giáng hỏa, bỏ phôi, mát gan.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can uất hoá hỏa, phong hỏa quấy ở trên, biểu hiện đầu đau choáng váng, buồn bực mất ngủ, miệng đắng, lưỡi hồng rêu vàng, mạch huyền.

Ghi chú: Bài này chữa bệnh cao huyết áp thời kỳ 2.

169. Cần giao thang

Bài thuốc: Rau giao: 100g, Rau cần: 50g

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày 1 thang

Công dụng: Thanh tả can nhiệt.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hoá kháng thịnh, biểu hiện đầu sưng đau, mặt đỏ, mắt đỏ, lưỡi hồng rêu vàng, mạch huyền.

170. Khổ qua cần thái ẩm.

Bài thuốc: Rau cần: 500g, Muối đẳng: 100g

Cách dùng: Sắc nước uống thay trà

Công dụng: tả hoả thanh can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hoả thượng viêm, biểu hiện đầu vàng, sưng đau, mặt đỏ miêng đắng, buồn bực dễ giận, lồng ngực đau tức, lưỡi hồng rêu vàng, mạch huyền.

171. Lục đậu đại toán ẩm

Bài thuốc:

Đậu xanh: 100g, Tỏi : 50 nhánh (tuổi từ 50 trở xuống, cứ tính theo một tuổi 1 nhánh tỏi), Đường phèn.

Cách dùng: Rửa sạch đậu xanh, bóc vỏ tỏi, cho vào trong bát to có 500ml nước rồi cho đường vào, đặt trong chảo đun cách thủy cho sôi kỹ, làm nước uống hết trong 1 ngày, số ngày uống không hạn chế.

Công dụng: Thanh can tả hoả.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hoả kháng thịnh, biểu hiện đầu mất sưng đau, choáng vàng, miêng đắng mặt đỏ, xương sườn đau, tính tình nóng nảy, lưỡi hồng rêu vàng, mạch huyền.

172. Thanh can tán

Bài thuốc:

Nước gan lợn: 120g, Bột đậu xanh :60g

Cách dùng: Cho 2 thứ quấy đều, phơi khô nghiền nhỏ, mỗi lần uống 6g, ngày 2 lần uống.

Công dụng: Thanh can tả hoả

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hoá thượng viêm, biểu hiện đầu vầng mắt hoa, miệng khô đắng, mắt đỏ, ngực đau.

173. Tả hoả nhục thang

Bài thuốc: Hạ khô thảo: 20g, Thịt nạc: 50g.

Cách dùng: Cho cả 2 thứ ninh nhừ, vớt hạ khô thảo ra, cho gia vị vào, ăn thịt, uống nước canh.

Công dụng: Thanh can tả hoả.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hoá thượng viêm, biểu hiện đầu vầng, mắt hoa, mặt hồng buồn bực.

174. Cháo tùng hoa đạm thái

Bài thuốc:

Búp hoa thông: 1 cái, Rau chân vịt: 50g, gạo: 50g

Cách dùng: Bóc vỏ búp hoa thông, rửa sạch rau chân vịt, sau đó cho gạo vào cùng nấu cháo, cho ít muối vào, ăn buổi sáng lúc đang đói.

Công dụng: Thanh tâm giáng hoả.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp do tâm cao hoả vượng, biểu hiện đầu đau, tai ù, choáng váng.

175. Ngẫu tiết kiều mạch điệp thang

Bài thuốc: Ngó sen: 3 cái, Lá Kiều mạch: 50g

Cách dùng: Sắc lấy nước uống lúc sáng tối.

Công dụng: Thanh nhiệt mát huyết

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hoá thượng viêm, biểu hiện mắt đỏ, đầu đau, miệng khô đắng.

Ghi chú: Bài thuốc này dùng để chữa cao huyết áp dẫn tới đầy mắt xuất huyết.

176. Thanh giáng tán

Bài thuốc:

Tân giao	: 30g	Lô càn	: 30g,
Tân di	: 10g,	Mã đầu linh	: 10g,
Tử kinh giới	: 10g,	Câu đằng	: 10g,
Trâu giáng lương	: 10g,	Hoàng liên	: 10g,
Cát căn	: 20g,	Bán biên liên	: 20g,
Phòng kỷ	: 20g,	Uy linh tiên	: 20g,
Huyền sâm	: 20g,	Địa long	: 20g,
Đỗ trọng	: 20g,	Cúc hoa	: 20g,
Hạ khô thảo	: 20g,	Man kinh tử	: 20g,
Cù đậu	: 20g,	Hy thiêm thảo	: 30g,
Quyết minh tử	: 30g,	Tật lê	: 30g,
Hoè hoa	: 40g,	Trầm hương	: 40g.

Cách dùng: Nghiền tất cả thuốc thành bột, rây mịn, mỗi lần uống 10g, mỗi ngày 3 lần, uống với nước ấm.

Công dụng: Hạ áp bình can

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hoá thượng viên, biểu hiện đầu vầng và đau (nhất là ở trước trán, và sau gáy).

Ghi chú: Uống thuốc này kiêng ăn thịt mỡ, chất dầu, lòng ruột động vật, rượu thuốc. Theo thông báo dùng bài thuốc này chữa 100 ca bệnh, khỏi hẳn 39 ca, đạt hiệu quả 57 ca nhất ở thời kỳ 1,2.

177. Cháo hải đới lục đậu

Bài thuốc: Đậu xanh: 100g, Hải đới: 100g, Gạo tẻ.

Cách dùng: Nấu cháo ăn lâu dài vào buổi tối.

Công dụng: Thanh nhiệt bình can, dưỡng vị hoà trung.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hoá thượng viêm, biểu hiện đầu sưng đau, đầu vàng mắt hoa, miệng đắng tâm phiền, dễ giận, đại tiện táo bón, lưỡi hồng rêu vàng, mạch huyền.

178. Mộc nhĩ sơn tra ẩm

Bài thuốc: Sơn tra: 10g, Lá lạc: 30g, Mộc nhĩ: 10g.

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày một thang.

Công dụng: Thanh nhiệt mát huyết, hoạt huyết hạ áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp do can uất hoá hoả, huyết ứ trở trệ, biểu hiện đầu đau, đầu vàng mắt hoa, tâm phiền, tim hồi hộp, mắt ngủ nằm mơ.

179. Tả hoả sừ phong thang.

Bài thuốc:

Xuyên khung	: 20g,	Cúc hoa: 12-15g,
Mẫu đơn bì	: 12g,	Toàn yết 6-10g,
Câu đằng	: 20-30g (cho vào sau),	
Sinh thạch cao	: 30g (sắc trước),	
Cảo bản	: 10g, Rết 2-3con (bỏ đầu chân).	

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang sắc 2 lần nước, uống sáng và tối.

Công dụng: Thanh can tả nhiệt.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hoá thượng viêm, biểu hiện đầu đau, mặt hồng, mắt đỏ, miệng khô đắng, lồng ngực sưng đau.

180. Bồ căn ẩm

Bài thuốc: Nước lá nho, nước rau cần đều một cốc.

Cách dùng: Hoà chung 2 loại nước, uống với nước sôi, mỗi ngày 2-3 lần, 20 ngày là một đợt uống.

Công dụng: Thanh can tả hỏa.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hỏa thiên vượng, biểu hiện đầu sưng đau, miệng đắng họng khô, buồn bực dễ giận, lưỡi hồng rêu vàng, mạch huyền sắc.

B. THUỐC DÙNG NGOÀI

181. Bối Tang cục giáng áp

Bài thuốc: Lá dâu, Bạch cúc hoa, Hạ khô thảo, Hoàng cầm, Tầm sa, Mẫu đơn bì, Bạch chỉ, Lá bạc hà, Ngưu tất, Quyết minh tử, Phèn chua, Bã phiến.

Cách dùng: Tán dập các vị thuốc, cho vào túi vải 50cmx25cm rồi khâu lại thành mấy đường để thuốc dần đều, đặt lên gối bên trên phủ vải.

Công dụng: Thanh can tả hỏa.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hỏa thượng viêm, biểu hiện đầu đau sưng, miệng khô đắng, buồn bực.

Ghi chú: Gối thuốc này dùng 3 tháng, huyết áp có thể xuống ở mức bình thường, nhất là cao huyết áp ở thời kỳ I,II là tốt nhất.

182. Gối Thanh can giáng áp

Bài thuốc:

Dã cúc hoa:	500g,	Lá tre:	500g,
Lá dâu:	500g,	Sinh thạch cao:	600g,
Bạch thược:	300g,	Xuyên khung:	200g,
Từ thạch:	600g,	Mạn kinh tử:	500g,
Mộc hương:	200g,	Tầm sa:	200g.

Cách dùng: Trộn đều thuốc cho vào túi vải dùng làm gối gối đầu khi ngủ, mỗi ngày đêm dùng không dưới 6 giờ.

Công dụng: Thanh can giáng áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hoá kháng thịnh, biểu hiện đầu vầng và đau, miệng khô đắng, lồng ngực đau tức.

Ghi chú: Chế thành gối thuốc có thể sử dụng liên tục mấy tháng, chú ý thường đem ra phơi. Khi dùng cách này thì ngừng uống các thuốc khác hạ huyết áp khác. Chữa bệnh cao huyết áp nguyên phát là tốt nhất.

183. Nhị tang phương

Bài thuốc: Tang chi: 20g, Tang diệp (lá dâu cành dâu): 20g, Hạt ích mẫu: 15g.

Cách dùng: Cho vào túi vải đun sắc lấy 1500ml, mỗi ngày ngâm chân 2 lần sáng và tối trong vòng 30 phút (nhiệt độ từ 50-60°C) mỗi thang dùng 5 ngày, dùng lâu dài.

Công dụng: Thanh nhiệt mát can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can nhiệt thiên thịnh, biểu hiện đầu đau, đầu mắt choáng vầng, bực bội, miệng đắng, mặt đỏ.

184. Nhị nhân chi tử cao

Bài thuốc:

Đào nhân:	10g,	Hạnh nhân :	10g,
Sơn chi:	15g,	Hồ tiêu:	7 hạt,
Gạo nếp:	14 hạt.		

Cách dùng: Sấy khô nghiền nhỏ trộn với lòng trắng trứng và nước làm thành cao, bôi đến sôi lên huyết Dũng Tuyền ở hơi chân, hôm sau xoa đi, 6 tối là 1 đợt, dùng liền 3-5 đợt. Khi thấy gót chân có màu xanh là biểu hiện huyết áp đã hạ thấp.

Công dụng: Tả nhiệt bình can, hoạt huyết hoá ứ.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp do can uất hoá hoả, huyết ứ trở trệ, biểu hiện đầu sưng đau, choáng váng, miệng đắng, đại tiện táo bón, mạch huyền sáp.

185. Gối Cúc hoa được

Bài thuốc:

Bạch cúc hoa:	1000g,	Xuyên khung:	400g,
Mẫu đơn bì:	200g,	Bạch chỉ:	200g,

Cách dùng: Trộn đều thuốc cho vào ruột gối khâu kín lại dùng gối đầu, thường ngày đem phơi ở chỗ nắng để giữ thuốc được khô.

Công dụng: Bình can giáng áp, hoạt huyết khứ phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hoả thượng viêm, biểu hiện choáng váng, đầu đau, miệng đắng, dễ giận, rêu vàng, mạch huyền.

186. Gối Huyền vừng phủ tề tán

Bài thuốc:

Long đởm thảo:	30g,	Lưu hoàng:	10g,
Chu sa:	8g,	Phèn chua:	15g,
Ngô thù (tắm nước mật lợn): 50g,			
Rễ tiểu kế lượng vừa phải.			

Cách dùng: Nghiền các vị thuốc thành bột, rây mịn. Rửa sạch rễ tiểu kế già nát lấy nước, lấy 10-15g bột thuốc hoà với nước tiểu kế, rửa sạch rốn rồi đắp vào, dây băng gác dùng băng dính dính chặt lại, mỗi tuần thay thuốc 3 lần, một tháng là một đợt điều trị, thông thường dùng thuốc 1 tuần là thấy hiệu quả.

Công dụng: Tiết nhiệt bình can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp do gan uất hoá hoả, huyết ú trở trệ, biểu hiện đầu vầng, ngực tức buồn bực, lưỡi sạm, mạch huyền sáp.

187. Tề áp tán.

Bài thuốc:

Ngô thù (tẩm nước mật lợn) : 500g,

Tinh dầu long đởm thảo : 6g,

Lưu huỳnh: 50g, Phèn phi: 100g, Chu sa: 50g.

Cách dùng: Thống nhất tán các vị thuốc, rửa sạch rốn, mỗi lần dùng 200mg thuốc bột đắp vào rốn, dây bông lên, dùng băng dính chặt, mỗi tuần thay thuốc 1 lần, dùng 4 lần.

Công dụng: Tiết nhiệt bình can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hoả thượng viêm, biểu hiện đầu vầng, đầu đau, bực tức mất ngủ.

188. Gối Minh phàn

Bài thuốc: Phèn chua: 3000-3500g.

Cách dùng: Đập dập bằng hạt lạc rồi cho vào trong gối để gối đầu.

Công dụng: Bình can giáng áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng viêm biểu hiện đầu vầng, đầu đau, mất ngủ.

189. Thuốc ngâm chân giáng áp phương

Bài thuốc:

Tang chi: 15g, Tang diệp: 15g, Sang uy tử: 15g.

Cách dùng: Cho 1000ml sắc với thuốc, còn 500ml, khi nước còn ở độ ấm 40-50°C thì cho chân vào ngâm 30-40 phút, rửa chân xong thì đi ngủ, mỗi ngày 1 lần.

Công dụng: Thanh tiết gan nhiệt, hoạt huyết, thông lạc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hỏa kháng thịnh, phong hỏa quấy nhiễu ở trên, biểu hiện đầu sưng đau, mặt hồng choáng vầng, tai ù, lưỡi hồng, rêu vàng, mạch huyền sắc.

IV. LOẠI ÂM HƯ DƯƠNG KHÁNG

A. THUỐC UỐNG TRONG

190. Trần can tức phong thang gia giảm

Bài thuốc:

Bạch thược: 40g, Huyền sâm: 25g,

Thiên môn: 25g, Nhân trần: 25g,

Ngưu tất: 40g, Đan sâm: 40g,

Sinh mẫu lệ: 40g, Sinh hoè hoa: 50g,

Đại giả thạch: 40g, Sinh địa: 40g,

Sung uy tử: 25g, Dạ giao đằng: 40g,

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày một thang.

Công dụng: Dưỡng âm tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu đau, đầu choáng, chân tay tê dại, miệng khô mất ngủ.

191. Tả quy hoàn

Bài thuốc:

Thục địa:	24g,	Sơn dược:	12g,
Cẩu kỷ tử:	12g,	Sơn thù:	12g,
Ngưu tất:	9g,	Thỏ ti tử:	12g,
Lộc giác giao:	12g,	Quy bản giao:	12g.

Cách dùng: Nấu nhừ thục địa, quấy thành cao, các vị khác nghiền thành bột thêm mật vào nhào tất cả thành hoàn to như hạt ngô đồng. Trước khi ăn cơm uống với nước canh hoặc nước muối nhạt, mỗi lần 9 g, ngày uống 2 lần.

Công dụng: Bổ dưỡng can thận, dưỡng âm thêm tinh để tiềm dương.



Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp do can thận âm hư: Tinh tuỷ bị suy tổn biểu hiện đầu vầng, mắt hoa, lưng đau, gối mỏi, miếng táo, lưỡi khô, di tinh hoạt tinh, đổ mồ hôi và mồ hôi trộm, lưỡi hồng rêu ít, mạch tế sác.

192. Kỷ cúc địa hoàng

Bài thuốc:

Thục địa:	24g,	Sơn thù:	12g,
Sơn dược:	12g,	Trạch tả:	9g,
Mẫu đơn:	9g,	Phục linh:	9g,
Cẩu kỷ tử:	9g,	Cúc hoa:	9 g.

Cách dùng: Nghiền thuốc thành bột, luyện mật làm hoàn như viên ngô đồng, mỗi lần uống 9g lúc đói, ngày 2 lần.

Công dụng: Bổ thận dưỡng can để hạ áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can thận âm hư, biểu hiện mắt khô sấp, lưng đau, gối mỏi, đầu vàng mắt hoa tai ù tai điếc, lưỡi hồng ít rêu, mạch trầm tế sác.

193. Bình can tiềm dương thang

Bài thuốc:

Sinh thạch quyết minh:	30g,	Sinh quy bản:	10g
Câu đằng (cho vào sau):	15g,	Cúc hoa:	10g,
Sinh giả thạch:	20g,	Bạch tật lê:	10g,
Bạch thực:	10g,	Xuyên khung:	10g,
Ngưu tất:	10g,	Xuyên luyện tử:	10g,
Huyền sâm :	10g,	Tang diệp:	10g.

Cách dùng: Cho Sinh thạch quyết minh, Sinh quy bản, Sinh giả thạch vào nước đun trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào tiếp tục đun 15 phút, mỗi thang sắc 2 lần, hoà chung 2 lần nước thuốc uống lúc sáng tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Dưỡng âm, tiềm dương, khởi phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu đau, choáng váng, tai ù, tim hồi hộp, mất ngủ, lưng đau, gối mỏi.

194. Giáng áp điều can thang

Bài thuốc:

Cốc tinh thảo:	10g,	Hạ khô thảo:	12g,
Dà cúc hoa:	10g,	Câu đằng:	15g,
Quyết minh tử:	20g,	Địa long:	10g,
Hạn liên thảo:	12g,	Tang ký sinh:	12g,
Ngưu tất:	10g.		

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày một thang, mỗi thang sắc hai lần, uống sáng và tối.

Công dụng: Dưỡng âm tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu vầng mắt hoa, tâm phiền, mất ngủ, miệng đắng họng khô, lưng đau gối mỏi, tai ù, mạch huyền tế, lưỡi hồng rêu ít.

195. Giáng áp thang

Bài thuốc:

Sinh thạch quyết minh: 30g, Đan sâm: 30g,
Tật lê: 30g, Hạ khô thảo: 30g,
Xa tiền tử: 45g (bọc vải).

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày một thang, sắc còn 300- 400ml, chia ba lần uống trước khi ăn, uống liền 45 ngày là một đợt điều trị.

Công dụng: Thanh can ích thận, tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp do thận âm không đủ, loại can dương thượng kháng, biểu hiện đầu đau hôn mê, choáng váng tai ù, lưng đau, gối mỏi.

196. Bát vị giáng áp thang

Bài thuốc:

Hà thủ ô: 15g, Bạch thược: 12g,
Đương quy: 9g, Xuyên khung: 5g,
Sao đỗ trọng: 18g, Hoàng kỳ: 30g,
Hoàng bá: 6g, Câu đằng: 30g.

Cách dùng: Cho thuốc ngâm nước một giờ đem sắc, tắt cả hai lần, nước đầu sắc 10 - 15 phút, nước hai sắc 30 - 50 phút (cho lửa nhỏ) sau khi sắc hoà chung

hai lần nước thuốc, tất cả còn khoảng 250- 300 ml, mỗi ngày 1 thang, chia 2 -3 lần uống sau khi ăn cơm vài tiếng đồng hồ.

Công dụng: ích khí dưỡng huyết, tư âm tả hỏa trừ phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện. đau đầu, choáng váng, tinh thần mệt mỏi, tai ù, tim hồi hộp.

197. Điều lạc ẩm

Bài thuốc:

Hạ khô thảo:	30g,	Đỗ trọng:	35g,
Ngưu tất:	15g,	Tang chi:	15g,
Quế chi:	15g,	Cam thảo:	15g,
Tang ký sinh:	15g,	Sinh địa:	15g,
Mẫu đơn:	15g,	Bạch thược:	15g,
Hoàng cầm:	15g,	Cúc hoa:	15g,
Sinh thạch quyết minh: 30g.			

Cách dùng: Cho thạch quyết minh sắc trước nửa giờ sau đó cho các vị thuốc khác vào, sắc hai lần, hoà chung hai lần nước thuốc uống sáng và tối, mỗi ngày một thang.

Công dụng: Dưỡng âm, thanh nhiệt, điều hoà mạch lạc, chống choáng, hạ áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đau choáng mắt hoa, thậm chí đau sưng đau, do lao động mệt mỏi mà giận dữ tăng lên, lúc nặng tay chân tê dại, mạch huyền sắc.

198 Tam nhân thang

Bài thuốc:

Táo nhân 30g, Bá tư nhân: 15g, Hạnh nhân: 15g.

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày một thang.

Công dụng: Bổ tim, dưỡng can, nhuận phổi.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu vầng, tâm phiền, tim hồi hộp, hay quên, mất ngủ, đại tiện táo bón, lưỡi hơi hồng, rêu ít, mạch huyền tế.

199. Khương tâm chỉ vịnh thang

Bài thuốc:

Bạch cương tâm: 15g, Đờm tinh, Ngũ vị tử đều 6g.

Cách dùng: Sắc nước uống, ngày 1 thang.

Công dụng: bổ thận bình can, thanh hoá đờm nhiệt

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, đờm trọc quấy nhiễu lên trên, biểu hiện đầu vầng mắt hoa, tay chân tê dại, tim hồi hộp, mất ngủ, lưỡi hồng, rêu vàng nhờn, mạch huyền hoạt.

200. Đỗ trọng nhị hoàng thang (tên tự đặt)

Bài thuốc:

Sinh đỗ trọng: 15g, Thảo quyết minh: 15g,

Sơn tra nhục: 15g, Hoàng bá: 6g,

Sinh đại hoàng: 3g, Râu ngô: 50g.

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày một thang, sắc 3 lần nước, uống ba lần sáng, trưa, tối.

Công dụng: Bổ thận, dưỡng can, tả nhiệt, lợi thấp, hoá đục.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu sưng đau, choáng váng, tai ù, tai điếc, miệng táo họng khô, hai mắt khô sấp, mất ngủ, hay quên, lưỡi hồng, ít nước bọt, mạch huyền.

201. Khô thảo ký sinh thang

Bài thuốc:

Thực địa: 30g,	Nữ trinh tử: 20g,
Mẫu đơn bì: 15g,	Hạt hoè: 15g,
Hạ khô thảo: 30g,	Tang ký sinh: 24g,
Ngưu tất: 15g,	Sinh thạch quyết minh: 30g.

Cách dùng: Cho Thạch quyết minh sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào sắc tiếp 15 phút, chắt lấy nước, sắc lần thứ hai, hoà chung hai lần nước thuốc, chia hai lần uống, mỗi ngày một thang.

Công dụng: Bổ âm thanh nhiệt, bình can tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng của người cao tuổi, biểu hiện choáng váng, đầu đau, lưng đau gối mỏi, tim hồi hộp mất ngủ, lòng bàn tay bàn chân nóng, đầu nặng chân nhẹ, lưỡi hồng rêu mỏng, mạch huyền tế.

202. Xa tiên nhị sâm thang

Bài thuốc:

Hạnh nhân: 12g,	Bạch tật lê: 15g,
Huyền sâm: 15g,	Đan sâm: 15g,
Xa tiên: 15g,	Bình lang: 5g,
Bột hổ phách: 1g (bọc vải).	

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày một thang.

Công dụng: Bổ âm thanh nhiệt, bình can, khử ú, lợi tiểu hạ áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu đau choáng váng, mắt khô, mất ngủ hay quên, tai tù, tai điếc, miệng táo, hong khô, lưỡi hồng ít nước bọt, mạch huyền.

203. Cẩm trọng giáng áp thang

Bài thuốc:

Hoàng cầm:	15g,	Đỗ trọng:	15g,
Sinh địa:	15g,	Sơn thù:	10g,
Câu đằng:	10g,	Cúc hoa:	10g,
Ngưu tất:	12g,	Phục linh:	10g,
Phục thần:	10g,	Bá tử nhân:	10g,
Mẫu đơn bì: 8g,	Sinh thạch quyết minh:	10g.	

Cách dùng: Ngâm thuốc vào nước 30 phút rồi đun sắc 20 phút, cuối cùng cho Câu đằng vào lại đun 10 phút mỗi thang sắc 2 lần, hoà chung hai lần nước thuốc, chia hai lần uống, mỗi ngày một thang.

Công dụng: Bổ âm tiềm dương, bình can, trừ phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu váng, mắt hoa, tâm phiền bực tức, tai ù, mặt hồng, lưỡi hồng, mạch huyền hơi sắc.

Ghi chú: Bài thuốc này có thể tán bột nhào mật chế thành hoàn, khi uống thuốc phải kiêng rượu, thuốc, chất cay nóng, và kích thích, không nên uống chè đặc, ít ăn gà và chim.

204. Chỉ vừng giáng áp hoàn

Bài thuốc: Sinh long cốt, Sinh mẫu lệ, Ngưu tất, Hạ khô thảo, Câu đằng số lượng bằng nhau.

Cách dùng: Tán thành bột nhào với nước đường làm hoàn, mỗi lần 6g, ngày uống 3 lần, sau khi ăn cơm uống với nước ấm.

Công dụng: Trắc can trừ phong, bổ âm, tiềm dương, an thần.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, can phong nội động, biểu hiện đầu choáng váng muốn ngã, đầu sưng đau, tai ù, mất ngủ, trong tâm phiền nhiệt thậm chí bị choáng muốn ngã, hôn mê bất tỉnh.

Ghi chú: Đàn bà có thai kiêng dùng, người già yếu thân thể suy nhược, tỳ dương hư dùng phải cẩn thận. Trong thời kỳ uống thuốc kiêng ăn chất cay nóng.

205. Tùng linh huyết mạch kang

Bài thuốc: Bột Cát căn và Trân châu.

Cách dùng: Thuốc nói trên chế thành viên nang, uống mỗi ngày 9 viên, chia 3 lần. Bệnh nặng có thể ngày uống bốn lần mỗi lần bốn viên.

Công dụng: Bổ âm, dưỡng huyết, bình can, tiềm dương, an thần.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu đau choáng váng, tim hồi hộp mất ngủ, cổ cứng, lưng đau gối mỏi, tai ù hay quên.

Ghi chú: Đàn bà có thai kiêng dùng, nếu có triệu chứng xuất huyết hoặc người dương khí suy nhược dùng phải thận trọng.

206. Phiên tả đầu thống phương

Bài thuốc:

Thạch quyết minh:	15g,	Thiên ma:	9g,
Lá dâu:	9g,	Hạ khô thảo:	12g,
Thạch斛:	9g,	Ngọc trúc:	12g,
Sơn thù:	6g,	Câu kỷ tử:	12g,
Bạch thược (sao):	9g,	Đương quy:	9g,
Xuyên khung:	3g,	Bạch tật lệ:	9g,
Mãn kinh tử:	9g.		

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày một thang chia hai lần uống.

Công dụng: Bỏ âm, tiềm dương, bình can, trừ phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu đau, choáng váng, tâm phiền dễ giận, nằm ngủ không yên, mặt hồng miệng khô rêu vàng, lưỡi hồng, mạch huyền hoặc tế sắc.

207. Thủ ô diên thọ thang

Bài thuốc:

Hà thủ ô:	15g,	Quả dâu:	15g,
Thiên ma:	10g,	Thạch quyết minh:	20g,
Ngưu tất:	10g,	Đan sâm:	10g,
Quy bản nướng:	10g,	Bạch phục linh:	10g,
Pháp bán hạ:	5g,	Cam thảo:	5g.

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày một thang.

Công dụng: Tiềm dương, dưỡng âm, trừ phong

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện vàng đầu, tai ù, mắt hoa, buồn nôn, lưỡi hồng rêu ít, mạch huyền tế.

208. Trấn can tức phòng thang

Bài thuốc:

Ngưu tất:	30g,	Sinh giả thạch:	30g,
Sinh long cốt:	15g,	Sinh mẫu lệ:	15g,
Sinh quy bản:	15g,	Sinh bạch thược:	15g,
Huyền sâm:	15g,	Thiên môn:	15g,
Xuyên luyện tử:	6g,	Sinh mạch nha:	6g,
Nhân trần:	6g,	Cam thảo:	4-5g.

Cách dùng: Sắc nước uống.

Công dụng: Bình can, trừ phong, dưỡng âm tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu vàng mắt hoa, tai ù, sần nạo đau nhức, sắc mặt như say rượu, trong lòng phiền nhiệt, khi đứng thường thở ra, tay chân cứng khó cử động, miệng méo dần, thậm chí bị choáng ngã xuống, hôn mê bất tỉnh, sau khi tỉnh lại không trở lại bình thường, mạch huyền.

209. Câu đằng ngũ vị thang

Bài thuốc:

Huyền sâm:	15g,	Bạch thược:	15g,
Ngưu tất:	12g,	Mẫu đơn bì:	10g,
Câu đằng:	15g (cho vào sau)		

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày một thang.

Công dụng: Bổ thận, bổ gan, khởi phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can thận âm hư, biểu hiện choáng váng, tai ù, buồn bực mất ngủ, mơ nhiều, họng khô lưỡi táo, lưỡi hồng rêu ít, mạch huyền tế sắc.

210. Tri mẫu địa hoàng hoàn

Bài thuốc:

Sinh địa hoàng :	20-30g,	Trạch tả:	15-20g,
Mẫu đơn:	15-20g,	Phục linh:	9g,
Sơn dược:	9g,	Sơn thù:	9g,
Táo nhân:	15g,	Xuyên khung:	10g,
Tri mẫu:	10g.		

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày một thang sắc 3 lần.

Công dụng: Bổ âm dưỡng can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can thận âm hư, biểu hiện đầu đau, choáng váng, tai ù, tai điếc, buồn bực, mất ngủ, hay quên, miệng họng khô táo, lưỡi hồng rêu mỏng, mạch tế sắc.

211. Đường huyết nhu can tức phong thang

Bài thuốc:

Đương quy:	10g,	Bạch thược:	10g,
Toàn yết:	10g,	Thiên ma:	15g,
Cương tằm:	15g,	Câu kỷ tử:	15g,
Địa long:	15g,	Câu đằng:	18g,
Cúc hoa:	18g,	Ngưu tất:	30g,
Long cốt:	30g,	Mẫu lệ:	30g,

Rét 4 con.

Cách dùng: Cho Long cốt, Mẫu lệ sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị khác vào sắc tiếp 20 phút, chắt

nước thuốc ra, lại cho nước vào sắc 20 phút. Hoà chung nước thuốc hai lần với nhau, uống 3 lần sáng, trưa, tối, 10 ngày là một đợt điều trị.

Công dụng: Dưỡng huyết nhu can, khởi phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can âm không đủ, dương hoá phong, biểu hiện đầu đau, choáng váng, mắt hoa, chân tay tê dại.

Ghi chú: Dùng bài thuốc này chữa bệnh cao huyết áp 67 ca, chữa khỏi 47 ca.

212. Mẩu lệ câu đằng tức phong thang

Bài thuốc:

Sinh mẩu lệ (sắc trước): 30g,

Câu đằng (cho vào sau): 15g,

Huyền sâm: 15g,

Bạch thược: 15g,

Ngưu tất:

10-12g

Cam thảo: 3g.

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày một thang.

Công dụng: Bổ âm, tiềm dương, khởi phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu đau, choáng váng, tai ù hay quên, lưng đau gối mỏi, trong tâm phiền nhiệt, hồi hộp, mất ngủ, lưỡi hồng rêu mỏng, mạch huyền tế sắc.

213. Giả thạch mẩu lệ tiềm dương thang

Bài thuốc:

Sinh đại giả thạch (sắc trước): 20g,

Sinh mẩu lệ (sắc trước): 24g,

Cam thảo: 3g,

Quy bản nướng (sắc trước).

Huyền sâm, Thiên môn đông : 15g.

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày một thang.

Công dụng: Dưỡng âm, tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu đau, choáng váng, lưng đau gối mỏi, tai ù hay quên, trong lòng phiền nhiệt, hồi hộp, mất ngủ, lưỡi hồng rêu mỏng, mạch huyền tế sắc.

214. Địa long giáp châu thang

Bài thuốc:

Địa long: 16g, Đại hoàng: 3g, Giáp châu: 5g.

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày một thang, chia 3 lần uống, uống từ 10-30 ngày, huyết áp sẽ xuống dần.

Công dụng: Hoạt huyết, hoá ứ, nhu can, khởi phong, tả nhiệt, thông đại tiện.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, huyết ứ, làm cản trở kinh lạc, biểu hiện đau đầu, choáng váng, mắt hoa, tai ù, hồi hộp, hay quên, đại tiện táo bón, lưỡi sạm, mạch huyền sấp.

215. Mẫu lệ tang thâm thang

Bài thuốc:

Sinh mẫu lệ: 30g, Ngưu tất: 15g,

Huyền sâm: 15g, Trân châu mẫu: 30g,

Đan sâm: 30g, Mạch môn: 30g,

Thiên ma: 10g, Câu đằng: 20g,

Tang thâm (quả dâu): 30g, Bạch thược: 30g,

Cách dùng: Cho Sinh mẫu lệ, Trân châu mẫu sắc trước 30 phút, sau đó cho các thuốc khác vào sắc 15 phút, chắt nước thuốc ra, cho nước vào sắc tiếp. Hoà

chung nước thuốc 2 lần sắc, chia hai lần uống, mỗi ngày một thang.

Công dụng: Bổ âm, thanh nhiệt, bình can, tiềm dương, khởi phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu đau vầng vất, tai ù hay quên, lưng đau gối mỏi, trong tâm phiền nhiệt, lưỡi hồng rêu mỏng, mạch huyền tế.

216. Thủ ô phục thần thang

Bài thuốc:

Thạch quyết minh nướng: 15g,

Bán hạ tẩm trúc lịch 10g,

Ngọc trúc: 15g, Chế hà thủ ô: 15g,

Mẫu đơn bì: 10g, Liên kiều: 10g,

Tâm lá tre: 10g, Sơn chi sao đen: 10g,

Phục thần: 12g, Cúc hoa: 12g,

Huyền sâm: 12g, Sinh bạch thực: 12g.

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày một thang, chia hai lần uống.

Công dụng: Bổ thận tiềm dương, thanh tâm hoá đờm an thần.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, đờm hoả quấy bên trên, biểu hiện đầu choáng, tim hồi hộp, mất ngủ, trong lòng phiền nhiệt, miệng khát, lưỡi hồng, rêu vàng nhòn, mạch huyền hoạt.

217. Dưỡng huyết bình can thang

Bài thuốc:

Bạch thược:	10g,	Sinh địa:	10g,
Xuyên khung:	10g,	Cúc hoa:	10g,
Câu đằng:	15g,	Thạch xương bồ:	8g,
Viễn chí:	10g,	Ngưu tất:	10g,
Quyết minh:	20g,	Xuyên luyện tử:	10g

Đổm thảo (nướng thành than): 10g,
Hạ khô thảo: 10g.

Cách dùng: Sắc nước uống, Câu đằng cho vào sau, mỗi ngày một thang, uống sáng và tối.

Công dụng: Dưỡng huyết bình can khởi phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm huyết hư, biểu hiện đầu vầng mắt hoa, tai ù, mất ngủ, hay quên, tim hồi hộp, tay chân tê dại, lưỡi nhạt rêu trắng, mạch huyền tế.

218. Quy ma thang

Bài thuốc:

Quy bản: 30g, Rễ cây bông: 30g, Thiên ma: 15g.

Cách dùng: Cho quy bản sắc trước 30 phút, sau cho các vị thuốc khác vào sắc 15 phút, mỗi ngày một thang chia hai lần uống.

Công dụng: Bổ âm bình can khởi phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, đầu vầng tai ù, lưng đau gối mỏi, mất ngủ, mất ngủ mơ nhiều, lưỡi hồng, ít nước bọt, mạch huyền tế.

219. Tật lê câu đẳng thang

Bài thuốc:

Câu đẳng: 15g, Ngưu tất: 10g, Tật lê: 15g.

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày một thang, 10 ngày là một đợt điều trị.

Công dụng: Tả can, khởi phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp thời kỳ hai loại can thận âm hư, can dương thượng kháng, biểu hiện choáng váng, tai ù, đầu mắt sưng đau, mặt hồng, mắt đỏ, lưng đau, gối mỏi, lưỡi hồng, ít nước bọt, mạch huyền tế.

220. Xi rô hạ khô thảo

Bài thuốc: Hạ khô thảo, Đường trắng đều 120g, Thảo quyết minh: 100g.

Cách dùng: Cho Hạ khô thảo cùng thảo quyết minh với 2000ml sắc còn 1500ml, lại cho nước sắc lần thứ hai lấy 1000ml, cho đường vào hoà tan, chia ba lần uống sáng, trưa, tối, uống ba ngày thì hết, 30 ngày là một đợt điều trị.

Công dụng: Bình can tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu váng đau, mất ngủ, tai ù, lưng đau gối mỏi.

Ghi chú: Bài này chữa cao huyết áp nguyên phát, người chuyển về giả bị cao huyết áp đều hiệu quả.

221. Kỹ cúc dục âm thang

Bài thuốc:

Cẩu kỷ tử:	15g,	Cúc hoa:	10g,
Sinh địa:	10g,	Câu đằng:	15g,
Thiên ma:	10g,	Trân châu mẫu:	30g,
Đan sâm:	15g,	Đương quy:	10g,
Đỗ trọng:	10g,	Ngưu tất:	10g,
Chế miết giáp:	15g,	Hy thiêm thảo:	15g,
Tang ký sinh:	15g,		

Cách dùng: Cho Trân châu mẫu, miết giáp sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào, Câu đằng cho cuối cùng, sắc hai lần, hoà chung hai lần nước thuốc, uống sáng, tối mỗi ngày một thang.

Công dụng: Bổ âm, tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương亢, đầu vầng đau, lưng đau, gối mỏi, chân tay tê dại, mất ngủ, buồn bực.

222. Địa long quy bản phục linh thang

Bài thuốc:

Địa long:	10g,	Quy bản:	15g,
Phục sinh:	12g,	Câu đằng:	10g,
Bạch tật lê:	12g,	Thiên ma:	15g,
Trạch tả:	10g,	Xuyên khung:	10g,
Sơn thù:	10g,	Sơn tra:	10g,
Kê huyết đằng:	15g,	Cương tâm:	10g,
Ô tiêu xà:	10g,		

Cách dùng: Cho Quy bản sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào, sắc hai lần hoà hai lần nước rồi uống, uống tối sáng mỗi ngày một thang.

Công dụng: Bổ thận bình can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thiên kháng, tỳ hư, đầu đau choáng váng, tay chân tê dại.

Ghi chú: Bài thuốc này chữa người già cao huyết áp thời kỳ một và hai là tương đối tốt.

223. Thục địa Huyền Sâm thang

Bài thuốc:

Sơn thù:	12g,	Thục địa:	15g,
Chế hà thủ ô:	15g,	Huyền sâm:	15g,
Hạ khô thảo:	15g,	Xuyên khung:	10g,
Mộc hương:	10g.		

Cách dùng: Thuốc sắc hai lần nước hoà trộn hai lần nước rồi uống, mỗi ngày một thang, uống sáng và tối.

Công dụng: Tư âm bổ thận.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu đau choáng váng, mặt đỏ, mắt đỏ, miệng khô, tâm phiền.

Ghi chú: Chữa bệnh cao huyết áp người già thời kỳ hai là phù hợp.

224. Bình áp tán

Bài thuốc:

Hà thủ ô:	20g,	Cẩu kỷ tử:	20g,
Nữ trinh tử:	20g,	Hạn liên thảo:	20g,
ích mẫu thảo:	20g,	Bắc sa sâm:	15g,
Hồng hoa:	15g,	Câu đằng:	15g,
Ngưu tất:	15g,	Đương quy:	15g,
Hoàng liên:	10g,	Tang chi:	10g,
Hoàng kỳ:	45g.		

Cách dùng: Nghiền thuốc thành bột, đóng gói mỗi gói 5g, ngày uống 2-3 gói.

Công dụng: Bình ổn can dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện choáng váng, đầu đau, tay chân tê dại, tâm phiền.

225. Hoàng tinh tứ thảo thang

Bài thuốc:

Hoàng tinh:	20g,	Hạ khô thảo:	15g
Ích mẫu thảo:	15g,	Xa tiền thảo:	15g
Hy thiên thảo:	15g.		

Cách dùng: Mỗi ngày một thang, sắc hai lần nước, hoà chung hai lần nước thuốc, uống sáng và tối.

Công dụng: Bình can hoá ứ, thông kinh lợi tiểu.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, huyết theo khí dâng ngược, biểu hiện choáng váng đầu đau, miếng táo họng khô, tai ù mất ngủ.

Ghi chú: Bài thuốc này qua nghiệm chứng lâm sàng quả có hiệu nghiệm, nhất là với người cao huyết áp mà bị choáng váng, đầu đau, bị phù hiệu quả càng rõ rệt - trong thời kỳ uống thuốc, phải kiêng rượu thuốc, tránh tâm tình bị xúc động.

226. Dưỡng âm thanh tâm ẩm.

Bài thuốc:

Sinh địa:	25g,	Mạch môn:	15g,
Huyền sâm:	15g,	Xích thực:	15g,
Ngưu tất:	15g,	Trân châu mẫu:	25g,
Xuyên luyện tử:	10g,	Thanh mộc hương:	10g.

Cách dùng: Ngâm thuốc vào nước 30 phút, sau đó đun sắc 30 phút, mỗi thang sắc hai lần, hoà chung 2 lần nước thuốc, cô đặc thành cao, uống ba lần sáng, trưa, tối với nước ấm.

Công dụng: Dưỡng âm, thanh tâm, an thần.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can âm hư thiếu, dương bốc lên trên, biểu hiện buồn bực dễ giận, choáng váng đầu đau, ngực tức, tim đau.

227. Giáng áp hợp tể

Bài thuốc:

Hạ khô thảo:	15g,	Địa long:	9g
Dạ giao đằng:	15g,	Sao táo nhân:	9g
Huyền sâm:	15g,	Câu đằng:	15g (cho vào sau)

Cách dùng: Cho thuốc vào ấm, cho 300ml, sắc còn 150ml, ngày chia ba lần uống, một tuần uống 3 - 5 thang, một tháng là 1 đợt điều trị.

Công dụng: Tư âm bình can, dưỡng tâm an thần.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can thận âm hư, can dương thượng kháng, tim không được nuôi dưỡng, biểu hiện đầu đau choáng váng, tai ù, tâm phiền hồi hộp mất ngủ.

Ghi chú: Thực tiễn lâm sàng chứng minh, bài thuốc này chữa cao huyết áp thời kỳ 1-2, hiệu quả lâu dài và ổn định.

228. Kỹ cúc địa tất tiên

Bài thuốc:

Cẩu kỷ tử:	12g,	Thục địa:	15g,
Sơn thù:	10g,	Hạn liên thảo:	12g,
Bạch cúc hoa:	10g,	Quyết minh tử:	10g,

Câu đằng, Trạch tả, Tang chi, Ngưu tất đều 10g.

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày một thang, mỗi thang sắc hai lần, uống sáng và tối.

Công dụng: Bổ dưỡng can thận, tiềm dương khởi phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can thận âm hư, Can dương thiên kháng, biểu hiện đau nhức mỏi, miệng họng khô táo, lưỡi hồng ít nước bọt, mạch huyền tế.

229. Bình giảng thang

Bài thuốc:

Trạch tả:	60g,	Ích mẫu thảo:	30g,
Ngưu tất:	15g,	Thiên ma:	10g,
Mộc hương:	10g,	Hạ khô thảo:	15g,

Sinh thạch quyết minh: 30g (cho sắc trước),

Câu đằng: 15g (cho vào sau) Tang ký sinh: 15g.

Cách dùng: Mỗi ngày một thang, sắc hai lần nước, uống sáng, tối.

Công dụng: Tư bổ can thận, bình can tiềm dương, thanh nhiệt lợi thấp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, kèm theo thấp nhiệt, biểu hiện đầu vàng đầu đau, ngực đau tức, lưng nhức gối nhức mỏi, lưỡi hồng, rêu vàng nhờn.

Ghi chú: Bài thuốc này mỗi đợt uống 20 thang, uống liền hai đợt, giữa từng đợt nghỉ 7 ngày. Trong thời kỳ uống thuốc, ngừng dùng các thuốc khác. Theo thông báo đã điều trị 100 ca cao huyết áp, chữa khỏi 74 ca, có hiệu quả 20 ca.

230. Bình giảng thang

Bài thuốc:

Long cốt:	30g,	Mẫu lệ:	30g,
Trân châu mẫu :	30g,	Hà thủ ô:	12g,
Thảo quyết minh:	12g,	Cúc hoa:	12g,
Câu đằng:	20g,	Câu đằng:	20g,
Ngưu tất:	15g	Hạ khô thảo:	30g,
Bạch thược:	12g.		

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang, sắc 2 lần nước, lấy từ 600ml – 800ml, chia 2 lần uống, 40 ngày là một đợt điều trị.

Công dụng: Tư âm, giảng hỏa, bình can, tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết loại âm hư hỏa vượng, can dương thượng kháng, biểu hiện đầu mắt choáng váng, sưng đau, mặt đỏ.

Ghi chú: Khi uống thuốc này thì không uống các loại thuốc hạ huyết áp khác. Theo thông báo chữa 110 ca cao huyết áp, khỏi hẳn 32 ca, đạt hiệu quả 64 ca.

231. Đỗ trọng tư thận thang

Bài thuốc:

Đỗ trọng:	15g,	Sinh địa:	12g,
Bạch thược:	10g,	Hạ khô thảo:	15g,
Bạch mao căn:	15g,	Mã đầu linh:	10g,
Mẫu đơn căn:	12g.		

Cách dùng: Thuốc cho nước sắc hai lần, hoà chung nước thuốc với nhau, uống sáng và tối, mỗi ngày một thang.

Công dụng: Bổ âm bình can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện lưng đau gối mỏi, đầu vầng, mắt hoa, mặt đỏ bốc hỏa.

Ghi chú: Đây là nghiệm phương dân gian Quý Châu.

232. Tang tất thang

Bài thuốc:

Lá dâu:	15g,	Cúc hoa:	15g,
Ngưu tất:	15g,	Đỗ trọng:	15g,
Nam bố chính sâm: 15g.			

Cách dùng: Cho nước vào thuốc sắc hai lần, mỗi ngày một thang uống sáng và tối.

Công dụng: Bình can hạ áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu sưng đau, đầu vầng mắt hoa, lưng đau gối mỏi.

Ghi chú: Đây là nghiệm phương dân gian tỉnh Quý Châu.

233. Gia giảm thiên ma câu đằng ẩm

Bài thuốc:

Thiên ma:	6g,	Câu đằng:	30g,
Trân châu mẫu:	30g,	Cát căn:	30g,
Hoàng cầm:	10g,	Địa long:	10g,
Bạch thược:	10g,	Tang ký sinh:	10g,
Hạ khô thảo:	10g,	Dạ giao đằng:	10g,
Ngưu tất:	10g,	Câu kỷ tử:	15g.

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày một thang.

Công dụng: Bổ âm tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, đầu vầng mắt hoa, miệng đắng họng khô, mất ngủ mơ nhiều.

Ghi chú: Bài này chữa cao huyết áp thời kỳ 1,2.

234. Giáng áp số 1

Bài thuốc:

Câu đằng:	30g,	Cát căn:	30g,
Hoè hoe:	15g,	Tang ký sinh:	15g,
Hoa bắc đèn:	15g,	Trạch tả:	15g,
Trần bì	5g,	Hoàng cầm:	9g,
Địa long:	9g,	Đẳng tâm:	3g.

Cách dùng: Sắc nước uống, Câu đằng cho vào sau, sắc hai lần nước mỗi ngày một thang, uống sáng và tối.

Công dụng: Dưỡng âm bình can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu đau, choáng váng, lưỡi đắng, họng khô, mất ngủ mơ nhiều.

Ghi chú: Bài thuốc này chữa bệnh cao huyết áp thời kỳ 1,2.

235. Thăng áp thang

Bài thuốc:

Hà thủ ô:	20g,	Thỏ ti tử:	20g,
Cẩu kỷ tử:	20g,	Nữ trinh tử:	20g,
ích mẫu thảo:	20g,	Côn bố:	20g,
Long đởm thảo:	15g,	Mẫu đơn bì:	15g,
Hạ khô thảo:	15g,	Mộc hương:	15g,
Sa sâm:	15g,	Hồng hoa:	12g.

Tang ký sinh: 12g, Sơn tra: 12g,
 Trạch tả: 12g, Sao táo nhân: 12g,
 Câu đằng: 10g.

Cách dùng: Cho nước vào thuốc sắc 20 phút, rồi cho câu đằng vào sắc tiếp 10 phút, chắt nước thuốc ra sắc lần thứ hai, hoà chung hai lần nước thuốc, uống sáng, trưa, tối, mỗi ngày một thang.

Công dụng: Tư bổ can thận, bình can, lý khí.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can thận hư suy, dương kháng lên trên, biểu hiện đầu đau choáng váng, tai ù, miệng đắng, lưng gối nhức mỏi.

236. Viên cúc nhị thiên tán

Bài thuốc:

Sinh viển chí: 15g, Cúc hoa: 15g,
 Thiên ma: 15g, Xuyên khung: 15g,
 Thiên trúc hoàng: 12g, Sài hồ: 10g,
 Thạch xương bồ: 10g, Cương tâm: 10g.

Cách dùng: Nghiền thuốc thành bột, cho vào viên nang, trước khi ăn cơm nửa giờ uống 0,2g, ngày uống ba lần.

Công dụng: Bình can tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đau đầu, choáng váng, tâm phiền, mất ngủ, lưng đau gối mỏi.

Ghi chú: Theo thông báo dùng bài thuốc này chữa 151 ca cao huyết áp, hiệu quả rõ rệt 99 ca, có hiệu quả 41 ca.

237. Tiêm giáng thang

Bài thuốc:

Trân châu mẫu:	30g,	Thạch quyết minh:	30g,
Hạ khô thảo:	30g,	Sinh thạch cao:	30g,
Sinh địa:	15g,	Huyền sâm:	25g,
Địa long:	20g,	Cúc hoa:	10g,
Mạch môn:	12g,	Sinh bạch thược:	18g.

Cách dùng: Cho Trân châu mẫu, Thạch quyết minh, Thạch cao sắc trước 30 phút rồi cho các vị khác vào cùng sắc, mỗi thang sắc hai lần, hoà chung 2 lần nước thuốc uống sáng và tối, mỗi ngày một thang.

Công dụng: Tư âm tiềm dương, Thanh nhiệt tả hỏa.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đau đầu choáng váng, mắt đỏ tâm phiền, lưng đau, gối mỏi.

Ghi chú: Bài thuốc này chữa bệnh cao huyết áp thời kỳ một, người bị choáng váng nhiều là có hiệu quả.

238. Gia giảm kiến linh thang

Bài thuốc:

SinhHoài sơn:	30g,	Ngưu tất:	30g
Sinh đại giả thạch:	24g,	Sinh long cốt:	18g
Sinh Mẫu lệ:	15g,	Sinh địa hoàng:	18g
Sinh Bạch thược:	12g,	Bá tử nhân:	12g

Cách dùng: Mỗi ngày một thang, lấy rĩ sắt sắc hai lần, cùng nước thuốc lấy 400ml, chia hai lần uống ấm, 10 ngày là một đợt điều trị.

Công dụng: Tư âm tiềm dương, giảm đau hạ áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu đầu choáng váng, tâm phiền dễ giận, hai mắt sưng, có lúc hoa mắt.

239. Huyền sâm đan sâm ẩm

Bài thuốc:

Huyền sâm: 10g,	Tang ký sinh: 10g,
Ngưu tất: 10g,	Câu kỷ: 10g,
Đỗ trọng: 10g,	Xa tiền: 10g,
Đan sâm: 15g,	Hà thủ ô: 15g,
Câu đằng: 12g,	Thạch quyết minh: 12g.

Cách dùng: cho Thạch quyết minh sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị khác vào sắc 20 phút, cuối cùng cho Câu đằng vào sắc 10 phút, chắt nước thuốc ra, sắc lần thứ hai, hoà chung hai lần nước thuốc uống sáng và tối, mỗi ngày một thang.

Công dụng: Bổ thận hoạt huyết, bình can khởi phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng đầu váng tai ù, lưng đau gối mỏi.

Ghi chú: Theo thông báo chữa 76 ca cao huyết áp bằng bài thuốc này, hiệu quả rõ rệt 39 ca, có hiệu quả 36 ca.

240. Viên nang giáng áp

Bài thuốc:

Nữ trinh tử: 100g,	Hạn liên thảo: 100g,
Từ thạch: 100g,	Ngưu tất: 100g,
Đại hoàng: 100g,	Hạ khô thảo: 100g,
Phòng kỷ: 100g,	

Cách dùng: Cho 6 vị thuốc đầu sắc hai lần nước, lấy nước thuốc cô đặc thành cao, sau đó cho bột Phòng kỷ vào quấy đều và sấy khô, nghiền vụn cho vào viên nang, mỗi viên 0,25g mỗi lần uống 2 -4 viên, mỗi ngày 3 lần, 30 ngày là một đợt điều trị.

Công dụng: Bình can tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu đau, choáng váng, tai ù, tim hồi hộp, lưng đau, gối mỏi.

241. Câu đằng long mẫu thang.

Bài thuốc:



Câu đằng:	25g,	Lá dâu:	15g,
Cúc hoa:	15g,	Phục linh:	20g,
Sinh địa:	30g,	Bạch thược:	30g,
Long cốt:	30g,	Mẫu lệ:	30g.

Cách dùng: Cho Long cốt, Mẫu lệ sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào, Câu đằng cho vào cuối cùng, sắc 2 lần nước, hoà chung hai lần nước thuốc, uống sáng và tối.

Công dụng: Dưỡng âm bình can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu vầng mắt hoa, tai ù, tâm phiền.

Ghi chú: Câu đằng có tác dụng hạ huyết áp rất tốt, nhưng khi sắc thuốc thì không nên sắc lâu. Căn cứ thực nghiệm dược lý thì thấy nếu Câu đằng sắc lâu quá 20 phút thì hiệu quả hạ áp sẽ kém đi.

242. Trân mẫu bạch thực thang

Bài thuốc:

Sinh mẫu lệ:	30g,	Trân châu mẫu:	30g,
Bạch thực:	24g,	Quả dâu:	30g,
Cúc hoa:	12g,	Bạch tật lê:	15g,
Địa cốt bì:	20g,	Phòng kỳ:	12g,
Hoàng cầm:	12g.		

Cách dùng: Cho Trân châu mẫu, Mẫu lệ sắc trước 30 phút, sau đó cho những thuốc đã ngâm trước vào sắc tiếp 20 phút, mỗi thang sắc 3 lần, hoà chung 3 lần nước thuốc, uống 3 lần sáng, trưa, tối sau khi ăn, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Dưỡng huyết hạ áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp do can âm không đủ, hư dương thượng亢, biểu hiện đầu đau, vàng, mắt hoa, tai ù, tim hồi hộp, mất ngủ.

Ghi chú: Bài thuốc này dùng chữa bệnh cao huyết áp nguyên phát thời kỳ 2.

243. Long mẫu giáng áp thang

Bài thuốc:

Đại giả thạch:	20g,		
Sinh long cốt:	25g,	Sinh mẫu lệ:	20g,
Sung uỷ tư:	15g,	Tang ký sinh:	20g,
Cúc hoa:	10g,	Hoàng cầm:	15g.

Cách dùng: Cho nước sắc Long cốt, Mẫu lệ, Đại giả thạch trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào, sắc hai lần nước, hoà chung hai lần nước thuốc, chia ba lần uống sáng, trưa, tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Bổ âm tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu đau choáng váng, mắt mờ, tai ù, lưng đau, gối mỏi.

244. Thanh huyền thang

Bài thuốc:

Hoàng cầm:	15g,	Đỗ trọng:	15g,
Sinh địa:	15g,	Sơn thù:	10g,
Mẫu đơn:	8g,	Câu đằng:	10g,
Cúc hoa:	10g,	Ngưu tất:	12g,
Sinh mẫu lệ:	18g,	Phục linh:	10g,
Phục thần:	10g,	Bá tử nhân:	10g.
Sinh thạch quyết minh:	10g.		

Cách dùng: Ngâm các vị thuốc vào nước (trừ Câu đằng), rồi đun sắc 20 phút, cho Câu đằng vào sắc tiếp 10 phút, chắt nước thuốc ra, lại cho nước vào đun lần thứ 2, hoà chung 2 lần nước thuốc, uống hai lần, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Bình can an thần.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu váng mắt hoa, tâm phiền bức tức, tai ù, tay run.

245. Xuyên khung trạch tả tán

Bài thuốc:

Xuyên khung:	20- 40g,	Trạch tả:	70- 80g
Bạch truật:	12g,	Thảo quyết minh:	15g
Câu đằng:	10g,	Tang ký sinh:	15g
Toàn yết:	6g,	Đỗ trọng:	15g,
Ngưu tất:	15g,	Sinh địa:	20g.

Cách dùng: Cho nước và thuốc vào ấm đun sặc lên (Cây đằng cho vào sau cùng), sặc hai lần nước, hoà chung nước thuốc hai lần, uống sáng và tối, mỗi ngày một thang, 12 ngày là một đợt điều trị.

Công dụng: Dưỡng âm bình can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu vầng mắt hoa, đầu nặng chân nhẹ, tim hồi hộp, hơi thở ngắn, lưng đau gối mỏi, kinh nguyệt không đều.

Ghi chú: Bài thuốc này chữa bệnh cao huyết áp ở thời kỳ 3.

246. Quyết minh mẫu lệ thang

Bài thuốc:

Thục địa:	12g,	Chi ma:	12g,
Bạch thược:	9g,	Mạch môn:	9g,
A giao:	9g,	Cúc hoa:	9g,
Chích cam thảo:	4g,	Thạch quyết minh:	18g,
Mẫu lệ:	14g,	Cây đằng:	30g,
Miết giáp:	30g,	Quy bản:	30g.

Cách dùng: A giao đem nướng phồng lên, cho Thạch quyết minh, Mẫu lệ, Miết giáp, Quy bản vào trong ấm sặc sôi 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào, (Cây đằng cho vào cuối cùng) cùng sặc 20 phút, sặc 2 lần nước, hoà đều hai lần nước thuốc, cho A giao vào khuấy đều chia hai lần uống ấm.

Công dụng: Tư âm tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu vầng sưng đau, họng khô mắt ngủ, lưng nhức, lưỡi hồng rêu ít.

247. Ký sinh long mẫu thang

Bài thuốc:

Hoè hoa:	25g,	Tang ký sinh:	25g,
Hạ khô thảo:	20g,	Cúc hoa:	20g,
Thảo quyết minh:	20g,	Xuyên khung:	15g,
Địa long:	15g,	Dâm dương hoắc:	20g,
Sao táo nhân:	20g,	Long cốt:	25g,
Mẫu lệ:	25g.		

Cách dùng: Cho nước sắc Long cốt, Mẫu lệ trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào, sắc hai lần nước, uống sáng và tối, mỗi ngày một thang.

Công dụng: Bổ thận, tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu đau, choáng váng, mặt đỏ mắt đỏ, lưng đau tai ù, mất ngủ.

248. Dục âm bình can tức phong thang

Bài thuốc:

Sinh địa:	30g,	Câu đằng:	15g,
Thuyền thoái:	15g,	Địa long:	10g,
Đờm tinh:	10g,	Tang ký sinh:	20g,
Miết giáp:	20g,	Ngưu tất:	15g,
Trân châu mẫu:	20g,	Cương tâm:	5g,
Bạch thược:	30g,	Hạ khô thảo:	30g
Sinh thạch quyết minh: 20g.			

Cách dùng: Cho nước vào sắc Thạch quyết minh, Trân châu mẫu, Miết giáp trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào đun 20 phút, cuối cùng cho Câu đằng vào sắc sôi 5 phút, chắt lấy nước.

sắc tiếp lần thứ hai, hoà chung 2 lần nước thuốc chia hai lần uống, mỗi ngày một thang.

Công dụng: Dục âm, tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu choáng đau, lưng đau gối mỏi, đêm ngủ mờ nhiều, nửa người bên trái tê dại.

249. Câu đằng bình can thang

Bài thuốc:

Câu kỷ tử:	15g,	Cúc hoa:	10g
Sinh địa:	15g,	Câu đằng:	15g
Thiên ma:	10g,	Trân châu mẫu:	30g,
Đan sâm:	15g,	Đương quy:	10g,
Đỗ trọng:	10g,	Ngưu tất:	10g,
Chế miết giáp:	15g,	Tang ký sinh:	15g,
Hy thiên thảo:	15g,		

Cách dùng: Cho nước sắc chế Miết giáp trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào, cuối cùng cho Câu đằng vào, sắc hai lần nước, hoà chung hai lần nước thuốc, uống sáng và tối mỗi ngày một thang.

Công dụng: Bổ âm, tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu đau, choáng váng, tim hồi hộp, tai ù, trong lòng buồn bực, hai mắt khô ráo, tay chân tê cứng, lưng nhức, đổ mồ hôi trộm.

Ghi chú: Bài này chữa bệnh cao huyết áp nguyên phát thời kỳ 2,3 kèm thao tâm thất bên trái dày. Thuốc uống 15 ngày nghỉ 3 ngày, 6 tháng là một đợt điều trị.

250. Nhị địa câu đẳng thang

Bài thuốc:

Chế hà thủ ô:	15g,	Sinh địa:	30g,
Thục địa:	30g,	Bạch thược:	12g,
Đan sâm	12g,	Câu đằng:	12g,

Cẩu kỷ tử, Thỏ ti tử, Đỗ trọng, Ngưu tất đều 15g,
Mẫu đơn, Lá dâu, Cúc hoa đều 10g, Phục linh, Trạch tả đều 10g.

Cách dùng: Cho các vị thuốc vào đun sắc 20 phút, cho Câu đằng vào, sôi lên thì rót nước thuốc ra, sắc lần thứ hai, hoà chung hai lần nước thuốc, uống lúc sáng, tối, mỗi ngày một thang.

Công dụng: Bổ dưỡng can thận, bình can tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Chữa loại can thận âm hư, can dương thượng kháng, biểu hiện lưng gối mềm yếu, đầu đau, choáng váng, mắt đỏ, mắt hoa, bực tức.

251. Gia vị tăng dịch thang

Bài thuốc:

Sinh địa:	30g,	Sa sâm:	30g,
Mạch môn:	30g,	Thạch quyết minh:	30g,
Trân châu mẫu:	30g,	Huyền sâm:	15g,
Phục linh:	15g,	Bạch truật:	15g,
Long xỉ:	15g,	Cam thảo:	6g.

Cách dùng: Cho Thạch quyết minh, Trân châu mẫn, Long xỉ vào nước sắc 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào sắc 20 phút, chắt nước thuốc ra, lại cho nước sắc lần thứ hai 20 phút, hoà chung hai lần nước thuốc, uống ấm sáng và tối.

Công dụng: Tư âm ích khí, bình can tả hỏa.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu vầng mắt hoa, họng khô tâm phiền, ngực tức tim hồi hộp, đại tiện táo bón.

252. Thanh giáng thang

Bài thuốc:

Sinh quy bản:	30g,	Sinh bạch thực:	30g,
Trân châu mẫu:	30g,	Sa sâm:	30g,
Mạch môn:	30g,	Tang ký sinh:	25g,
Sinh địa:	25g,	Địa long:	20g,
Sinh thạch cao:	20g,	Sao táo nhân:	18g,
Bá tử nhân:	18g,	Mẫu đơn:	10g.

Cách dùng: Cho đun sắc Quy bản trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào, sắc 2 lần, uống sáng và tối, mỗi ngày một thang.

Công dụng: Dưỡng âm, tiềm dương, ích khí dưỡng tâm, an thần.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện choáng váng, đầu đau, tim hồi hộp, hơi thở ngắn hay quên,

Ghi chú: Bài này chữa cao huyết áp mà bị choáng, hiệu quả khá tốt nhất là bệnh ở thời kỳ 2.

253. Tang tất thang

Bài thuốc:

Tang ký sinh:	15g,	Ngưu tất:	12g,
Sinh địa:	20g,	Hoa mào gà:	12g,
Đỗ trọng:	9g,	Thạch quyết minh:	30g,
Miết giáp:	10g,	Long cốt:	20g,

Mẫu lệ: 20g, Từ thạch: 20g,

Câu đằng: 12g (cho vào sau).

Cách dùng: Cho Miết giáp, Long cốt, Mẫu lệ, Từ thạch, Thạch quyết minh đun sắc trước, sau khi sôi 30 phút thì cho các vị thuốc khác vào lại đun 20 phút, cuối cùng cho Câu đằng vào, sắc 2 lần nước, lấy 200ml, chia hai lần uống ấm.

Công dụng: Bình can, tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, can không được nuôi dưỡng, biểu hiện đầu vầng đau, tai ù, lưng gối nhức mỏi, tâm phiền.

254. Tiềm giáng thang

Bài thuốc:

Bạch thước:	20g,	Sinh địa:	12g,
Huyền sâm:	15g,	Hà thủ ô:	9g,
Đỗ trọng:	12g,	Ngưu tất:	12g,
Tang ký sinh:	30g,	Từ thạch:	30g,
Mẫu lệ:	30g,	Thiên ma:	9g,
Tử bích xỉ:	12g,	Sinh thạch quyết minh:	30g.

Cách dùng: Cho Từ thạch, Bối xỉ, Thạch quyết minh, Mẫu lệ đem sắc trước 30 phút, sau đó cho các thuốc khác vào, sắc tiếp, sắc hai lần nước, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Tư âm tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu choáng mắt hoa, tai ù, lưng gối nhức mỏi, tim hồi hộp, mất ngủ.

255. Hải cáp mẫu lệ tán

Bài thuốc:

Sinh hải cáp xác:	30g,	Sinh mẫu lệ:	15g,
Sinh long cốt:	12g,	Bạch tật lệ:	10g,
Cúc hoa:	10g,	Tang ký sinh:	30g,
Đỗ trọng:	12g,	Từ thạch:	15g,
		Hà thủ ô:	12g.

Cách dùng: Cho Hải cáp xác, Sinh mẫu lệ, Sinh long cốt, Từ thạch đun sắc trước 30 phút, sau đó cho các thuốc khác vào, sắc hai lần nước, chia hai lần uống, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Bổ dưỡng can thận, tiềm giáng phù dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu vàng mắt hoa, tai ù, lưng đau, gối mỏi, mất ngủ, tâm phiền.

256. Kim bồ hoàn

Bài thuốc:

Câu đằng:	125g,	Thạch xương bồ:	125g,
Xuyên khung:	125g,	Ngưu tất:	125g,
Hạ khô thảo:	125g,	Uất kim:	167g,
Trạch tả:	167g,	Bột trân châu mẫu:	42g.

Cách dùng: Tán thuốc thành bột, chế thành hoàn, mỗi lần uống 5g, ngày uống 3 lần.

Công dụng: Bình gan hạ áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu đau choáng váng, ngực tức, chân tay tê dại, tâm phiền mất ngủ.

Ghi chú: Khi uống thuốc này ngừng uống các loại thuốc hạ huyết áp khác. Theo thông báo dùng bài thuốc này chữa 186ca cao huyết áp, hiệu quả rõ rệt là 41,94%, đạt hiệu quả 44,62%.

257. Huyền sâm câu đằng thang

Bài thuốc:

Huyền sâm:	20g,	Sinh địa:	15g,
Bạch thược:	12g,	Mạch môn:	12g,
Cúc hoa:	10g,	Đan sâm:	15g,
Từ thạch:	15g,	Ngũ vị tử:	10g.

Trạch tả, Sơn tra, Mộc hương đều 10g,

Hạ khô thảo, Câu đằng đều 15g.

Cách dùng: Cho đem sắc Từ thạch trước 30 phút, sau đó cho các thuốc khác vào, Câu đằng cho vào cuối cùng, sắc 2 lần nước, uống sáng và tối, mỗi ngày một thang.

Công dụng: Tư âm bình can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu vầng và đau, mặt đỏ miệng khô, mắt hoa tai ù, tim hồi hộp mất ngủ.

258. Thiên ma định huyền thang số I

Bài thuốc:

Sinh địa:	24g,	Cam thảo:	8g,
Cẩu kỷ tử:	15g,	Hoàng bá:	15g,
Thiên ma:	10g,	Cúc hoa:	10g,
Thạch quyết minh:	30g,	Hạ khô thảo:	30g,
Đồng tật lê:	15g,	Ngưu tất:	15g,
Câu đằng đều	15g.		

Cách dùng: Cho sắc Thạch quyết minh trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào, Câu đằng cho vào cuối cùng, sắc 2 lần nước, hoà chung hai lần nước thuốc, uống sáng và tối, mỗi ngày 2 thang.

Công dụng: Tư bổ thận âm.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp do thận âm không đủ, dương kháng, biểu hiện đầu vầng và đau, lưng gối nhức mỏi, trong tâm phiền nhiệt.

Ghi chú: Bài thuốc này chữa bệnh cao huyết áp thời kỳ 1, 2 là tốt nhất.

259. Ích khí dưỡng âm thang



Bài thuốc:

Hà thủ ô:	15g,	Bạch thước:	15g,
Đương quy:	9g,	Xuyên khung:	5g,
Đỗ trọng (sao):	18g,	Hoàng kỳ:	30g,
Hoàng bá:	6g,	Câu đằng:	30g.

Cách dùng: Ngâm thuốc vào nước chừng 1 giờ, sắc 10 - 15 phút thì cho Câu đằng vào rồi sắc tiếp, lần thứ hai sắc 30 - 50 phút, dùng lửa nhỏ. Nước thuốc hai lần chừng 250 - 300 ml, chia uống 2 - 3 lần, uống ấm sau khi ăn chừng 2 giờ là tốt, mỗi ngày một thang.

Công dụng: Ích khí dưỡng huyết, tư âm tả hỏa.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp do khí và âm đều hư, biểu hiện đầu đau, choáng vầng, mệt mỏi, tai ù tâm phiền.

Ghi chú: Bài thuốc này chữa bệnh cao huyết áp nguyên phát, cao huyết áp do thận và cao huyết áp do tuổi về già đều đạt hiệu quả.

260. Tang can thanh nhiệt thang

Bài thuốc:

Chế hà thủ ô:	21g,	Ngưu tất:	15g,
Xích thực:	15g,	Phục linh:	15g,
Trạch tả:	15g,	Lá sen:	30g,
Thảo quyết minh:	15g,	Sơn tra:	15g,
Địa long:	21g,	Kê huyết đằng:	30g,
Đan sâm:	21g,	Toàn yết:	15g,
Đào nhân:	15g,	Thạch xương bồ:	9g,
Mẫu lệ:	15g,		

Cách dùng: Cho đun sắc Mẫu lệ trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc vào, sắc 2 lần, hoà chung 2 lần nước thuốc, uống sáng và tối.

Công dụng: Tư âm, dưỡng can, thanh nhiệt hoạt huyết.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp do âm hư thiếu máu, dương kháng, đầu vầng mắt hoa, miệng khô đắng, lưng buốt.

261. Bổ can an thần thang

Bài thuốc:

Sinh địa:	20g,	Bạch thực:	5g,
Xuyên khung:	10g,	Cúc hoa:	12g,
Câu đằng:	12g,	Quyết minh tử:	15g,
Than đóm thảo:	10g,	Thạch xương bồ:	8g,
Viễn chí:	10g,	Xuyên luyện tử:	8g,
Hạ khô thảo:	15g,	Ngưu tất:	15g,

Cách dùng: Mỗi ngày một thang, sắc nước (Cây đẳng cho vào sau) chia hai lần uống.

Công dụng: Bình can dưỡng huyết, an thần thanh não.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can âm hư, biểu hiện đầu đau choáng váng, sau buổi trưa nặng hơn, bực tức dễ giận, tay chân tê dại, mất ngủ mơ nhiều.

262. Ích thận thang

Bài thuốc:

Thục địa:	15g,	Hà thủ ô:	15g,
Sơn thù:	12g,	Sơn dược:	30g,
Hoàng tinh:	15g,	Đan sâm:	15g,
Nga truật:	12g,	Mẫu đơn:	10g,
Trần bì:	10g,	Sơn tra:	15g.

Cách dùng: Mỗi ngày một thang, sắc nước uống.

Công dụng: Tư âm bổ thận, thêm tinh sung huyết, bổ tỳ dưỡng âm.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại chân âm không đủ, tinh huyết hư tổn, biểu hiện đầu váng mắt hoa, tai ù tai điếc, tim hồi hộp hay quên, ho thở, miệng táo họng khô, đại tiện khô cứng.

263. Thủ ô hoàng kỳ thang

Bài thuốc: Đan sâm, Mẫu đơn, Sơn tra, Bột cát căn, Trạch tả, Hà thủ ô, Hoàng kỳ đều 30g, Địa long, Ngũ vị tử, Xích thược, Xuyên khung, Hạ khô thảo đều 15g.

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày một thang, sắc hai lần, uống tối và sáng.

Công dụng: Ích khí huyết, bổ can thận, hoá ứ thông kinh lạc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp thuộc loại can thận âm hư, biểu hiện đầu đau, choáng váng, lưng gối đau mỏi, tai ù tai điếc. Tinh thần mệt mỏi, đêm đi tiểu nhiều. lưỡi nhạt, rêu trắng, mạch trầm huyền tế.

264. Bổ não thang

Bài thuốc: Chế hoàng tinh, Chế ngọc trúc đều 30g, Quyết minh tử: 9g, Xuyên khung: 3g.

Cách dùng: Sắc nước uống, chia hai lần, mỗi ngày một thang.

Công dụng: Thanh can bổ thận, hạ áp thông đại tiện.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can thận âm hư, can phong quấy nhiễu, biểu hiện đầu đau choáng váng, mất ngủ hay quên, bực tức dễ giận, mệt mỏi mất sức, tinh thần không phấn chấn.

265. Cúc hoa sinh địa ẩm

Bài thuốc:

Cúc hoa, Sinh địa:	20g,	Nữ trinh tử:	15g,
Hạ khô thảo:	20g,	Bạch chỉ:	10g,
Cẩu kỷ tử:	20g,	Bạch tật lê:	15g,
Mẫu lệ:	30g,	Phật thủ:	10g.

Cách dùng: Mỗi ngày một thang, sắc hai lần nước, uống sáng và tối, uống liền 6 thang là một đợt điều trị.

Công dụng: Tư âm bổ can thận, tiềm dương khỏi choáng váng.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can thận âm hư, dương kháng, biểu hiện chủ yếu là choáng váng.

Ghi chú: Khi uống thuốc này ngừng uống các thuốc khác.

266. Gia vị Liên thâm thang

Bài thuốc:

Liên tu (tua sen):	12g,	Nữ trình tử:	12g,
Tang thâm (quả dâu):	12g,	Hoài sơn:	15g,
Câu đằng:	10g,	Địa long:	10g,
Hạn liên thảo:	10g,	Ngưu tất:	15g.

Sinh mẫu lệ: 25g (cho sắc trước),

Quy bản hoặc Miết giáp: 25g (cho sắc trước),

Cách dùng: Mỗi ngày một thang, sắc nước uống.

Công dụng: Bổ thận dưỡng can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can thận âm hư, đầu vầng và đau, lưng đau, gối mỏi, mơ nhiều, lưỡi hồng.

267. Bình huyết hoàn

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài thuốc:

Thạch hộc:	18g,	Mạch môn:	18g,
Cúc hoa:	18g,	Huyền sâm:	18g,
Mẫu lệ:	18g,	Nhục thung dung:	18g,
Phục linh:	18g,	Trạch tả:	18g,
Liên kiều:	18g,	Ngũ vị tử:	12g,
Thục địa:	12g,	Mẫu đơn:	12g,
Chỉ thực:	12g,	Đại hoàng:	12g,
Bạch tật lệ:	6g,	Sài hồ:	6g,
Kính giới:	6g,	Phòng phong:	6g,
Cam thảo:	6g,	Tri mẫu:	9g,
Hoàng cầm:	9g,		

Cách dùng: Nghiền thuốc thành bột, hoà với mật làm hoàn, mỗi hoàn nặng 3g, ngày uống ba lần, mỗi lần 3g.

Công dụng: Tư bổ can thận, thanh tả ứ nhiệt.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp do can thận hư suy, dương kháng, ứ nhiệt nội trệ, biểu hiện đầu vầng mắt hoa, sưng đau, tính tình bức tức, lưng gối nhức mỏi, đại tiện bí, mạch huyền.

268. Tang kỳ đồ trọng thang

Bài thuốc:

Hoàng kỳ:	120g,	Sa nhân:	120g,
Cẩu kỷ tử:	120g,	Sinh sơn tra:	120g,
Tang ký sinh:	120g,	Đỗ trọng:	120g,
Hoàng tinh:	90g,	Sinh địa:	90g,
Hồng hoa:	90g,	Xa tiền thảo:	300g.

Cách dùng: Nghiền thuốc thành bột, thêm phụ liệu chế thành thuốc phiến, mỗi lần uống 4 - 6 phiến, ngày uống 3 lần.

Công dụng: Tư bổ can thận.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can thận âm hư, biểu hiện đầu đau, choáng vầng, lưng đau gối mỏi.

269. Phúc phương thủ ô hoàn

Bài thuốc:

Chế Hà thủ ô:	30g,	Vừng đen:	30g,
Đan sâm:	30g,	Cát căn:	30g,
Cẩu kỷ tử:	15g,	Nữ trinh tử:	15g,
Hy thiêm thảo:	15g,	Thỏ ti tử:	15g.

Ngưu tất: 15g, Quả dâu: 15g,
Cúc hoa: 15g.

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Tư bổ can thận.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can thận âm hư, biểu hiện đầu vầng, tai ù, mắt nhìn mờ, lưng đau gối mỏi.

Ghi chú: Bài này chữa cao huyết áp thời kỳ 2.

270. Bình can ích thận thang

Bài thuốc:

Hoàng tinh: 15g,	Nữ trinh tử: 15g,
Cát căn: 15g,	Đan sâm: 15g,
Cẩu kỷ tử: 12g,	Xuyên tặc đoạn: 12g,
Hoàng bá: 12g,	Chế hà thủ ô: 10g,
Đương quy: 10g,	Tang ký sinh: 30g.

Cách dùng: Sắc nước hai lần, uống ấm sáng và tối.

Công dụng: Tư can bổ thận.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can thận âm hư, biểu hiện đầu vầng tai ù, đầu não trống rỗng, mất ngủ mơ nhiều, hai mắt khô ráo, họng khô miệng táo, lưng đau, gối mỏi.

Ghi chú: Bài này chữa bệnh cao huyết áp thời kỳ 2.

271. Dục âm tiềm dương tức phong thang

Bài thuốc:

Sinh địa: 20g,	Bạch thược: 15g,
Cẩu kỷ tử: 15g,	Câu đằng: 15g,
Thạch quyết minh: 30g,	Ngưu tất: 20g,
Mẫu đơn bì: 12g,	Linh dương giác: 5g.

Miết giáp, Quy bản, A giao đều 15g,

Long cốt: 30g, Mẫu lệ: 30g.

Cách dùng: Đem A giao nướng lên, cho Thạch quyết minh, Miết giáp, Quy bản, Long cốt, Mẫu lệ sắc nước trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào, Câu đằng cho vào cuối cùng, sắc hai lần nước, hoà chung hai lần nước thuốc với nhau, cho A giao vào khuấy đều, uống sáng và tối, mỗi ngày một thang.

Công dụng: Nuôi âm tiềm dương, bình can trừ phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can thận âm hư, dương kháng hoá phong, biểu hiện đầu đau choáng váng, gân cơ thịt rút, tay chân tê.

272. Đạn khung câu đằng thang

Bài thuốc:

Mẫu đơn bì:	60-80g,	Tang ký sinh:	20g,
Câu đằng:	30g,	Cẩu kỷ tử:	15g,
Sa uyển tật lệ	12g,	Thục địa:	15g,
Miết giáp:	20g.		

Xuyên khung, Huyền sâm, Ngưu tất, Đan sâm, Xích thược, Long cốt đều 25g,

Cách dùng: Cho nước vào đun Long cốt, Miết giáp trước 30 phút sau đó cho các vị thuốc khác vào, Câu đằng cho vào cuối cùng, sắc 2 lần nước, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Tư bổ can thận, mát huyết hoá ứ.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can thận âm hư, huyết nhiệt ứ trệ, biểu hiện đầu đau váng, lưng đau gối mỏi, tai ù, chân tay tê dại.

273. Hạ địa nhị đan thang

Bài thuốc:

Hạ khô thảo:	50g,	Địa long:	20g,
Hoàng cầm:	18g,	Cúc hoa:	15g,
Mẫu đơn:	12g,	Đan sâm:	24g,
Thiên ma:	14g,	Câu đằng:	21g,
Cẩu kỷ tử:	18g,	Trạch Tả:	30g,
Xuyên khung:	3g,	Cam thảo:	2g.

Cách dùng: Ngoài Câu đằng ra, các vị thuốc cho vào sắc nước 20 phút, sau đó cho Câu đằng vào sắc tiếp 10 phút, chắt nước thuốc ra, lại sắc tiếp lần thứ 2, hoà chung hai lần nước thuốc uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Tư bổ can thận, mát huyết hoá ứ.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can thận âm hư, huyết nhiệt ứ trệ, biểu hiện đầu vầng mắt hoa, tai ù, lưng đau gối mỏi, lưỡi sạm, mạch huyền sáp.

274. Thất tử thang

Bài thuốc:

Quyết minh tử:	24g,	Câu kỷ tử:	12g,
Thỏ ti tử:	12g,	Nữ trinh tử:	15g,
Kim anh tử:	9g,	Sa uyển tử:	12g,
Quả dâu:	12g,		

Cách dùng: Mỗi ngày một thang, sắc nước uống.

Công dụng: Tư bổ can thận, hạ áp, khởi phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can thận âm hư, biểu hiện, đầu sưng đau, lưng đau, gối mỏi, mất ngủ mơ nhiều, trong lòng phiền muộn, lưỡi hồng.

275. Quyết ma giáng áp thang

Bài thuốc:

Sinh thạch quyết minh:	30g,	La bố ma điệp:	30g
Hy thiêm thảo:	30g,	Bạch thược:	10g,
Ích mẫu thảo:	10g,	Phòng kỳ:	10g,
Tang ký sinh:	15g,	Dan sâm:	15g,
Sinh địa:	15g,	Huyền sâm:	15g,
Mạch môn:	12g,	Thạch hộc:	12g.

Cách dùng: Cho Thạch quyết minh vào sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào. Sắc hai lần nước, uống sáng và tối mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: bình can tiềm dương tư âm giáng hỏa.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can thận âm hư, âm hư hoa vương, biểu hiện đầu đau vầng vát, mặt đỏ, mắt đỏ, tai u, họng khô, lưng đau, gối mỏi.

Ghi chú: Theo thông báo bài thuốc này chữa 103 ca cao huyết áp, hiệu quả rõ rệt 44 ca, đạt hiệu quả 52 ca.

276. Tang quyết hợp tể

Bài thuốc: Tang ký sinh: 60g, Quyết minh tử: 50g.

Cách dùng: Sắc nước sôi 20 phút, sắc 2 lần lấy chung 150ml, hoà chung hai lần nước thuốc, sáng tối uống mỗi lần 75ml, 30 ngày là một đợt điều trị.

Công dụng: Bình can giáng áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can thận âm hư, biểu hiện đầu vầng, lưng đau gối mỏi, tai u, buồn nôn.

Ghi chú: Theo thông báo dùng bài thuốc này chữa 65 ca cao huyết áp nguyên phát, hiệu quả đạt 43,8%, 140

thời gian uống thuốc không dùng thuốc tây, không ăn chất béo, không ăn thủ và lòng ruột lợn.

277. Gia vị nhị tiên thang số 3

Bài thuốc:

Đương quy:	15g,	Bạch thược:	15g,
Dâm dương hoắc:	15g,	Tiên mao:	15g,
Cẩu kỷ tử:	15g,	Trân châu mẫu:	20g,
Đan sâm:	20g,	Hà thủ ô:	15g,
Sinh địa:	12g,	Nữ trinh tử:	15g,
Hạn liên thảo:	15g,	Ngũ vị tử:	6g.

Cách dùng: Cho Trân châu mẫu sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào, sắc 2 lần, uống sáng tối, mỗi ngày một thang.

Công dụng: Bổ can thận.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can thận âm hư, biểu hiện đầu vầng mắt hoa, hay quên mất ngủ, tai ù như ve kêu, họng khô miệng háo, lưng đau gối mỏi, trong lòng buồn bực mà đỏ ra mồ hôi trộm, kinh nguyệt ít.

Ghi chú: Bài thuốc này chữa bệnh cao huyết áp của nữ giới.

278. Nhị đẳng thang

Bài thuốc:

Huyền sâm:	15g,	Câu đằng:	15g,
Hạ khô thảo:	15g,	Địa long:	9g,
Dạ giao đằng:	15g,	Sao táo nhân:	9g,

Cách dùng: cho nước 300ml, sắc còn 150ml, một ngày 3 lần uống, mỗi tuần uống 3 -5 thang, một tháng là một đợt điều trị.

Công dụng: Bổ âm, bình can, an thần.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can thận âm hư, can dương thượng kháng, tâm mất sự điều dưỡng, biểu hiện đầu đau vầng, tâm phiền mất ngủ, nhìn mờ.

279. Giáng áp số 3

Bài thuốc:

Đại sinh địa:	15g,	Kim tước căn:	15g,
Đương quy:	10g,	Ngưu tất:	10g,
Tiên thiên đằng:	10g,	Câu kỷ tử:	10g,
Dâm dương hoắc:	10g,	Đỗ trọng:	12g,
Câu đằng:	12g,	Linh từ thạch:	30g,
Hoàng bá:	5g,	Hải táo:	10g.

Cách dùng: Cho Từ thạch vào nước sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào, Câu đằng cho vào sau cùng, sắc 2 lần nước, hoà chung nước thuốc với nhau, uống ấm sáng và tối.

Công dụng: Tư bổ, can thận, bình can, tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can thận âm hư, biểu hiện đầu vầng đau, mắt khô nhìn mờ, tai ù, lao động thì mặt đỏ thừng hoả, tinh thần mệt mỏi, lưng đau gối mỏi, tay tê chân lạnh.

280. Bình can giáng áp thang

Bài thuốc:

Sinh long cốt:	30g,	Sinh mẫu lệ:	30g,
Thạch quyết minh:	30g,	Hoàng cầm:	10g,
Sơn chi:	10g,	Sơn tra:	10g,
Ngưu tất:	15g,	Câu đằng:	15g,
Hạ khô thảo:	15g,	Cúc hoa:	15g,

Lộc hàm thảo: 15g, Đan sâm: 15g,
Trạch tả: 12g.

Cách dùng: Cho Long cốt, Mẫu lệ, Thạch quyết minh vào nước sắc trước 30 phút, lại cho các vị thuốc khác vào sắc sôi 20 phút, sắc 2 lần nước, hoà chung 2 lần nước thuốc, uống ấm lúc sáng và tối.

Công dụng: Bình can tiềm dương hạ áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can thận âm hư, can dương thượng kháng, biểu hiện đầu vầng đau, mặt hồng mắt đỏ, buồn bực dễ giận.

281. Nhị chí quy bản thang

Bài thuốc:

Liên tu:	12g,	Tang thâm (quả dâu):	12g,
Nữ trinh tử:	12g,	Hạt liên thảo:	12g,
Sơn dược:	15g,	Quy bản:	30g,
Sinh mẫu lệ:	30g,	Ngưu tất:	15g.

Cách dùng: Cho sắc trước Quy bản và Mẫu lệ 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào sắc tiếp, sắc 2 lần nước rồi hoà chung với nhau, uống sáng và tối mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Bổ thận dưỡng can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can thận âm hư, biểu hiện lưng đau gối mỏi, đầu vầng tai ù, mặt đỏ sốt cao, di tinh.

282. Nhu can thang

Bài thuốc:

Quả dâu:	15g,	Thục địa:	20g,
Hà thủ ô:	15g,	Bạch thược:	15g,
Thái tử sâm:	20g,	Cẩu kỷ tử:	12g,
Ngọc trúc:	15g,	Bá tử nhân:	12g,
Quy bản:	15g.		

Cách dùng: Cho Quy bản đun sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào, đun sôi 20 phút thì chắt nước ra sắc lần thứ hai, lấy tất cả 150ml, chia 2 lần uống, mỗi ngày 1 thang.

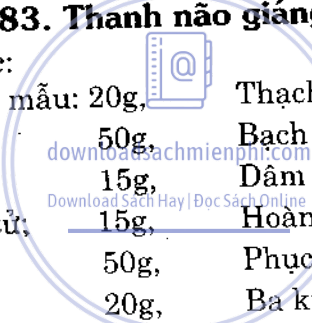
Công dụng: Bổ thận, mềm can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can thận âm hư, biểu hiện đầu vầng, mắt hoa, tai ù, tim hồi hộp, không ngủ được, lưng đau, gối mỏi.

Ghi chú: Quy bản trong bài thuốc này có thể đun sắc nhiều lần, vì vậy sau khi dùng mỗi thang thuốc có thể gắp Quy bản ra cho vào thang thuốc sau.

283. Thanh não giáng áp thang

Bài thuốc:



Trân châu mẫu: 20g,	Thạch quyết minh: 25g,
Hà thủ ô: 50g,	Bạch cúc hoa: 15g,
Câu đằng: 15g,	Dâm dương hoắc: 15g,
Kim anh tử: 15g,	Hoàng kỳ: 20g,
Thục địa: 50g,	Phục linh: 20g,
Đỗ trọng: 20g,	Ba kích: 15g.

Cách dùng: Cho Trân châu mẫu và Thạch quyết minh vào sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào, Câu đằng cho vào sau cùng, sắc 2 lần nước rồi hoà chung với nhau, chia uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Dưỡng âm tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can thận âm hư, biểu hiện đầu đau vầng, tai ù mắt hoa, miệng tác hợm khô, tâm phiền mất ngủ, lưng đau gối mỏi.

284. Thung dung nhị chí thang

Bài thuốc:

Nhục thung dung:	12g,	Nữ trinh tử:	15g,
Hạn liên thảo:	15g,	Quả dâu:	12g
Hà thủ ô:	20g,	A giao:	12g,
Lộc giác giao:	15g,	Thỏ ti tử:	15g,
Đỗ trọng:	12g,	Tiên mao:	15g,
Dâm dương hoắc:	10g,	Toả dương:	15g,
Ba kích:	15g.		

Cách dùng: A giao và Lộc giác giao đun chảy và sẽ dùng. Cho các vị thuốc vào sắc, sắc 2 lần nước, hoà đều và cho A giao và Lộc giác giao vào khuấy đều, uống lúc thuốc còn ấm vào sáng, trưa và tối, trước khi uống phải khuấy lên để chất thuốc không lắng xuống.

Công dụng: Bổ ích can thận, điều hoà mạch xung nhâm.

Chữa chứng bệnh: Do huyết áp can thận suy tổn, mạch xung nhâm không điều hoà, lưng đau gối mỏi, kinh nguyệt không đều.

Ghi chú: Bài thuốc này thường dùng cho bệnh nhân nữ bị cao huyết áp.

285. Thanh tả dưỡng âm thang (tên tự đặt)

Bài thuốc:

Hoài sơn:	10g,	Đan bì:	10g,
Cúc hoa:	10g,	Thiên ma:	10g,
Cẩu kỷ tử:	12g,	Sơn thù:	12g,
Đương quy:	12g,	Thục địa:	20g,
Long đởm thảo:	10g,	Hoàng cầm:	10g,

Sơn chi: 10g, Chế đại hoàng: 10g.
Phục linh: 30g, Câu đằng: 20g
Trạch tả: 12g, Sinh thạch quyết minh: 30g.

Cách dùng: Cho Thạch quyết minh đun sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào, Câu đằng cho vào sau cùng, sắc 2 lần nước, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Tư âm tiềm dương, thanh can tả hỏa.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can thận âm hư, can dương hoá hỏa, biểu hiện đầu vầng mắt hoa, miệng khô đắng buồn bực dễ giận.

286. Song giáng thang

Bài thuốc:

Hoàng tinh: 20g, Hà thủ ô: 20g,
Sơn tra: 25g, Cúc hoa: 10g,
Thảo quyết minh: 15g, Đan sâm: 15g,
Tang ký sinh: 20g, Hy thiêm thảo: 15g,
Trạch tả: 20g.

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang, sắc 2 lần nước, uống sáng và tối.

Công dụng: Bổ gan chắc thận, bình can khử thấp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can thận âm hư, đờm ứ trở trệ, biểu hiện đầu đau vầng, tay chân tê dại, lưng đau gối mỏi.

287. Dưỡng huyết điều xung thang

Bài thuốc:

Xuyên tạo đoạn: 15g, Dâm dương hoắc: 10g,
Sinh đại giả thạch: 20g, Câu đằng: 15g,

Bạch thược:	10g,	Cúc hoa:	10g
Sinh địa:	10g,	Xuyên khung:	10g
Thạch xương bồ:	10g,	Cẩu kỷ tử:	20g
Hạ khô thảo:	15g,	Viễn chí:	10g

Cách dùng: Cho đại giả thạch sắc trước 30 phút, cho các vị thuốc vào sắc tiếp 20 phút, mỗi thang sắc 2 lần, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Bổ huyết dưỡng can, điều hoà mạch xung nhâm.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can thận hư, mạch xung nhâm không điều hoà, biểu hiện tâm phiền mất ngủ, hay quên, đầu đau, choáng váng, miệng đắng họng khô, lưỡi hồng rêu ít, mạch huyền tế.

Ghi chú: Bài thuốc này hợp với người ở tuổi già bị cao huyết áp.

288. Hạ khô mao căn thang

Bài thuốc: Hạ khô thảo: 50g, Bạch mao căn: 25g, Thiên ma: 5g.

Cách dùng: Nghiền Thiên ma thành bột, sắc 2 vị thuốc nói trên lấy nước, sắc 2 lần và hoà chung nước thuốc với nhau rồi uống nước thuốc với bột Thiên ma, ngày 3 lần sáng, trưa, tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Bình can tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện váng đầu, đau đầu, mặt đỏ, tai ù.

289. Trọng đẳng thang

Bài thuốc:

Đỗ trọng:	25g,	Hạ khô thảo:	25g,
Ngưu tất:	15g,	Rau cần:	150g
Cá trạch:	50g.		

Cách dùng: Sắc thuốc 2 lần nước, uống sáng và tối, mỗi ngày một thang.

Công dụng: Bình can hạ áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đau đầu, mắt hoa, tai ù, lưng đau, gối mỏi.

290. Trạch địa câu đẳng tán

Bài thuốc:

Sinh địa:	120g,	Mẫu lệ:	70g,
Tử thảo:	50g,	Trần bì:	30g.
Bạch giới:	60g,	Câu đẳng:	50g,
Ngưu tất:	50g,	Trạch tả:	100g,

Vương bất lưu hành: 50g.

Cách dùng: Nghiền thành bột rây thật mịn, uống 3 lần trong ngày, mỗi lần 5g với nước trắng, 1 tháng là một đợt điều trị.

Công dụng: Tư âm, tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can thận âm hư, can dương thượng kháng, biểu hiện đầu vầng mắt hoa tai ù, mặt đỏ, lưng đau, gối mỏi.

291. Phúc phương giáng áp ẩm

Bài thuốc:

Cúc hoa:	12g,	Lá dâu:	15g,
Bạch tật lệ:	15g,	Thanh sương tử:	15g,
Hạ khô thảo:	15g,	Thanh mộc hương:	15g,
Quảng địa long:	15g,	Quyết minh tử:	15g

Xuyên ngư tất: 15g, Tang ký sinh: 15g,
Long cốt: 20g, Mẫu lệ: 20g,
Trân châu mẫu: 20g.
Câu đằng: 18g (cho vào sau),

Cách dùng: Cho Long cốt, Mẫu lệ, Trân châu mẫu sắc trước 30 phút, sau đó cho các thuốc vào cùng sắc, sắc 2 lần nước, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Bình can tiềm dương trừ phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng hoá phong, biểu hiện đầu vầng đau, hai mắt nhìn lơ mơ, tai ù, tâm phiền, chân tay run, lưng đau gối mỏi.

292. Tang câu thang

Bài thuốc:

Quả dâu: 30g, Câu đằng: 30g, Mẫu lệ: 50g.

Cách dùng: Cho Mẫu lệ sắc trước 30 phút, sau đó cho Quả dâu vào sắc 15 phút, cuối cùng cho Câu đằng vào sắc sôi, chắt lấy nước của hai lần sắc thứ, hoà đều uống sáng và tối.

Công dụng: Bổ thận, bình can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu đau, vầng, tai ù hay quên, nội tâm phiền nhiệt, lưỡi hồng rêu ít, mạch huyền tế.

293. Trạch tả mao thái ẩm

Bài thuốc: Rau lông lợn: 30g, Trạch tả: 50g.

Cách dùng: Sắc nước uống thường ngày.

Công dụng: Tư âm, lợi tiểu, tiết nhiệt.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu vầng mắt hoa, tai ù, hay quên, trong tâm phiền nhiệt lưng đau, nóng trong, miệng khô đắng, lưỡi hồng, rêu ít, mạch huyền.

294. Trạch trọng thang

Bài thuốc: Đỗ trọng: 15g, Trạch tả: 10g

Cách dùng: Sắc nước uống 2 lần, mỗi ngày 1 thang uống.

Công dụng: Bổ thận lợi tiểu. Chữa bệnh cao huyết áp loại thận tinh hư suy can thương kháng, biểu hiện choáng váng, đầu đau, lưng đau, gối mỏi, tai ù, hay quên.

295. Nhị thái thang

Bài thuốc: Rau đăm: 30g; Rau cần: 60g.

Cách dùng: Sắc nước uống thường ngày.

Công dụng: Tư âm, tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu vầng, mắt hoa, tai ù, lưng đau, nóng trong, miệng khô đắng, lưỡi hồng rêu vàng, mạch huyền.

296. Thủ ô câu đằng ẩm

Bài thuốc: Hà thủ ô chế: 30g, Câu đằng: 20g.

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Dưỡng âm tiềm dương trừ phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu vầng tai ù, mất ngủ, mơ nhiều, hay quên, chân tay tê dại.

Ghi chú: Bài thuốc này dùng cho người già cao huyết áp.

297. Trà Ma tra

Bài thuốc:

La bố ma điệp: 6g, Sơn tra: 15g, Ngũ vị: 25g.

Cách dùng: Pha nước nóng như pha trà, cho ít đường phèn uống.

Công dụng: Bổ thận, bình can, hoá ứ thông lạc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, huyết ứ uất trệ, đầu vầng mắt hoa, lưng đau, gối mỏi, chân tay tê dại, lưỡi sạm, mạch huyền sáp.

Ghi chú: Người béo uống thì không cần cho đường.

298. Chiết bì bột tề ẩm

Bài thuốc: Sữa: 50g, Bột tề: 100g (mã thầy).

Cách dùng: Củ Mã thầy bóc vỏ thái lát, cho nấu cùng sữa, mỗi ngày 1 thang, uống 2 lần.

Công dụng: Tư âm bình can tả nhiệt.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu đần, choáng vầng, miệng đắng, trong lòng phiền nhiệt, lưỡi hồng, rêu mỏng, mạch huyền sáp.

299. Khô thảo quyết minh thang

Bài thuốc:

Hạ khô thảo: 10g, Cúc hoa: 10g,

Quyết minh: 15g, Câu đằng: 15g.

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Bổ thận, thanh can, trừ phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu vầng, tai ù, hay quên, lưng gối

mỏi, trong lòng phiền nhiệt, hồi hộp, mất ngủ, rêu mỏng, mạch huyền tế.

300. Cháo tiên nhân

Bài thuốc: Hà thủ ô chế: 30 - 50g, Gạo tẻ: 100g, Hồng táo: 3 - 5 quả, đường một ít.

Cách dùng: Đun sắc Hà thủ ô chế lấy nước đặc, bỏ bã, cho gạo tẻ, táo và nước thuốc vào nồi nấu thành cháo, khi chín nửa chừng cho đường đổ hoặc đường phèn vào. Cho sôi 1 - 2 lần là được.

Công dụng: Bổ khí huyết, ích can thận.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can thận âm hư, biểu hiện đầu vầng, tai ù, lưng gối mỏi, đại tiện khô táo, mạch huyền tế, lưỡi hồng ít rêu.

301. Cháo nước đậu

Bài thuốc: Nước đậu: 500ml, Gạo tẻ: 50g.

Cách dùng: Cho 2 thứ vào nồi nấu thành cháo, cho vào ít đường và muối, ăn nóng vào bữa ăn sáng và tối, nấu ngay ăn ngay không để cách đêm.

Công dụng: Tư bổ can thận.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can thận âm hư, biểu hiện đau đầu, đầu vầng mắt hoa, lưng gối mỏi, tai ù, hay quên, đi bộ không vững, lưỡi hồng rêu mỏng, mạch huyền tế.

302. Hắc táo thủy cân ẩm

Bài thuốc: Rau cần: 500g, Táo đen: 250g (bỏ hạt).

Cách dùng: Nấu chín thì ăn.

Công dụng: Dục âm, tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, đầu vầng đau, tai ù.

303. Mộc nhĩ giáng áp ảm

Bài thuốc: Mộc nhĩ trắng: 15g, Mộc nhĩ đen: 15g.

Cách dùng: Ngâm mộc nhĩ vào nước một đêm, cho ít đường, nấu từ 1-2 giờ, uống trước khi ngủ.

Công dụng: Bổ dưỡng can thận.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can thận âm hư dương kháng, biểu hiện đầu choáng vầng, tai ù, lưng buốt, mất sức.

304. Cúc hoa ô long trà

Bài thuốc: Cúc hoa: 10g, Ô long trà: 3g.

Cách dùng: Pha trà khi nước thật sôi rồi uống.

Công dụng: Thanh can tả nhiệt, bổ âm.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu vầng, miệng đắng, tai ù, mất ngủ, tâm phiền.

305. Phát Thái tán

Bài thuốc: Rau phát: 15g, Vỏ trứng: 1 quả.

Cách dùng: Luộc rau trước chừng 5 phút, sau cho rau vào trong vỏ trứng, luộc tiếp mấy phút nữa, cho gia vị rồi ăn, mỗi ngày 1 lần.

Công dụng: Bổ âm, thanh nhiệt.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu vầng, tai ù, miệng đắng, khô táo.

306. Mạch đông sao cần trúc

Bài thuốc:

Mạch môn đông: 10g, Rau cần: 150g, Măng tre: 150g.

Cách dùng: Nấu nước mạch môn đông, sau đó rau cần và măng cho vào cùng nấu chín, cho muối, mì chính là ăn được, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Bổ âm thanh nhiệt, hạ áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, đầu đau vầng vát, tâm phiền, mất ngủ.

307. Rượu nảo đỉnh tu

Bài thuốc:

Nảo đỉnh tu: 100g, Thiên ma: 90g

Đỗ trọng: 50g, Rượu trắng: 500ml

Cách dùng: Rửa sạch thuốc, thái lát, cho vào trong bình rượu và đổ rượu vào, đậy kín, ngâm 7- 15 ngày là được, mỗi lần uống từ 10 - 50ml, không được dùng quá liều lượng.

Công dụng: Bình can khử phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu vầng đau, lưng gối mỏi.

308. Ngâm nhĩ câu đằng ẩm

Bài thuốc: Ngâm nhĩ: 10g, Câu đằng: 9g.

Cách dùng: Sắc nước uống, cho vào ít đường, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Dưỡng âm bình can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm dương kháng, biểu hiện đầu vầng, tai ù, mắt mắt sưng đau, mất ngủ, mơ nhiều, đầu nặng chân nhẹ, lưỡi hồng ít nước bọt, mạch huyền hoặc huyền tế sắc.

309. Cháo thủ ô hồng táo

Bài thuốc: Hà thủ ô: 50g, Gạo tẻ: 100g, Đại táo: 3 quả, Đường phèn một ít.

Cách dùng: Đun sắc hà thủ ô lấy nước đặc, bỏ bã, cho gạo tẻ, đại táo vào, cho vào ít đường nấu thành cháo, uống sáng và tối.

Công dụng: Bổ can dưỡng thận.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện choáng váng, tai ù, đầu mắt sưng đau, lưng đau gối mỏi, mất ngủ hay quên, miệng khô họng táo, đầu nặng chân nhẹ, lưỡi hồng, rêu ít, mạch huyền tế.

310. Hải đới giáng áp tán

Bài thuốc: Hải đới (rau câu) lượng vừa phải.

Cách dùng: Rau câu phơi khô tán nhỏ, ngày uống 3 lần, mỗi lần 3-4g, uống liên 1 - 3 tháng.

Công dụng: Tiết nhiệt bình can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can hoà vượng, đầu váng mắt hoa, miệng đắng.

311. Chi ma đan thanh ẩm

Bài thuốc:

Vừng: 30g, Dấm: 30g,

Mật ong: 30g, Lòng trắng trứng gà ri: 1 quả.

Cách dùng: Cho 4 vị quấy đều, ngày uống 3 lần, 2 ngày uống hết.

Công dụng: Bồi bổ can thận.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can thận âm hư, biểu hiện choáng váng, tai ù, lưng đau gối mỏi, họng khô, mất ngủ.

312. Hải sâm ẩm

Bài thuốc:

Hải sâm: 30g, Đường phèn lượng vừa phải.

Cách dùng: Cho đun hải sâm chín nhừ, sau đó cho đường vào, đường tan là được, uống trước khi ăn sáng, mỗi ngày 1 lần.

Công dụng: Tiết nhiệt dưỡng âm bình can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, biểu hiện đầu sưng đau, mắt hoa tai ù, chân tay tê dại.

313. Cháo rau đăm vỏ trứng.

Bài thuốc: Rau đăm: 30g, Vỏ trứng: 1 cái, gạo, muối, mì chính lượng vừa đủ.

Cách dùng: Cho 3 vị trên nấu thành cháo, cháo chín, cho muối, mì chính vào thì ăn được.

Công dụng: Bổ âm, thanh nhiệt, bình can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, đầu vầng, tai ù, buồn bực, mất ngủ, mơ nhiều.

314. Thiên ma trừ não tủy ẩm

Bài thuốc: Thiên ma: 10g, óc lợn: 1 cái.

Cách dùng: Rửa sạch óc lợn, bỏ cùng thiên ma vào nồi đun chín rồi ăn, mỗi ngày hoặc cách một ngày ăn một lần, 3 - 4 lần là thấy hiệu quả.

Công dụng: Thêm tinh, bổ âm, tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, đầu vầng mắt hoa, tai ù, hay quên, lưng đau gối mỏi.

315. Tảo đậu thang

Bài thuốc:

Côn bố: 30g, Hải tảo: 30g, Đậu nành: 150- 200g.

Công dụng: Tư âm tả hỏa bình can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, đầu mắt sưng đau, choáng váng, tai ù, bực tức dễ giận, mất ngủ hay mơ, lưỡi hồng ít nước bọt, mạch huyền.

Ghi chú: Người tỳ vị hư hàn không được dùng.

316. Bánh mộc nhĩ đen.

Bài thuốc:

Mộc nhĩ đen: 5g, Mút hồng 50g, Đường phèn một ít.

Cách dùng: Đun nhỏ lửa, cho ít đường chín uống 2 lần, ngày 1 thang.

Cách dùng: Dem mộc nhĩ đen, mút hồng, đường phèn nấu thành bánh ngọt ăn dần.

Công dụng: Thanh nhiệt, nhuận táo.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư nội nhiệt, đầu váng mắt hoa, họng khô lưỡi táo, đại tiện táo bón.

Ghi chú: Lượng nói trên ăn trong 1 ngày, người già cao huyết áp ăn lâu sẽ có hiệu quả.

317. Cát căn tây dương thái mật táo thang

Bài thuốc: Cát căn: 50g, Rau cần tây: 250g, Táo ngọt: 6 quả.

Cách dùng: Cho cả 3 vị đun sắc bằng lửa nhỏ, uống nước và ăn rau.

Công dụng: Bổ âm bình can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, đầu vầng và đau, mắt hoa, ăn kém.

318. Giáng áp bách linh đơn.

Bài thuốc:

Dại hoàng:	8g,	Hoàng cầm:	10g,
Hoàng liên:	9g,	Sinh địa:	20g,
Trạch tả:	12g,	Mẫu đơn:	10g,
Phục linh:	12g,	Con địa:	9g,
Địa long:	10g,	Rắn nước:	8g.

Cách dùng: Cho 6 vị thuốc sắc nước đặc để nguội phơi khô sau đó nghiền thành bột cùng với các loại giun, địa, rắn, cho vào viên nang mỗi viên 0,5g, ngày uống 3 lần, mỗi lần 2 - 5 viên, uống liền 3 tháng.

Công dụng: Tả hỏa, dưỡng âm.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư hỏa vượng, đầu vầng và đau, mắt hoa, miệng khô, mất ngủ.

Ghi chú: Khi uống thuốc này thì ngừng dùng các thuốc khác.

319. Ngọc lan ngư hoàn

Bài thuốc: Thịt cá sống: 200g, Hoa ngọc lan: 15 cái, Trứng gà: 5 quả, mì chính, rượu, dầu, muối.

Cách dùng: Dầm nát thịt cá, xé cánh hoa ngọc lan thành sợi, bỏ lẫn vào nhau giã nhuyễn, lấy lòng trắng 5 quả trứng gà, dùng đũa quấy đều, rồi cho mì chính, dầu thơm, rượu, muối vào lòng trắng trứng. Sau đó viên cá và hoa thành viên tròn bỏ vào lòng

trắng trứng, rồi vớt ra để trong đĩa, rồi lại bọc cánh hoa quanh viên cá, cho vào nồi hấp chín là được.

Công dụng: Dưỡng âm bình can khử phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại hư hỏa thượng viêm, đầu vàng và đau, mặt nóng đỏ, miệng khô, tai ù.

320. Gia vị nhị tiên thang số 3

Bài thuốc:

Dương quy:	15g,	Bạch thược:	15g,
Dâm dương hoắc:	15g,	Tiên ma:	15g,
Cẩu kỷ tử:	15g,	Trân châu mẫu:	20g,
Đan sâm:	20g,	Thiên ma:	10g,
Câu đằng:	10g,	Đỗ trọng:	15g,
Sung uy tử:	12g.		

Cách dùng: Cho Trân châu mẫu sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào, câu đằng cho vào sau cùng, sắc 2 lần nước, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Tư âm, tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, đầu vàng tai ù, đầu sưng đau, mặt hồng, mắt đỏ, bực tức, dễ giận, hay quên, hồi hộp, lưng đau, gối mỏi.

Ghi chú: Bài này thường dùng cho nữ giới cao huyết áp.

321. Giáng áp thang số 2

Bài thuốc:

Tang ký sinh:	30g,	Trân châu mẫu:	30g,
Bạch thược:	20g,	Hạ khô thảo:	15g,
Hồng hoa:	9g,	Táo nhân:	9g,

Địa long: 5g, Quy bản: 20g,
Miết giáp: 20g.

Cách dùng: Quy bản bọc vải, cùng Trân châu mẫu, miết giáp cho đun sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào, sắc 2 lần nước hoà chung với nhau, uống sáng và tối. Quy bản lấy từ bã thuốc ra lại cho đun tiếp với thang thuốc sau, dùng mấy lần mới bỏ.

Công dụng: Bổ âm tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, đầu đau vầng, tai ù, lưng đau, gối mỏi, trong lòng phiền nhiệt.

Ghi chú: Theo thông báo dùng bài thuốc này chữa cao huyết áp loại âm hư dương kháng đạt hiệu quả 96,8%.

322. Gia vị ích âm tiềm dương thang

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài thuốc:

Huyền sâm:	12g,	Mạch môn:	9g,
Ngưu tất:	9g,	Phục linh:	9g,
Câu đằng:	9g,	Cúc hoa:	9g,
Thiên thoái:	6g,	Đại giả thạch:	15g,
Sinh long cốt:	15g,	Sinh mẫu lệ:	15g,
Sao viên chí:	5g.		

Cách dùng: Cho Đại giả thạch, Long cốt, Mẫu lệ sắc trước 30 phút rồi cho các vị thuốc khác vào, câu đằng cho vào sau cùng, sắc 2 lần nước, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: bình can tiềm dương.

160

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, đầu vầng, đau nhức, tai ù, tâm phiền, miệng khô.

323. Toan diêm giáng áp âm

Bài thuốc: Đường phèn: 500g, Dấm ăn: 500g.

Cách dùng: Cho đường phèn vào dấm đun lên, đến khi đường tàn hết là được, ngày uống 3 lần sau bữa ăn, mỗi lần 10ml.

Công dụng: Tư âm bình can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, đầu vầng mắt hoa, tai ù, bực tức, mơ nhiều, miệng khô.

324. Ngọc tế trà

Bài thuốc:

Bột tể: 10cái, Hải tể: 25g, Râu ngô: 25g.

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Bổ âm, tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, đầu vầng, tai ù, ngực tức, miệng đắng, họng khát.

B. THUỐC DÙNG NGOÀI

325. Bài thuốc rửa chân Kỳ Quy

Bài thuốc:

Sinh hoàng kỳ:	30g,	Mẫu đơn bì:	15g,
Ngưu tất:	20g,	Đương quy:	15g,
Chỉ xác:	15g,	Sinh thạch quyết minh:	30g,
Ô dước:	20g,	Tang bạch bì:	30g,

Đan sâm:	20g,	Bạch thược:	30g,
Sinh địa:	20g,	Độc hoạt:	15g,
Sinh từ thạch:	15g,	Sinh mẫu lệ:	10g,
Giấy hà thủ ô:	15g.		

Cách dùng: Cho thuốc vào đun sắc 30 phút, bắc ra cho nhiệt độ còn chừng 50°C cho hai chân vào ngâm 40 phút, mỗi thang ngâm 5 ngày, mỗi ngày ngâm chân 1 - 2 lần, 10 ngày là một đợt.

Công dụng: Bổ khí huyết, nuôi can thận, dưỡng âm tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, đầu đau, choáng váng, lưng đau gối mỏi, tai ù hay quên, hồi hộp, mất ngủ, trong lòng phiền nhiệt, lưỡi hồng rêu mỏng, mạch huyền tế.

326. Gối từ thạch

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Bài thuốc: Từ thạch lượng vừa phải.

Cách dùng: Tán nhỏ thành bột, cho vào giữa gối khi ngủ gối đầu.

Công dụng: Bổ âm tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, đầu vầng mắt hoa, tai ù, mất ngủ, dễ kinh sợ.

327. Nước ký sinh tất đẳng

Bài thuốc:

Tang ký sinh:	10g,	Ngưu tất:	10g,
câu đằng:	30g,	Sung úy tử:	10g,
Lá dâu:	10g,	Cành dâu:	20g,
Phèn chua:	30g.		

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang, sắc 2 lần nước, lọc bã lấy nước, sáng và tối ngâm chân 30 phút (hâm nóng nước). Sau khi ngâm dùng ngón tay cái ấn xoa huyết Dũng tuyến 10 phút, một tháng là một đợt điều trị. Sau khi huyết áp ổn định thì 2 - 3 ngày ngâm chân 1 lần.

Công dụng: Bồi dưỡng can thận.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư dương kháng, đầu sưng đau, lưng đau gối mỏi, chân tay tê dại.

V. LOẠI ÂM DƯƠNG LƯƠNG HƯ

A. THUỐC LƯƠNG TRONG

328. Kỳ tinh phụ tử thang

Bài thuốc:

Đảng sâm	12g,	Hoàng kỳ:	20g,
Hoàng tinh:	12g,	Nhục thung dung:	12g,
Cẩu kỷ tử:	15g,	Phụ tử:	9g,
Đương quy:	9g,	Nhục quế:	6g.

Cách dùng: Mỗi ngày một thang, sắc 2 lần nước, uống sáng và tối.

Công dụng: Thêm âm tinh, bổ nguyên dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại nguyên khí hư suy, âm dương hư tổn, đầu vầng mắt hoa, ngực tức thở gấp, chân tay lạnh, hồi hộp hay quên, lưng đau gối mỏi, ít hơi, lưỡi nói.

329. Trọng địa thang

Bài thuốc: Đỗ trọng: 15g, Sinh địa: 15g.

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Bổ thận, dưỡng can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm dương lưỡng hư biểu hiện choáng váng, lưng đau, gối mỏi, tai ù, người và tay chân lạnh.

330. Ký sinh đồ huyền thang

Bài thuốc:

Tang ký sinh: 12g, Đồ trọng: 12g, Huyền sâm: 15g.

Cách dùng: Sắc nước uống.

Công dụng: Dưỡng âm bổ dương, tư bổ can thận.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm dương lưỡng hư, choáng váng, đầu đau, tai ù, hồi hộp, lưng đau gối mỏi, lưỡi hồng rêu trắng, mạch huyền tế.

331. Ngưu tất đồ trọng thang

Bài thuốc:

Thục địa: 20g, Huyền sâm: 15g,

Ngưu tất: 12g, Đồ trọng: 10 - 12g,

Ích trí nhân: 15g.

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày một thang.

Công dụng: Bổ âm trợ dương, bổ can thận.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm dương lưỡng hư, đầu váng mắt hoa, tai ù điếc, lưng gối nhức mỏi, tinh thần mệt mỏi, mất ngủ, mơ nhiều.

332. Cầm thảo chỉ huyền thang

Bài thuốc:

Hạ khô thảo: 15g, Bạch thược: 10g,

Sinh đồ trọng: 12g, Sinh hoàng cầm: 6g.

Cách dùng: Cho 3 vị thuốc trên vào 500ml nước, sắc 30 phút, sau đó cho Hoàng cầm vào sắc 10 phút là

dùng được, mỗi ngày 1 thang, mỗi thang sắc 2 lần, chia 3 lần uống.

Công dụng: Ôn thận bổ can, thanh tiết can nhiệt.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm dương lưỡng hư, đầu vầng đau, gối mỏi, tai ù, tim hồi hộp.

333. Dục âm trợ dương thang

Bài thuốc:

Ích mẫu thảo:	60g,	Tang ký sinh:	20g,
Đỗ trọng:	20g,	Cam thảo:	5g,
Hạ khô thảo:	12g,	Câu đằng:	20g,
Sinh bạch thực:	25g,	Sinh mẫu lệ:	30g,
Nữ trinh tử:	12g,	Thạch học:	15g,
Sinh địa:	15g,		

Cách dùng: Cho Mẫu lệ sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào tiếp tục sắc 15 phút, lọc lấy nước, lại cho nước sắc lần thứ 2, hoà chung 2 lần thuốc, chia 2 lần uống, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Dưỡng âm trợ dương, bổ can ích thận.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm dương lưỡng hư, biểu hiện đầu vầng và đau, tai ù, tim hồi hộp, cử động thì thở gấp, lưng đau, gối mỏi, gân co, thịt rút, lưỡi nhạt rêu trắng, mạch huyền tế.

334. Gia vị nhị tiên thang

Bài thuốc:

Tiên mao:	15g,	Dâm dương hoắc:	15g,
Ba kích:	10g,	Hoàng bá:	10g,
Tri mẫu:	10g,	Đương quy:	5g,
Sinh long cốt:	25g,	Mẫu lệ:	25g,

Cách dùng: Cho Sinh long cốt, Mẫu lệ sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào sắc tiếp 15 phút, lọc lấy nước, lại cho nước sắc tiếp lần 2, hoà chung 2 lần nước thuốc chia 2 lần uống, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Dưỡng âm trợ dương, bổ thận dưỡng can.

Chữa chứng bệnh: Phụ nữ tuổi về già bị cao huyết áp loại âm dương lưỡng hư, biểu hiện đầu vầng mắt hoa, tai ù, tai điếc, tim hồi hộp, mất ngủ, lưng đau gối mỏi, trong lòng phiền nhiệt, tinh thần mệt mỏi, lưỡi nhạt hoặc hồng, mạch huyền tế.

335. Nhị tiên thang

Bài thuốc:

Tiên mao:	10g,	Dâm dương hoắc:	10g,
Đương quy:	10g,	Hoàng bá:	10g,
Tri mẫu:	10g,	Ba kích nhục:	10g.

Cách dùng: Cho thuốc ngâm nước 20 phút, rồi đun sắc 20 phút, mỗi thang sắc 2 lần, hoà chung 2 lần nước thuốc, chia uống 2 lần, mỗi lần 1 thang.

Công dụng: Dưỡng âm trợ dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm dương lưỡng hư, đầu đau, choáng váng, tai ù, tim hồi hộp, hoạt động thì thở dốc, lưng đau, gối mỏi, mất ngủ, mơ nhiều, lưỡi nhạt hoặc hồng, rêu trắng, mạch huyền tế.

336. Phụ cầm thất vị hoàn

Bài thuốc

Chế phụ tử:	15g,	Thục địa:	30g,
Trạch tả:	20g,	Sơn thù:	12g,
Mẫu đơn:	10g,	Sơn dược:	20g,
Hoàng cầm:	15g.		

Cách dùng: Cho phụ tử sắc trước 15 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào tiếp tục đun sắc, lọc nước thuốc, sắc lần thứ 2, chia 2 lần uống, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Bổ âm, trợ dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm dương lưỡng hư, đầu đau, choáng váng, tai ù, tim hồi hộp, lưng đau gối mỏi, cử động thì thở dốc, mất ngủ mơ nhiều, tinh thần mệt mỏi, chân tay lạnh, đại tiện lỏng, đái đêm nhiều, lưỡi nhạt, mạch trầm tế.

337. Đan địa thung dung thang

Bài thuốc:

Đan bì:	10g,	Đan sâm:	15g,
Thục địa:	15g,	Nhục thung dung:	10g,
Sơn thù:	12g,	Ba kích:	15g,
Quế chi:	12g,	Sinh bạch thực:	15g,
Đương quy:	10g,	Ngưu tất:	10g,
Thạch quyết minh:	30g,	Thiên ma:	10g,
Xuyên khung:	10 - 20g.		

Cách dùng: Cho Thạch quyết minh sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào, sắc 2 lần

nước, hoà chung với nhau, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Bổ ích âm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm dương lưỡng hư, đầu đau, choáng váng, lưng đau gối mỏi, tay chân lạnh.

Ghi chú: Bài này chữa bệnh cao huyết áp ở thời kỳ 2, 3.

338. Chích thảo ôn dương thang

Bài thuốc:

Chích cam thảo: 3 - 10g, Đảng sâm: 10 - 12g,

Quế chi: 6 - 10g, Mạch môn: 10g,

Trân châu mẫu: 20 - 30g, Nữ trinh tử: 10 - 12g,

Câu kỷ tử: 10 - 12g, Sinh địa: 10-12g.

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang, sắc 2 lần nước, uống sáng và tối.

Công dụng: Dưỡng âm, ôn dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm dương lưỡng hư, lưng đau gối mỏi, đầu váng, mắt hoa, tai ù, chân tay lạnh, tim hồi hộp, hơi thở ngắn, di tinh.

339. Tang long thang

Bài thuốc:

Tang ký sinh: 30g, Hà thủ ô: 24g,

Xuyên khung: 9g, Dâm dương hoắc: 9g,

Râu ngô: 30g, Đỗ trọng: 9g,

Từ thạch: 30g, Sinh long cốt: 30g.

Cách dùng: Cho từ thạch, long cốt đun sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào, sắc 2 lần nước, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Ôn thận, bổ gan.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm dương lưỡng hư, đầu đau, choáng váng, người lạnh, lưng đau, gối mỏi.

340. Nữ trinh địa long thang

Bài thuốc:

Nữ trinh tử:	15g,	Hạn liên thảo:	15g,
Quả dâu:	18g,	Bạch thược:	18g,
Ngưu tất:	12g,	Câu đằng:	12g,
Sung úy tử:	12g,	Đỗ trọng:	12g,
Địa long:	10g,	Trân châu mẫu:	30g,
Dan sâm:	18g.		

Cách dùng: Cho các vị thuốc (trừ câu đằng) đun sắc 20 phút, sau đó cho Câu đằng cân bằng vào sắc sôi lên, chắt nước thuốc ra, lại đun sắc lần thứ 2, hoà chung 2 lần nước thuốc, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Điều hoà âm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm dương lưỡng hư, biểu hiện đầu đau váng, mắt hoa, mệt mỏi, lưng đau, gối mỏi, tay chân tê dại, kinh nguyệt không đều.

341. Song bổ thang

Bài thuốc:

Đương quy:	9g,	Tiên mao:	9g,
Dâm dương hoắc:	9g,	Sa uyển tử:	9g,
Hồng hoa:	9g,	Câu kỷ tử:	12g,
A giao:	12g,	Bắc sa sâm:	30g,
Sinh địa:	30g,	Thục địa:	30g,

Sao táo nhân:	30g,	Ngưu tất:	30g,
Tang ký sinh:	30g,	Sinh bạch thực:	30g,
Hà thủ ô:	30g,	Kê huyết đằng:	15g.

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang, sắc 2 lần nước, A giao nướng riêng cho vào nước thuốc đã đun xong, khuấy đều, chia 2 lần uống.

Công dụng: Tư bổ can thận, ích khí, dưỡng huyết, hoạt huyết khứ ú.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm dương lưỡng hư, đầu vầng và đau, mất ngủ, mơ nhiều, tai ù, tim hồi hộp, hơi thở ngắn, lưng đau mất sức, chân tay lạnh.

Ghi chú: Bài này chữa bệnh cao huyết áp thời kỳ 3.

342. Huyền sâm tiên linh thang

Bài thuốc:

Huyền sâm:	15g,	Sinh địa:	15g,
Mạch môn:	10g,	Bạch thực:	12g,
Hạ khô thảo:	15g,	Câu đằng:	15g,
Cúc hoa:	10g,	Trạch tả:	10g,
Sinh sơn tra:	10g,	Dâm dương hoắc:	15g,
Tiên mao:	10g,	Đan sâm:	15g,
Tang ký sinh:	15g,	Đỗ trọng:	15g.

Cách dùng: Cho thuốc vào nước sắc, Câu đằng cho vào sau, sắc 2 lần, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Tư âm ôn dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm dương lưỡng hư, đầu vầng đau, mất hoa, tai ù, lưng đau, gối mỏi, chân tay lạnh. Tim hồi hộp, mất ngủ, mơ nhiều, đái đêm nhiều lần.

343. Gia vị nhị tiên thang số 5

Bài thuốc:

Đương quy:	15g,	Bạch thược:	15g,
Dâm dương hoắc:	15g,	Tiên mao:	15g,
Câu kỷ tử:	15g,	Trân châu mẫu:	20g,
Đan sâm:	20g,	Sơn thù:	12g,
Sinh địa:	15g,	Long cốt:	30g,
Mẫu lệ:	30g,	Phụ tử:	6g,
Quế chi:	9g,	Phục linh:	10g.

Cách dùng: Cho Trân châu mẫu, Long cốt, Mẫu lệ đun sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào, sắc 2 lần nước, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Bổ âm và dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm dương lưỡng hư, đầu vầng, tai ù, đổ mồ hôi trộm, lưng đau, gối mỏi, hơi ngắn, thở dốc, tay chân lạnh.

344. Viên nang bổ thận tráng trọc

Bài thuốc:

Thục địa:	20g,	Sơn thù:	10g,
Sơn dược:	10g,	Trạch tả:	10g,
Phục linh:	10g,	Đan bì:	10g,
Linh dương giác:	10g,	Con đỉa:	10g,
Tử thạch:	20g,	Hạ khô thảo:	30g,
Lưu hoàng:	5g.		

Cách dùng: Nghiền thuốc thành bột mịn cho vào viên nang ngày uống 3 lần. Mỗi lần 4 viên

Công dụng: điều hoà âm dương, an thần khử phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm dương lưỡng hư, đầu vầng, mặt đỏ, đại tiện khô cứng, chân tay lạnh.

345. Phụ quế thù kích thang.

Bài thuốc:

Dan bì:	12g,	Trạch tả:	12g,
Chế phụ phiên:	12g,	Nhục quế:	12g,
Sơn thù:	12g,	Ba kích:	12g,
Bạch thược:	12g,	Đỗ trọng:	15g,
Thục địa:	15g,	Sơn dược:	20g.

Cách dùng: Sắc nước 2 lần, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Bồi âm và dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm dương lưỡng hư, biểu hiện sợ lạnh, tay chân lạnh, đầu đau vầng, lưng đau, gỏi mỏi.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

346. Địa hoàng sơn thù thang

Bài thuốc:

Thục địa:	15g,	Sơn thù:	12g,
Nhục thung dung:	10g,	Ba kích:	15g,
Quế chi:	12g,	Sinh bạch thược:	15g.
Mẫu đơn:	10g,	Dan sâm:	15g,
Xuyên khung:	10-20g,	Thạch quyết minh:	30g,
Thiên ma:	10g.		

Cách dùng: Cho Thạch quyết minh đun sắc trước 30 phút sau đó cho các vị thuốc khác vào, sắc 2 lần nước, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Bồi bổ âm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm dương lưỡng hư, biểu hiện đầu đau, choáng váng, mắt khô, lưng đau, gối mỏi, sợ lạnh, chân tay lạnh.

Ghi chú: Bài này chữa cao huyết áp nguyên phát thời kỳ 2, 3 kèm theo tim Thất trái dày. Uống thuốc nửa tháng, nghỉ 3 ngày lại uống tiếp, nửa năm là một đợt điều trị.

347. Ích thọ cao

Bài thuốc:

Đảng sâm:	30g,	Đan sâm:	120g
Đương quy:	60g,	Xích thước:	60g,
Bạch thước:	60g,	Câu kỷ tử:	60g,
Chế hà thủ ô:	60g,	Chế hoàng tinh:	50g,
Ba kích:	60g,	Đỗ trọng:	60g,
Sơn dược:	60g,	Sa nhân:	30g,
Hoàng liên:	30g,	Mộc hương:	30g,
Tục đoạn:	30g,	Vừng đen:	30g,
Hoàng kỳ:	60g,	Đào nhân:	60g,
Vẩy cá thu:	60g,	Bạch mao căn:	60g,
Táo nhân:	60g,	Sơn thù:	60g,
Bột tam thất:	30g	(cho vào sau),	
Cao quy bản:	30g,	(cho vào sau)	
Cao sừng hươu:	30g	(cho vào sau).	

Cách dùng: Ngoài Tam thất, Cao quy bản, Cao sừng hươu ra, các vị thuốc ngâm nước 30 phút, đun sắc 40 phút, sắc 2 lần, lấy nước thuốc 2 lần cô đặc, cho 2000g mật ong vào quấy thành cao, đang nóng cho bột tam thất, cao quy bản, cao sừng hươu vào quấy đều cho tan ra, mỗi lần uống 1 thìa, ngày uống 3 lần, sáng, trưa, tối.

Công dụng: Bổ ích tì thận, điều hoà khí huyết.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại tỳ thận đều suy khí huyết đều hư, biểu hiện đầu vầng mắt hoa, tai ù, tim hồi hộp, ăn không ngon, lưng đau, gối mỏi.

Ghi chú: Bài thuốc này có tác dụng hạ huyết áp, giảm mỡ trong máu, tăng sức miễn dịch, kéo dài tuổi thọ.

348. Gia giảm hữu quy hoàn

Bài thuốc:

Thục địa:	15g,	Dâm dương hoắc:	15g,
Đương quy:	15g,	Thổ phục linh:	15g,
Phụ tử:	15g,	Sơn dược:	10g,
Sơn thù:	10g,	Ba kích:	10g,
Thỏ ty tử:	10g.		

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Dưỡng âm, bổ dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm dương lưỡng hư, biểu hiện đầu vầng, tai ù, lưng buốt, hay quên, tay chân lạnh.

Ghi chú: Bài thuốc này chữa cao áp thời kỳ 2 - 3.

349. Hoàn Natri ích Thọ

Bài thuốc:

Natri:	50g,	Đương quy:	30g,
Xuyên khung:	15g,	Bạch truật:	100g
Trạch tả:	30g,	Đan sâm:	15g,
Sinh sơn tra:	30g,	Thảo quyết minh:	30g,
Sung uỷ tử:	12g,	Chế hà thủ ô:	20g,
Chế hoàng tinh:	30g,	Uất kim:	15g,
Lá sen:	15g,	Bột sắn:	25g.

Cách dùng: Nghiền thuốc thành bột mịn, ngào với mật làm hoàn, mỗi hoàn 12g, uống sáng tối mỗi lần 1 hoàn.

Công dụng: Dưỡng tâm ích thận, bổ can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can thận hư suy, biểu hiện đầu vầng và đau, tâm phiền, ngực tức, tự ra mồ hôi.

350. Ma cô ẩm

Bài thuốc:

Nấm tươi hoặc nấm hương: 30g (loại khô giảm nửa).

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Dưỡng âm bổ dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm dương lưỡng hư, biểu hiện đầu vầng, tai ù, tim hồi hộp, cử động thì thở dốc, lưng đau gối mỏi, mất ngủ mơ nhiều, gân co thịt rút, lưỡi nhạt hoặc hồng, rêu nhạt, mạch huyền tế.

351. Đông cô ẩm

Bài thuốc: Bí ngô, nấm đều 200g.

Cách dùng: Nấu lên ăn, ngày 1 - 2 lần.

Công dụng: Dưỡng âm trợ dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm dương lưỡng hư, biểu hiện đầu vầng đau, mệt mỏi mất sức, tai ù, tim hồi hộp, mất ngủ mơ nhiều, lưỡi nhạt rêu trắng, mạch huyền tế.

352. Ích khí dưỡng huyết thang

Bài thuốc:

Hoàng kỳ:	15 - 30g,	Đảng sâm:	12 - 15g,
Hoàng tinh:	9 - 12g,	Cát căn:	15 - 30g,
Ngũ vị:	3 - 6g,	Đương quy:	9 - 12g,
Hà thủ ô:	15 - 30g,	Huyền sâm:	12 - 15g,
Táo nhân:	15 - 30g,	Dạ giao đằng:	30g.

Cách dùng: Cho thuốc đun sắc 2 lần, lấy nước thuốc chừng 300ml, uống 3 lần sáng, trưa, tối, nước thuốc ấm, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Ích khí dưỡng huyết, điều hoà âm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại khí huyết đều hư, đầu vầng, mặt mỗi, tâm phiền, ít ngủ, mơ nhiều, mắt hoa, chân tay tê dại, tai ù, đại tiện khô cứng.

Ghi chú: Bài thuốc này dùng chữa bệnh cao huyết áp người cao tuổi.

353. Địa hoàng ẩm tử

Bài thuốc:

Thục địa:	12g,	Ba kích:	9g,
Sơn thù:	9g,	Thạch斛:	9g,
Nhục thung dung:	9g,	Phụ tử chế:	6g,
Ngũ vị tử:	6g,	Nhục quế:	6g,
Bạch linh:	6g,	Mạch môn:	6g,
Thạch xương bồ:	6g,	Viễn chí:	6g.

Cách dùng: Nghiền thuốc thành bột, mỗi lần uống 9 - 15g, cho 5 lát gừng, táo 1 quả, bạc hà 7 lá, sắc nước uống với thuốc.

Công dụng: Bổ âm trợ dương, khai khiếu hoá đờm.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm dương đều hư, biểu hiện lưỡi cứng không nói được, chân yếu không đi được, miệng khô không muốn uống.

B. THUỐC DÙNG NGOÀI

353. Phụ địa cao

Bài thuốc: Phụ tử ngâm muối, sinh địa đều 30g, lượng dấm vừa phải.

Cách dùng: Sấy khô, nghiền thành bột, quấy với dấm thành cao, tãi đến bột ở huyết Dũng Tuyên, lấy bằng gạc, bọc lại.

Công dụng: Điều hoà âm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm dương lưỡng hư biểu hiện đầu vàng, tai ù, tim hồi hộp, mất ngủ, mơ nhiều.

354. Bột đắp rốn

Bài thuốc: Ngô thù, Xuyên khung lượng bằng nhau.

Cách dùng: Tán thành bột, lau sạch lỗ rốn rồi cho 5 - 10g bột thuốc vào, trên dán cao xạ hương long cốt, giữ chặt, 3 ngày thay 1 lần, đợt điều trị là 1 tháng.

Công dụng: Ôn can dưỡng huyết, thông kinh hoạt lạc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại dương hư, âm huyết không đủ, đau một bên đầu và cổ, tai ù, mất ngủ, tim hồi hộp.

VI. LOẠI THÂN DƯƠNG HƯ SUY

A. THUỐC UỐNG TRONG

355. Quế tất thất vị hoàn

Bài thuốc:

Thục địa:	15g,	Vỏ táo:	10g,
Sơn dược:	10g,	Mẫu đơn:	10g,
Phục linh:	10g,	Ngưu tất:	10g,
Quan quế:	3- 5g		

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Ôn bổ thận dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại thận dương hư suy, đầu vầng, tai ù, tai điếc, người lạnh, lưng gối đau lạnh, mệt mỏi, đái đêm nhiều, lưỡi nhạt, rêu trắng, mạch trầm huyền tế.

356. Dâm thù chỉ huyền thang

Bài thuốc: Dâm dương hoắc: 25g, Sơn thù: 10g, La bào ma diệp: 12g.

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Ôn thận bổ can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại thận dương hư suy, biểu hiện choáng vầng, mặt trắng, lưng gối lạnh, người lạnh mệt mỏi, đái đêm nhiều, liệt dương, hoạt tinh, tinh dục giảm sút, đại tiện loãng, lưỡi nhạt, rêu trắng, mạch trầm huyền.

357. Ôn dương lợi thấp thang

Bài thuốc:

Phụ tử:	3 - 6g,	Nhục quế:	4,5- 9g,
Quế chi:	4,5 - 9g,	Phục linh:	15 - 20g,
Ngưu tất:	15 - 20g,	Phòng kỷ:	12g,
Bạch truật:	12g,	Hoàng kỳ:	15 - 30g,
Xích tiểu đậu:	15 - 30g.		

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Ôn thận dương, lợi thấp trọc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại thận dương hư suy, biểu hiện choáng váng, người lạnh, mất sức, chân hơi phù, tiểu tiện ngắn ít, lưỡi nhạt, rêu trắng, mạch trầm tế.

Ghi chú: Bài thuốc này chữa bệnh cao huyết áp thời kỳ 2.

358. Dâm dương hoắc cao

Bài thuốc: Búp lá dâm dương hoắc.

Cách dùng: Chế thành cao, mỗi ngày 3 lần, mỗi lần uống 30g.

Công dụng: Ôn thận tráng dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại thận dương hư suy, choáng váng, tai ù, lưng gối đau lạnh, người lạnh, tinh thần mệt mỏi, đái đêm nhiều, lưỡi nhạt, mạch trầm huyền tế.

359. Thận khí hoàn

Bài thuốc:

Thục địa:	24g,	Sơn lược:	12g,
Sơn thù:	12g,	Trạch tả:	9g,
Phục linh:	9g,	Mẫu đơn:	9g,
Quế chi:	3g,	Phụ tử:	3g.

Cách dùng: Tán thành bột, luyện mật làm hoàn bằng hạt ngô đồng, uống với một lần 6g rượu, ngày 2 lần.

Công dụng: Ôn bổ thận dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại thận dương hư suy lưng đau gối mỏi, nửa dưới cảm thấy lạnh, tiểu tiện khó hoặc tiểu tiện nhiều nhất là về đêm, liệt dương, hoạt tinh, lưỡi nhạt mà bệu, mạch hư nhược, bộ mạch xích trầm tế.

360. Ôn dương hoá ứ thang

Bài thuốc:

Chế phụ tử:	3g,	Đảng sâm:	9g,
Bạch truật:	9g,	Bổ cốt chỉ:	9g,
Dâm dương hoắc:	9g,	Xuyên ô:	3g,
Thảo ô:	3g,	Đan sâm:	9-15g
Ngưu tất:	9-15g,	Toàn yết:	2- 4g,
Mẫu lệ:	30g,	Long cốt:	30g,
Tiểu kế:	30g.		

Cách dùng: Cho Mẫu lệ, Long cốt đun sắc trước 30 phút, sau đó cho các thuốc khác vào tiếp tục đun 10 phút, lọc lấy nước thuốc, cho nước vào đun lần 2, hoà chung hai lần nước, chia 2 lần uống, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Ôn thận dương, hoá ứ thông lạc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại thận dương hư suy, huyết ứ trở trệ, biểu hiện đầu đau, choáng váng, lưng gối đau lạnh, mất ngủ, mơ nhiều, lưỡi sạm hoặc nhạt, mạch huyền sáp.

361. Tư thận trợ dương thang**Bài thuốc:**

Mẫu đơn:	10g,	Trạch tả:	10g,
Chế phụ tử:	10g,	Nhục quế:	10g,
Sơn thù:	12g,	Ba kích:	12g,
Bạch thược:	12g,	Đỗ trọng:	15g,
Thục địa:	20g,	Sơn dược:	20g.

Cách dùng: Sắc thuốc 2 lần, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Bổ thận, ôn dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại thận dương hư suy, biểu hiện sợ lạnh, chân tay lạnh, lưng đau gối mỏi, đầu vàng mắt hoa, tai ù, tâm phiền, ngực tức.

362. Ích khí điều can giáng áp thang**Bài thuốc:**

Hoàng kỳ:	30g,	Dâm dương hoắc:	10g,
Hà thủ ô:	30g,	Ba kích:	10g,
Thục địa:	30g,	Quế chi:	10g,
Bạch thược:	10g,	Đương quy:	15g,
Xuyên khung:	15g,	Đông tatar:	10g,
Bạch tatar:	10g,	Long cốt:	30g,
Câu đằng:	30g (cho vào sau),	Mẫu lệ:	30g.

downloadsachmienphi.com
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Cách dùng: Sắc 2 lần nước thuốc, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Ôn bổ thận khí, điều hoà can giáng nghịch.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại thận dương không đủ, can khí dâng lên, biểu hiện đầu vàng đau, lưng đau, gối mỏi, tay chân lạnh.

Ghi chú: Trong thời kỳ dùng thuốc này ngừng uống các loại thuốc tây hạ huyết áp và các thuốc hỗ trợ khác. Theo thông báo dùng bài thuốc này 50 ca, hiệu quả rõ rệt 24 ca, đỡ bệnh 21 ca.

363. Ích thảo hoàn

Bài thuốc: Thường sơn: 5g, Thương thảo: 3g.

Cách dùng: Nghiền 2 vị thuốc thành bột, nhào với mật làm hoàn, ăn trong 1 ngày.

Công dụng: Mạnh gân khử thấp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại thận dương không đủ biểu hiện đầu vầng mắt hoa, lưng đau gối mỏi, đêm đi đại nhiều.

364. Rượu xuyên thù thêm can

Bài thuốc:

Xuyên tiêu:	50g,	Ngô thù:	50g,
Tế tân:	50g,	Hy thêm thảo:	50g,
Can địa hoàng:	50g,	Phòng phong:	50g,
Phụ tử:	50g,	Địa phu tử:	50g,
Thăng ma:	50g,	Nhân sâm:	100g
Khuông hoạt:	350g,	Ngưu tất:	70g.

Cách dùng: Dùng 9 lít rượu ngâm số thuốc trên trong 7 ngày, chắt nước rượu ra uống, mỗi lần uống 30 - 50ml, ngày 2 lần.

Công dụng: Ôn dương bình can khử phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại thận dương hư suy, đầu vầng mắt hoa, gối mỏi, sợ lạnh, tay chân lạnh.

365. Ôn dương giáng áp thang

Bài thuốc:

Phụ tử chế:	3 - 6g,	Quế chi:	4,5 - 9g
Phục linh:	15 - 20g,	Phòng kỷ:	12g,
Bạch truật:	12g,	Bạch thược:	12 - 30g,
Ngưu tất:	15 - 30g,	Xích tiểu đậu:	20 - 30g,
Hoàng kỳ:	12g,		

Cách dùng: Cho thuốc ngâm nước 20 phút, sau đó đun sắc 2 lần, uống sáng tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Ôn dương, ích khí.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại thận dương hư suy, đầu vàng đau nhức, sợ lạnh, tay chân lạnh, lưng đau gối mỏi, tiểu tiện không lợi.

366. Phụ linh thang

Bài thuốc:

Phụ tử:	10g,	Nhục quế:	10g,
Phục linh:	30g,	Bạch truật:	15g,
Trạch tả:	10g,	Tang ký sinh:	20g,
Phòng kỷ:	20g,	Ngưu tất:	15g,
Cam thảo:	10g,		

Cách dùng: Sắc thuốc 2 lần nước, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Ích khí, ôn dương, hoá thấp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại tỳ thận dương hư, biểu hiện sợ lạnh, chân tay lạnh, đầu vàng mắt hoa, đi không vững, tai ù như ve kêu, lưng gối đau lạnh, chân phù.

Ghi chú: Dùng bài thuốc này chữa bệnh cao huyết áp nếu đúng bệnh là khỏi ngay, đồng thời phải chú ý quan sát sự biến đổi bệnh trạng và xem lưỡi, nếu

thấy có triệu chứng thương âm hoá hoả thì phải dùng thuốc ngay.

367. Gia vị (Tế sinh) thận khí thang

Bài thuốc:

Trạch tả:	15g,	Phục linh:	15g,
Chế phụ kiện:	30g,	Nhục quế:	15g
Thục địa:	15g,	Sơn dược:	15g,
Vỏ táo:	15g,	Mẫu đơn:	15g,
Ba kích:	15g,	Dâm dương hoắc:	15g,
Long cốt:	15g,	Mẫu lệ:	15g,
Đan sâm:	30g,	Xa tiền:	30g,
Ngưu tất:	15g.		

Cách dùng: Phụ kiện rửa sạch đun sắc trước 3 giờ, sau đó cho các vị thuốc khác vào sắc 30 phút, sắc 2 lần nước, mỗi ngày 1 thang, chia 3 lần uống.

Công dụng: Ôn dương lợi thủy, hoạt huyết hạ áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại tỳ thận dương hư, đầu đau, choáng váng, hồi hộp, mất ngủ, lưng đau, gối mỏi, đại tiện nhão.

Ghi chú: Khi uống thuốc này không được dùng các thuốc tây khác. Theo thông báo dùng bài thuốc này chữa 40 ca cao huyết áp biến chuyển tốt 31 ca, hiệu quả rõ rệt 2 ca, không hiệu quả 7 ca.

368. Sâm truật thang

Bài thuốc:

Đảng sâm:	20g,	Chế phụ tử:	20g,
Thương truật:	16g,	Bào khương:	12g,
Pháp bản hạ:	12g,	Thảo khấu:	10g,
Phục linh:	18g,	ý dĩ nhân:	30g,
Tục đoạn:	30g,	Cam thảo:	3g.

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang, sắc nước uống.

Công dụng: Kiện tỳ lợi thấp, ích khí ôn dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại tỳ thận dương hư, đờm thấp nội trở, mệt mỏi, người và tay chân lạnh, lưng đau, gối mỏi, đầu choáng váng.

369. Bổ thận ôn dương thang

Bài thuốc:

Chế phụ tử:	6 - 9g,	Hồng sâm:	6 - 12g,
Phục linh:	12 - 18g,	Trạch tả:	9 - 12g,
Bạch thược:	6-9g,	Sinh hoàng kỳ:	9 - 12g,
Ngưu tất:	12-18g,	Linh từ thạch:	12 - 18g,
Gừng sống:	6 lát.		

Cách dùng: Cho Linh từ thạch vào sắc trước 30 phút, sau cho các thuốc khác vào cùng sắc, sắc 2 lần nước, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Bổ thận, ôn dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại thận dương hư suy, đầu váng, đầu đau, tai ù, lưng đau gối mỏi, sợ lạnh, chân tay lạnh, mặt phù, đái đêm nhiều, đại tiện lỏng.

Ghi chú: Bài thuốc này thích hợp với người bị cao huyết áp từ 60 tuổi trở lên.

370. Hải đới ý dĩ thang

Bài thuốc: Hải đới (rong biển): 30g, ý dĩ nhân: 30g, Trứng gà: 3 quả, muối, mí chính, hồ tiêu.

Cách dùng: Rửa sạch rong biển thái lát, ý dĩ rửa sạch cho vào nồi áp suất, cho nước đủ lượng, hầm thật nhừ. Đập trứng tráng chín rồi cho vào nước ý dĩ

rong biển đã hầm, cho muối, mì chính, hồ tiêu vào, đun sôi lại là dùng được.

Công dụng: Khoẻ tim, lợi tiểu, hạ huyết áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại tỳ thận dương hư, đầu vàng, mắt hoa, sưng phù, đi tiểu ít.

371. Đông qua thảo ngư thang

Bài thuốc: Đông qua (bí đao): 250 - 500g, Cá trắm cỏ: 200 - 550g (dùng đuôi cá tốt hơn).

Cách dùng: Dùng dầu rán cá vàng, cho bí đao vào nước và hầm 3 - 4 giờ, cho ít muối, gia vị vào là ăn được.

Công dụng: Ôn dương lợi tiểu, hạ áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại thận dương hư suy, đầu vàng, mệt mỏi, sợ lạnh, lưng đau gối mỏi, mạch trầm huyền.

372. Ôn dương giáng áp thang

Bài thuốc:

Phụ tử chế:	3 - 9g,	Đảng sâm:	10g,
Bạch truật:	10g,	Bổ cốt chỉ:	10g,
Dâm dương hoắc:	10g,	Xuyên ô:	3g,
Thảo ô:	3g,	Đan sâm:	9 - 15g,
Ngưu tất:	9-15g,	Toàn yết:	3 - 5con,
Sinh long cốt:	20 - 30g,	Sinh mẫu lệ:	20-30g,
Rễ tiểu kế:	15 - 30g,	Mộc hương:	10g.

Cách dùng: Cho vào nước sắc 2 lần, chia 2 -3 lần uống ấm, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Ôn dương hoá ứ.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp do dương khí suy nhược, huyết ứ trở trệ, đầu vàng và đau, tay chân tê dại, hồi hộp, mệt mỏi, sợ lạnh.

B. THUỐC DÙNG NGOÀI

373. Ngô thù du tán.

Bài thuốc:

Ngô thù du: 30g, Dấm chua lượng vừa phải.

Cách dùng: Tán ngô thù du thành bột thật mịn, trộn với dấm thành cao, trước khi ngủ rửa chân sạch, lấy cao bôi vào gân, hải bàn chân (huyệt Dũng tuyền) lấy băng dính bọc lại rồi đi tất vào, sáng ra cởi bỏ hết, 7 ngày liền là một đợt điều trị.

Công dụng: Ôn bổ thận dương, giao thông tâm thận.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại thận dương hư suy, tâm thận bất giao biểu hiện choáng váng, tim rối loạn, sợ lạnh, chân tay lạnh.

Ghi chú: Sau khi bôi thuốc này 1 -2 lần có thể hạ huyết áp, giảm nhẹ chứng bệnh.

374. Cao hạ áp bôi ngoài.

Bài thuốc:

Nhục quế:	2 phần,	Tế ân:	1 phần,
Xa tiền:	2 phần,	Trầm hương:	1 phần,
Băng phiến:	1 phần.		

Cách dùng: Nghiền thuốc thành bột, mỗi lần dùng 50g hoà với cồn rượu, bọc vào vải đắp lên hai bên huyết thận du, nếu khô lại phun cồn rượu vào thuốc đắp - mỗi ngày thay thuốc 1 lần, 1 tuần lễ là một đợt điều trị.

Công dụng: Ôn dương lợi thấp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại thận dương hư suy, đầu váng, người lạnh, lưng đau, gối mỏi, phù người.

A. THUỐC UỐNG TRONG

375. Bán hạ bạch truật thiên ma thang

Bài thuốc:

Bán hạ:	9g,	Thiên ma:	9g,
Phục linh:	9g,	Quất hồng bì:	9g,
Bạch truật:	15g,	Cam thảo:	3g.

Cách dùng: Gừng tươi 1 lát, Đại táo 2 quả, sắc nước uống.

Công dụng: Táo hấp hoá đờm, bình can, khứ phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại đờm trọc trở ngại bên trong, biểu hiện đầu vầng đau, ngực tức, nôn mửa, rêu lưỡi trắng nhờn, mạch huyền hoạt.

376. Gia vị tứ quân tử thang.

Bài thuốc:

Nhân sâm:	1,5g,	Bạch truật:	1,5g,
Phục linh:	1,5g,	Hoàng kỳ:	1,5g,
Đương quy:	1,5g,	Xuyên khung:	1,5g,
Trần bì:	1,5g,	Bán hạ:	1,5g,
Cát cánh:	1,5g,	Bạch chỉ:	1,5g,
Thiên ma:	1,5g,	Cam thảo:	0,9g,

Gừng táo chút ít.

Cách dùng: Cho sắc thuốc 2 lần nước, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Ích khí, hoá đờm.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại khí hư đờm trọc trở ngại bên trong, đầu vầng mắt hoa, buồn lợm giọng muốn nôn, tức ngực, mệt mỏi.

377. Ninh điều tuyền phúc ẩm

Bài thuốc:

Ninh điều hoa: 12g, Tuyền phúc hoa : 9g.

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày 2 lần.

Công dụng: Tiêu đờm hạ khí, dưỡng huyết, bình can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại đờm thấp trở ngại bên trong, đầu vầng mắt hoa, tức ngực, buồn nôn, rêu lưỡi trắng nhờn, mạch hoạt nhạt.

378. Hoạt đàm lợi khí thang

Bài thuốc:

Quất hồng bì:	4,5g,	Sinh tử uyển:	6g,
---------------	-------	---------------	-----

Hạnh nhân:	12g,	Chỉ xác:	4,5g,
------------	------	----------	-------

Uất kim:	6g,	Trần đờm tinh:	6g,
----------	-----	----------------	-----

Trúc lịch bán hạ:	10g,	Cúc hoa:	12g,
-------------------	------	----------	------

Tần giao:	6g,	Tang chi:	30g.
-----------	-----	-----------	------

Đại giả thạch: 12g (sắc trước),

Trầm hương: 1,5g (cho vào sau), ,

Trúc lịch: 1g (chia 2 lần uống thẳng),

Thạch quyết minh nướng: 15g,

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Hoạt đờm giáng trọc, khai khiếu thông kinh lạc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại đờm trọc trở ngại bên trong, đầu đau, vầng, nặng, ngực tức muốn nôn, chân tay tê dại, rêu nhờn, mạch huyền hoạt.

379. Ba tiêu quỹ căn trà

Bài thuốc: Toàn ba tiêu: 30g, Rễ thủy lâm quả: 20g, Rễ hoa quỳ: 20g.

Cách dùng: Thái nhỏ ba vị thuốc trên, sắc nước uống thay chè, mỗi ngày 1 thang, 10 ngày là một đợt

điều trị. Bệnh nhẹ uống 1 đợt là huyết áp trở lại bình thường, bệnh nặng phải 3-4 đợt, huyết áp dần dần trở lại bình thường nếu huyết áp đã bình thường, tiếp tục uống ít ngày nữa để củng cố hiệu quả.

Công dụng: Thanh nhiệt lợi thấp, thông khiếu hoạt huyết.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại đờm đục trở ngại bên trong, đầu vầng, ngực tức, đầu đau, tim hồi hộp, ít ăn.

380. Trấn huyền thang.

Bài thuốc:

Xuyên khung:	10 -16g,	Đương quy:	10-12g,
Quế chi:	10 -12g,	Sinh địa:	10 12g,
Bạch phục linh:	12 -18g,	Bạch truật:	10g,
Cam thảo:	10g,	Câu đằng:	20g,
Mạch môn:	15g,	Cúc hoa:	15g,
Trạch tả:	12g,		

Cách dùng: Mỗi thang sắc 2 lần, mỗi lần lấy 200-300ml, uống sáng và tối, 15 ngày là một đợt điều trị.

Công dụng: Điều hoà khí huyết, kiện tì bình can, hoá đờm, khử thấp, khử phong, tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại gan vượng tỳ hư, đờm trọc cản trở bên trong, đầu vầng, ngực tức, tim hồi hộp, mất ngủ, đại tiện nhão, lưỡi hồng, rêu trắng, mạch huyền tế.

381. Ích khí dưỡng can thang

Bài thuốc:

Sinh hoàng kỳ:	20g,	Xuyên khung:	10g,
Bán hạ:	10g,	Phục linh:	10g,
Quất hồng:	10g,	Sơn tra:	15g,

Thạch xương bồ: 10g, Uất kim: 12g,
Địa long: 12g, Câu đằng (cho vào sau): 15g,
Cúc hoa: 10g, Hạ khô thảo: 10g.

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang, mỗi thang sắc 2 lần, uống sáng và tối.

Công dụng: ích khí dưỡng can, hoá đờm, hoạt lạc, thông khiếu.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại khí hư đờm trọc, biểu hiện đầu vầng, mắt hoa, mệt mỏi, ngực tức, buồn nôn, chân tay tê dại.

382. Gia vị chỉ cát thang

Bài thuốc:

Hải táo:	12g,	Thương truật:	9g,
Tử uyển:	9g,	Sơn chi:	9g,
Chỉ xác:	4,5g,	Trần bì:	4,5g,
Cam thảo:	4,5g,	Hương phụ:	4,5g,
Cát cánh:	3g,	Bán hạ:	3g.

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày 1 thang, sau khi dùng ba thang đổi thành nửa thang dùng một thang, 3 -4 tháng sau mỗi tháng uống 1 thang.

Công dụng: Táo thấp, kiện tỳ, lợi khí hoá đờm, khứ phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại đờm thấp ủng thịnh, đờm trọc bốc lên trên, biểu hiện đầu vầng đau, nặng, ngực tức buồn nôn, ăn ít, hồi hộp, chân tay tê dại, rêu trắng nhờn, mạch huyền hoạt.

383. Huyền vừng ninh

Bài thuốc: Trần bì, Cam thảo, Phục linh, Bán hạ, Nữ trinh tử, Hạ liên thảo, Ngưu tất, Cúc hoa, Trạch tả, Bạch truật, lượng thuốc bằng nhau.

Cách dùng: Nghiền thành bột nhỏ làm hoàn, mỗi lần uống 5 -10g, ngày uống 3 lần.

Công dụng: Kiện tỳ hoá thấp, bình can bổ thận, hoá đờm thông lạc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp do đờm đục trở ngại bên trong, đầu vầng mắt hoa, buồn lợm nôn mửa, ngực buồn bực.

Ghi chú:Đàn bà mang thai, người dương khí suy nhược dùng phải thận trọng, người bị ngoại cảm phát sốt không được dùng, kiêng ăn chất cay nóng.

384. Câu đằng tán.

Bài thuốc:

Câu đằng:	15g,	Trần bì:	15g,
Bán hạ:	15g,	Mạch môn:	15g,
Phục linh:	15g,	Phục thần:	15g,
Đẳng sâm:	15g,	Cúc hoa:	15g,
Phòng phong:	15g,	Sinh thạch cao:	30g,
Chích cam thảo:	3g.		

Cách dùng: Đem thuốc tán thành bột mịn, mỗi lần dùng 12g, thêm gừng sống 3 lát, sắc nước 2 lần, uống ấm, mỗi ngày 2 lần.

Công dụng: bình can khử phong, khử thấp hoá đờm.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại đờm trọc cản trở bên trong, can dương thượng kháng, biểu hiện đầu vầng đau, ngực tức buồn nôn, mạch huyền hoạt, rêu nhờn, chân tay tê dại.

385. Sâm thất tán.

Bài thuốc: Tây dương sâm, Xuyên tam thất, Kê nội kim số lượng bằng nhau.

Cách dùng: Nghiền cả 3 vị thuốc thành bột mịn, cho vào bình mỗi ngày 3 lần, mỗi lần 2g, uống lúc đói bụng.

Công dụng: ích khí hoạt huyết hoá ứ.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại khí và âm đều hư, đờm trọc lưu trệ, tinh thần mệt mỏi, ngực buồn bực hơi thở ngắn, ăn ít, lưỡi sạm, mạch huyền tế sáp.

386. Định huyền thang.

Bài thuốc:

Hoàng kỳ:	20g,	Đan sâm:	20g,
Phục linh:	20g,	Trạch tả:	20g,
Thiên ma:	15g,	Câu đằng:	15g,
Bán hạ:	10g,	Cam thảo:	5g.

Cách dùng: Cho các vị thuốc (trừ câu đằng) đun sắc 20 phút, cho Câu đằng vào sắc tiếp 10 phút, chắt nước thuốc ra, cho nước vào sắc tiếp lần 2 - 20 phút, hoà chung 2 lần nước thuốc, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Hoá đờm khử phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại đờm trọc cản trở bên trong, biểu hiện đầu vầng tai ù, buồn lợm nôn mửa.

387. Hoá huyền thang

Bài thuốc:

Bạch truật:	10g,	Trần bì:	10g,
Bán hạ:	10g,	Phục linh:	15g,
Chỉ thực:	10g,	Trạch tả:	20g,
Thiên ma:	10g,	Mẫu đơn bì:	10g,
Thảo quyết minh:	15g,	Viễn chí:	5g,

Dan sâm: 15g, Đỗ trọng: 10g,
Quế chi: 10g, Phỉ bạch: 10g.

Cách dùng: Cho sắc thuốc 2 lần nước, hoà chung nước thuốc, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Ôn hoá đờm trọc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại đờm trọc ừng thịnh, đau đầu, choáng váng, ngực buồn bực, buồn nôn.

Ghi chú: Chữa bệnh cao huyết áp thời kỳ 2,3.

388. Gia giảm ôn đờm thang.

Bài thuốc:

Trần bì: 10g, Bán hạ: 10g,
Trúc nhự: 10g, Hoàng cầm: 10g,
Phục linh: 30g, Câu đằng: 30g,
Sơn tra (Sao cháy): 15g, Trạch tả: 15g,
Thạch xương bồ: 5g, Quyết minh tử: 30g.

Cách dùng: Cho Quyết minh tử đun sắc 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào đun 10 phút là được, sắc 2 lần nước, hoà chung 2 lần nước thuốc với nhau, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Kiện tỳ hoá thấp trừ đờm.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại đờm thấp cản trở bên trong, biểu hiện đầu nặng, choáng váng, ngực buồn bực, tim hồi hộp, ăn kém, đờm nhiều.

389. Bình can hoá đờm thang

Bài thuốc:

Bán hạ chế: 10g, Trần bì: 10g,
Thiên ma: 10g, Trạch lan: 10g,
Sao bạch truật: 12g, Thạch xương bồ: 12g,

Phòng kỷ: 12g, Phục linh: 30g,
Xa tiên: 30g, Trạch tả: 18g.

Cách dùng: Thuốc sắc 2 lần nước, hoà chung 2 lần nước thuốc với nhau, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Trừ phong khử đờm.

Chữa chứng bệnh: Dùng cho loại phong đờm vũng tắc, biểu hiện đầu vầng mắt hoa, tai ù, buồn nôn ăn ít, tay chân tê dại.

Ghi chú: Bài thuốc này chữa cao huyết áp thời kỳ 2.

390. Ích khí hoá đàm thông lạc thang

Bài thuốc:

Đảng sâm:	20g,	Mạch môn:	10g,
Ngũ vị:	10g,	Đan sâm:	20g,
Đương quy:	12g,	Qua lâu:	15g,
Bán hạ:	10g,	Phục linh:	12g,
Hạ khô thảo:	15g,	Câu đằng:	15g,
Cúc hoa:	10g,		



downloadsachmienphi.com

Đọc Sách Hay | Đọc Sách Online

Cách dùng: Cho thuốc (trừ Câu đằng) đun sắc 20 phút, sau đó cho Câu đằng vào sắc tiếp 10 phút, chắt nước thuốc, sắc lần thứ 2. Hoà chung 2 lần nước thuốc, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Ích khí, hoá đờm.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại khí trừ đờm trở, biểu hiện đầu vầng mắt hoa, ngực buồn tức, tay chân tê dại.

391. Truật chỉ thiên ma thang

Bài thuốc:

Bạch truật:	10g,	Trần bì:	10g,
Bán hạ:	10g,	Phục linh:	15g,
Chỉ thực:	10g,	Trạch tả:	20g,
Thiên ma:	10g,	Mẫu đơn bì:	10g,

Thảo quyết minh:	15g,	Viễn chí:	5g,
Dan sâm:	15g,	Đỗ trọng:	10g,
Quế chi:	10g,	Phỉ bạch:	5g.

Cách dùng: Sắc thuốc 2 lần nước, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Ôn hoá đàm trọc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại đàm trọc ủng thịnh, biểu hiện đầu vầng mắt hoa, buồn lợm muốn nôn, ngực tức ăn ít.

Ghi chú: Bài thuốc này chữa bệnh cao huyết áp thời kỳ 2 -3 kèm theo buồn tim trái dây. Uống thuốc 15 ngày ngừng uống 3 ngày, 6 tháng là một đợt điều trị.

392. Gia vị nhĩ trần thang

Bài thuốc:

Trần bì:	0,3g,	Bán hạ:	0,3g,
Phục linh:	0,3g,	Dương quy:	0,3g,
Chỉ thực:	0,3g,	Cát cánh:	0,3g,
Hạnh nhân:	0,3g,	Mộc hương:	2,1g,
Sa nhân:	2,1g,	Mật:	0,9g,
Nhục quế:	0,9g,	Cam thảo:	0,9g.



Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Cách dùng: Cho gừng nước vào thuốc sắc 2 lần nước, uống sáng và tối mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: khử phong hoá đàm, lý khí

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại đàm trọc cản trở bên trong, đầu vầng đau, mắt hoa tai ù, ngực tức bụng đầy

393. Thanh huyền hoá đàm thang

Bài thuốc:

Chỉ thực	: 0,7g	Bản hạ	: 0,5g
Phục linh	: 0,5g	Hoàng cầm	: 2,4g
Xuyên khung	: 2,4g	Bạch chỉ	: 2,1g
Khương hạc	: 2,1g,	Thiên Nam Tinh	: 1,8g

Phong phong : 1,8g Cam thảo: 0,9g.

Tê tâm: 1,8g.

Cách dùng: Cho thêm 3 lats gừng vào thuốc sắc 2 lần nước uống sáng và tối ngày 1 thang.

Công dụng: Khử phong, hoá đàm.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại đàm trọc cần tĩa bên trong đầu vãng, đau mắt hoa. Tai ù, ngực tức bụng đầy.

394. Kiện tỳ hoá đàm thang

Bài thuốc:

Thái tử sâm:	30g,	Sinh sơn dược:	30g,
Sinh ý dĩ:	30g,	Sinh bạch thực:	30g,
Trân châu mẫu:	30g,	Phục linh:	15g,
Trạch tả:	15g,	Xích tiểu đậu:	15g,
Xuyên bối mẫu:	10g,	Quất hồng bì:	12g,
Thạch quyết minh:	30g.		

Cách dùng: Cho Trân châu mẫu, Thạch quyết minh sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào cùng sắc, sắc 2 lần nước, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Kiện tỳ bình can, khử thấp hoá đàm.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại tỳ hư đàm thấp, đầu vãng mắt hoa, nhìn không rõ, mất ngủ, tai ù, đàm nhiều, bụng đầy, hơi ợ chua, đại tiện lỏng.

395. Gia vị nhị tiên thang số 2

Bài thuốc:

Đương quy:	15g,	Bạch thực:	15g.
------------	------	------------	------

Dâm dương hoắc:	15g,	Tiên ma:	15g,
Cẩu kỷ tử:	15g,	Trân châu mẫu:	20g,
Đan sâm:	20g,	Trần bì:	10g,
Chế bán hạ:	12g,	Đại giả thạch:	15g.

Cách dùng: Cho Trân châu mẫu, Đại giả thạch sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào cùng sắc, sắc 2 lần nước, uống sáng và tối, mỗi ngày một thang.

Công dụng: Ích khí hoá đờm

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại khí hư đờm trở, đầu mắt choáng váng, ngực tức, ăn ít, mệt mỏi mất sức, buồn lợm, nôn mửa đờm dãi.

Ghi chú: Bài thuốc này dùng cho nữ giới cao huyết áp mà người béo.

396. Hoá đàm giáng trọc thang

Bài thuốc:

Bán hạ	10g,	Phục linh:	12g,
Trần bì:	10g,	Thương truật:	9g,
Hạ khô thảo:	15g,	Mẫu lệ:	30g.

Cách dùng: Cho Mẫu lệ đun sắc trước 30 phút, sau đó cho các thuốc khác vào sắc tiếp, sắc 2 lần nước, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Khi đờm lợi thấp, thanh nhiệt giáng trọc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp do đờm kéo lên cản trở bên trong, biểu hiện đầu nặng, choáng váng, ngực tức thở hắt ra, muốn nằm.

397. Trấn huyền thang.

Bài thuốc:

Quế chi:	10g,	Bạch truật:	10g,
Sinh địa:	10g,	Chích cam thảo:	10g,
Xuyên khung:	10g,	Phục linh:	12g,
Đương quy:	12g,	Bạch thược:	12g,
Long cốt:	30g,	Mẫu lệ:	30g.

Cách dùng: Cho Long cốt và Mẫu lệ vào sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào sắc tiếp, sắc 2 lần nước, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Ôn hoá đờm ẩm, trấn gan, tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Chữa đờm ẩm dừng ở bên trong, can dương thiên kháng, biểu hiện đầu vàng mắt hoa, tai ù, ngực tức, buồn nôn, chân tay nặng nề.

398. Giáng áp thang

Bài thuốc:

Hải tảo:	12g,	Thương truật:	9g,
Tử uyển:	9g,	Sơn chi:	9g,
Chỉ xác:	4,5g,	Hương phụ:	4,5g,
Cát cánh:	3g,	Trần bì:	4,5g,
Cam thảo:	4,5g.		

Cách dùng: Cho vào 3 bát nước, đun sắc còn 2 bát, lại cho nước vào sắc còn lấy 1 bát, hoà đều 2 lần thuốc, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang, uống liền 3 thang sau đó cứ 15 ngày uống 1 thang, 4 tháng sau mỗi tháng uống 1 thang.

Công dụng: Tiêu đờm lý khí.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại đờm và khí cản trở nhau, biểu hiện choáng váng, chân tay tê dại, buồn lợm muốn nôn.

399. Thiên ma định huyền thang số 3.

Bài thuốc:

Sinh địa:	24g,	Thiên ma:	10g,
Cúc hoa:	10g,	Thạch quyết minh:	30g,
Hạ khô thảo:	30g,	Đồng tạt lê:	15g,
Ngưu tất:	15g,	Câu đằng:	15g,
Cam thảo:	8g,	Bán hạ:	15g,
Trần bì:	10g,	Thiên nam tinh:	10g,
Bạch phụ tử:	10g,	Sa nhân:	10g,
ý dĩ nhân:	10g.		

Cách dùng: Cho Thạch quyết minh đun sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào, Câu đằng cho vào sau cùng, sắc 2 lần nước, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Ôn hoá đờm trọc, bình can khử phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại do đờm trọc cản trở bên trong, biểu hiện đầu váng mắt hoa, ngực bụng đầy tức, nôn ra đờm loãng.

400. Phục linh tiểu đậu thang

Bài thuốc:

Phục linh:	15g,	Bạch truật:	12g,
Sơn dược:	20g,	Tầm sa:	10g,
Xích tiểu đậu:	15g,	Râu ngô:	12g,
Xa tiền tử:	12g,	Trạch tả:	10g.

Công dụng: Kiện tỳ lý khí, tiêu đờm hoá thấp.

Cách dùng: cho nước đem sắc 2 lần uống sáng và tối ngày 1 thang.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại tỳ hư không vận động được, đờm thấp cản trở bên trong, người yếu mất sức, đầu nặng choáng váng, bụng đầy kém ăn, buồn nôn, đại tiện lỏng, mặt sưng, chân tay phù.

401. Kiện tỳ hoá thấp thang

Bài thuốc:

Bán hạ:	10g,	Trần bì:	3g,
Phục linh bì:	15g,	Chích cam thảo:	3g,
Sao ý dĩ:	10g,	Sơn tra sao cháy:	10g,
Bội lan thảo:	10g,	Hoắc hương:	10g,
Nhân trần:	6g,	Trạch tả:	10g,
Lục thần khúc:	10g,		

Cách dùng: Sắc 2 lần nước, hoà chung nước thuốc với nhau, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Thanh lợi đờm thấp, tĩnh tỳ hoá trọc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại đờm thấp tổn tỳ, thậm chí không được bổ sung, biểu hiện ngực sườn đầy tức, hơi thở ra hôi và chua, đầu váng mắt hoa, tay chân mỗi mệt.

Ghi chú: Bài thuốc này chủ yếu chữa người già cao huyết áp, trong máu có mỡ, động mạch xơ cứng, tay chân tê dại.

402. Hoãn can giáng nghịch thang

Bài thuốc:

Ngô thù:	3 -5g,	Đảng sâm:	9g,
Sinh khương:	6g,	Hồng táo:	5 quả

Bán hạ tẩm gừng: 9g, Ngưu tất: 9g,
 Quyết minh tử: 9g.

Cách dùng: Sắc 2 lần nước, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Làm ấm can và dạ dày, hoà trung giáng nghịch.

Chữa chứng bệnh: Chữa cao huyết áp do đờm trọc dừng bên trong, can khí dâng nghịch, biểu hiện choáng váng, buồn nôn, nôn ra đờm dãi, tay chân tê dại.

403. Ích khí hoá đàm thang

Bài thuốc:

Hoàng kỳ:	30g,	Đảng sâm:	15g,
Trần bì:	5g,	Bán hạ:	12g,
Phục linh:	15g,	Đại giả thạch:	30g,
Thảo quyết minh:	24g,	Bạch truật:	9g,
Cam thảo:	2g,		

Cách dùng: Cho đại giả thạch đun sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào sắc tiếp, sắc 2 lần nước hoà chung 2 lần nước thuốc, uống sáng và tối mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Kiện tỳ ích khí hoá đờm.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại khí hư đờm trớ, biểu hiện tinh thần mệt mỏi, tay chân yếu ớt, đầu váng mắt hoa, tai ù, buồn lợm ăn ít, nôn ra đờm dãi, đại tiện nhão.

404. Thông mạch thang

Bài thuốc:

Cáp phẩn:	20g,	Tang khí sinh	30g,
Uy linh tiên:	10g,	Địa long:	10g,
Cương tâm:	10g,	Trúc nhự:	10g,
Hy thiêm thảo:	15g,	Kê huyết đằng:	20g,
Tri mẫu:	5g,	Hoàng bá:	10g,
Hồng hoa:	10g,	Toàn yết:	2g,
Sinh xuyên sơn giáp:	10g,		
Sinh thạch quyết minh:	50g.		

Cách dùng: Cho Thạch quyết minh đun sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào sắc tiếp, sắc 2 lần nước, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Bình can, lợi đờm, thông lạc hoạt huyết.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại đờm thấp ứng thịnh, huyết ứ kinh lạc tắc, biểu hiện nửa người bị liệt, mồm méo mắt xệch, nói ngọng.

Ghi chú: Bài thuốc này chữa di chứng sau trúng phong.

405. Viên cúc nhị thiên tán

Bài thuốc:

Sinh viên chí:	0,28g,	Cúc hoa:	0,28g,
Thiên ma:	0,28g,	Xuyên khung:	0,25g,
Thiên trúc hoàng:	0,25g,	Sài hồ:	0,22g,
Thạch xương bồ:	0,22g,	Cương tâm:	0,22g.

Cách dùng: Nghiền thuốc thành bột nhỏ, cho vào viên nang trước bữa ăn nửa giờ uống 2 g, ngày uống 3 lần.

Công dụng: Hoà đàm an thần, hoạt huyết yên mạch.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp do đàm trọc cản trở bên trong đầu đau choáng váng, buồn nôn, mất ngủ.

Ghi chú: Theo thông báo, bài thuốc này chữa 243 ca bệnh, hiệu quả rõ rệt 192 ca, đạt hiệu quả 80 ca.

406. Kỳ linh câu đằng thang

Bài thuốc:

Sinh hoàng kỳ:	20g,	Xuyên khung:	10g,
Bán hạ:	15g,	Quất hồng:	10g,
Phục linh:	15g,	Sơn tra:	15g,
Thạch xương bồ:	10g,	Uất kim:	12g,
Địa long:	12g,	Câu đằng:	12g,
Cúc hoa:	12g,	Hạ khô thảo:	15g.

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: ích khí hoá đàm, bình can tĩnh não.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại khí hư đàm trọc, biểu hiện đầu nặng, choáng váng, lồng ngực đầy tức đau, ăn ít, ngủ ít.

407. Thuận khí hoá đàm thang

Bài thuốc:

Bán hạ:	5g,	Phục linh:	4g,
Trần bì:	3g,	Trúc nhự:	3g,
Chỉ thực:	2g,	Cam thảo:	2g,
Viễn chí:	2g,	Huyền sâm:	2g,
Nhân sâm:	2g,	Địa hoàng:	2g,
Táo nhân:	2g,	Đại táo:	2g,
Câu đằng:	30 - 80g.		

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Kiện tỳ hoá đờm.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can uất tỳ hư đờm thấp ủng thịnh, biểu hiện choáng váng, buồn lợm muốn nôn, tai ù, ăn ít, đêm ngủ không yên.

408. Lạc tẩm dấm

Bài thuốc: Lạc nhân nhiều ít tùy ý, dấm ăn.

Cách dùng: Cho lạc nhân (không bỏ vỏ đỏ), ngâm vào dấm 7 ngày trở lên, ngâm càng lâu càng tốt, mỗi tối trước khi ngủ lấy 3 - 4 hạt lạc, nhai nhỏ nuốt đi, ăn liên 7 ngày là một đợt điều trị.

Công dụng: Nhuận phổi, bổ tỳ, bình can tiêu đờm.

Chữa chứng bệnh: Huyết áp loại đờm đục cản trở bên trong đầu choáng váng, ngực tức buồn nôn, mạch huyền hoạt, lưỡi hồng rêu trắng nhờn.

409. Thanh huyền giáng áp thang.

Bài thuốc:

Trúc nhự:	10g,	Phục linh:	15g,
Long đởm thảo:	10g,	Xuyên khung:	6g,
Thiên ma:	10g,	Hoàng cầm:	10g,
Hoàng liên:	6g,	Thạch xương bồ:	10g,
Long cốt:	12g,	Mẫu lệ:	15g,
Sơn chi sao đen:	10g,	Tang ký sinh:	10g,
Hạ khô thảo:	10g,		

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang, sắc 2 lần nước tất cả là 200ml, ngày uống 2 lần, mỗi lần 100ml.

Công dụng: Hoá đờm khai khiếu, bình can tiềm dương khứ phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại do đờm đục quấy nhiễu, dương kháng hoá phong, biểu hiện mắt hoa mà đen, nhìn vật quay cuồng, nôn ra đờm dãi, thậm chí hôn mê ngã xuống, bất tỉnh không biết gì.

410. Hàu thị hắc tán

Bài thuốc:

Cúc hoa:	40g,	Bạch truật:	10g,
Tế tân:	3g,	Phục linh:	3g,
Mẫu lệ:	3g,	Phòng phong:	10g,
Kiệt cánh:	8g,	Nhân sâm:	3g,
Phèn chua:	3g,	Hoàng cầm:	5g,
Đương quy:	3g,	Can khương:	3g,
Xuyên khung:	3g,	Quế chi:	3g.

Cách dùng: Sắc 2 lần nước thuốc, uống sáng và tối, mỗi ngày uống 1 thang.

Công dụng: Thanh nhiệt khứ đờm, hoá trọc tán thấp, hoạt huyết thông ứ.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp do đờm nhiệt dừng ở bên trong, biểu hiện vầng dầu mắt hoa, buồn lợm, tay chân nặng nề, lưỡi sạm, mạch huyền sáp.

Ghi chú: Bài thuốc này dùng cho người có chứng trạng đột xuất trên lâm sàng. Sau khi bệnh đỡ, có thể dùng nguyên liệu lượng hoặc theo tỷ lệ làm thành bài thuốc tán cho vào viên nang, mỗi lần uống 5 g, mỗi ngày 3 lần, 2 tháng là một đợt điều trị.

B. THUỐC DÙNG NGOÀI.

411. Huyền vừng ninh tán

Bài thuốc:

Ngô thù:	30g,	Bán hạ:	15g,
Thục địa:	10g,	Sinh khương:	30g,

Hành trắng cả rễ: 7 nhánh.

Cách dùng: Tán nhỏ thuốc nói trên, cho vào nồi, cho ít dấm tằm, sao chín, chia làm hai phần, bọc vải lại khi còn đang nóng đắp vào rốn, hai gói thay nhau đắp, nguội thì đổi, mỗi lần 30 - 50 phút, ngày 2 - 3 lần, dùng liên 3 - 7 ngày, mỗi thang thuốc này có thể dùng 3 ngày.

Công dụng: Bình can hoá đờm.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại đờm tròn cản trở bên trong, biểu hiện choáng váng, ngực tức, buồn lợm, rêu nhờn, mạch hoạt nhược.

VIII. LOẠI Ứ HUYẾT TRỞ LẠC

A. THUỐC UỐNG TRONG

412. Chỉ huyền thang

Bài thuốc:

Hoàng kỳ:	30 - 50g,	Đan sâm:	30- 50g,
Cát căn:	30 - 40g,	Kê huyết đằng:	30- 40g,
Xích thực:	20 - 30g,	Sơn tra:	10- 15g,
Xuyên khung:	10g,	Đương quy:	10g,
Hồng hoa:	10g,	Địa long:	10g,
Đào nhân:	9g,	Sinh cam thảo:	9g.

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày 1 thang sắc 2 lần nước, uống sáng và tối.

Công dụng: Ích khí, hoạt huyết, hoá ứ, thông lạc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại khí huyết ứ trệ, quấy nhiễu lên trên, biểu hiện đầu đau, choáng váng, tay chân tê dại, lưỡi sạm, mạch huyền sáp.

Ghi chú: Bài này chữa bệnh cao huyết áp thời kỳ 2.

413. Hồng hoa ẩm

Bài thuốc: Hồng hoa: 10g, Hạt dưa hấu: 30g.

Cách dùng: Đập vỡ hạt dưa hấu, cho vào cùng sắc với hồng hoa mỗi ngày 1 thang, chia 2 lần uống.

Công dụng: Hoạt huyết thông lạc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại ứ huyết ứ trệ, biểu hiện đầu vầng đau, hay quên, mất ngủ, hồi hộp, môi miệng tím sẫm, lưỡi có đốm đen, mạch huyền sáp hoặc tế sáp.

414. Tiên quyết giáng áp phương.

Bài thuốc:

Tang chi:	50g,	Quế chi:	8 - 10g
Cương tằm (sao):	15g,	Ngưu tất:	15g,
Đương quy:	15g,	Đan sâm:	15g,
Song câu đằng (cho vào sau): 30g.			

Cách dùng: Cho Tang chi ngâm vào rượu rửa sạch sau đó cho các vị thuốc ngâm vào nước 30 phút, đun sắc 30 phút, mỗi thang sắc 2 lần, hoà chung nước thuốc với nhau, chia 2 lần uống, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Dưỡng huyết, hoạt huyết, bình can, thông lạc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại gan khí uất trệ, ứ huyết trở lạc, biểu hiện đầu vầng đau, buồn bực mất ngủ, hồi hộp, chân tê, lưỡi sạm, mạch, huyền sáp.

415. Quỳ tra thang

Bài thuốc: Lá hoa quỳ: 30g, Sơn tra: 15g.

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày 1 thang, sắc 2 lần nước, uống sáng và tối.

Công dụng: Khử ứ, thông lạc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại ứ huyết uất trệ, biểu hiện đầu đau, choáng váng, hay quên, hồi hộp, mất ngủ, tinh thần buồn bã, tai ù tai điếc.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

416. Quỳ tất thang

Bài thuốc:

Lá hoa quỳ 100g (loại khô 50g), Thổ nưư tất: 50g.

Cách dùng: Hoạt huyết tan ứ, lợi thấp thông khiếu.

Công dụng: Sắc nước uống, một ngày 1 thang.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại ứ huyết trở trệ, thanh khiếu không được nuôi dưỡng, biểu hiện đầu vầng, mất ngủ, hồi hộp, hay quên, tai ù, tai điếc.

417. Tang ngải thang

Bài thuốc: Tang chi: 10g, Ngải diệp 10g.

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày 1 thang, chia 3 lần uống sau bữa ăn, uống liền 3 tháng.

Công dụng: Hoạt huyết hoá ứ thông lạc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại ứ huyết trở trệ, khí huyết loạn nghịch, biểu hiện đầu đau choáng váng, ngực tức, hồi hộp, mất ngủ.

418. Hồ phách thanh đại tán

Bài thuốc: Thanh đại: 10g, Hồ phách: 10g.

Cách dùng: Tán 2 vị thuốc thành bột, mỗi lần uống 2 -3g, ngày uống 2 -3 lần.

Công dụng: Thanh can khỏi phong, lợi thấp hoá ứ.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can uất hoá hoả, ứ huyết trở trệ, biểu hiện đầu đau, đầu vầng mắt hoa, kinh sợ mất ngủ, mắt sạm, mạch huyền sáp.

419. Cự cúc toan mai thang

Bài thuốc: Lam cúc cúc: 150g, La vọng tử: 30g, Hồng táo: 20g, Mỏ chua: 20g.

Cách dùng: Đều dùng loại tươi, sắc nước uống, mỗi ngày 3 lần.

Công dụng: Hành huyết, hoạt huyết, hoá ứ.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại ứ huyết trở trệ, đầu đau, tim hồi hộp, mất ngủ, lưỡi sạm, mạch sáp.

420. Tam hoa thanh can tán

Bài thuốc:

Hồng hoa: 20g, Ngọc trâm hoa: 15g, Cúc hoa: 10g.

Cách dùng: Tán thành bột, ngày uống 3 lần, mỗi lần 5g, 7 ngày là một đợt điều trị, qua một đợt đã thấy hiệu quả.

Công dụng: Hoạt huyết khử ứ, thanh can sáng mắt.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại ứ huyết trở trệ, gan uất hoá hoả, đầu đau vầng, tai ù, tai điếc, mặt sạm, tinh thần mệt mỏi, hồi hộp mất ngủ, lưỡi sạm, mạch huyền sáp.

421. Dương quy hoạt huyết khứ ứ thang.

Bài thuốc:

Mộc hương: 100g, Trâm hương: 100g,
 Dương quy: 100g, Mã lân(cây cối): 100g,
 Than lục hoàng căn (rau cần cần): 100g,
 Cỏ lục nhung nhiều gai (thanh hao): 200g.

Cách dùng: Tán 6 vị thuốc nói trên thành bột, rây mịn, nhào với hồ làm hoàn, mỗi hoàn nặng 1g, uống ngày 3 lần, mỗi lần 3g.

Công dụng: Hoạt huyết, khứ ứ, bình can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại ứ huyết trở trệ, đầu đau choáng vầng, tai ù, tai điếc, mặt sạm, mất ngủ, hồi hộp, hay quên, lưỡi có nốt máu, mạch huyền sáp.

422. Đan sâm câu đằng ẩm.

Bài thuốc:

Đan sâm: 30g, Câu đằng: 10g,
 Ngưu tất: 10g, Cương tâm: 10g,
 Xuyên khung: 10g, Bạch chỉ: 10g.

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày 1 thang, chia 2 lần uống.

Công dụng: Hoạt huyết hoá ứ, thông khiếu hoạt lạc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại khí huyết ứ trệ, can phong quá nhiều bên trên, biểu hiện đầu đau choáng váng, mất ngủ, hồi hộp, hay quên, lưỡi có huyết ứ, mạch huyền sáp.

423. Ích tâm kiện não thang.

Bài thuốc:

Hoàng kỳ: 30 - 50g, Cát căn: 15- 30g,
Tang ký sinh: 15 - 30g, Đan sâm: 20 - 40g,
Sinh sơn tra: 9 - 15g, Xuyên khung: 6 - 9g.

Cách dùng: Ngâm thuốc vào nước chừng 30 phút rồi đun sắc, sắc 2 lần nước, mỗi ngày 1 thang, uống ấm 2 -3 lần/ ngày.

Công dụng: Ích khí hoạt huyết, thông lạc, ích khí kiện não.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại khí hư huyết ứ, đầu đau, đầu váng mắt hoa, hồi hộp mất ngủ, chân tay tê dại.

Ghi chú: Bài thuốc này dùng chữa bệnh cao huyết áp thời kỳ 2,3, kết hợp biến chứng ở tim não.

424. Mộc hương tán.

Bài thuốc: Thanh mộc hương, lượng vừa phải.

Cách dùng: Tán thành bột mịn, cho vào viên nang, ngày uống 3 lần, bắt đầu mỗi lần dùng 0,4 - 0,8g, sau đó tăng dần lên từ 1 -2g, uống sau khi ăn, 3 tháng là một đợt.

Công dụng: Hành khí hoạt huyết thông lạc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại gan uất khí trệ, ứ huyết trở lạc, đầu vầng, hồi hộp, mất ngủ, hay quên, ngực tức.

225. Thanh can giáng áp thang

Bài thuốc:

Xuyên khung:	12g,	Cúc hoa:	20g,
Địa long:	10g,	Ngưu tất:	15g,
Địa cốt bì:	15g,	Hạ khô thảo:	30g,
Râu ngô:	30g.		

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Thanh nhiệt bình can, hoạt huyết thông lạc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can uất hoá hoả, ứ huyết trở trệ, đầu sưng đau, mắt hoa, ngực tức, hồi hộp, mất ngủ, hay quên, lưỡi hồng, mạch huyền sáp.

Ghi chú: Dùng cho bệnh cao huyết áp thời kỳ 2.

426. Đan sâm hoạt lạc thang

Bài thuốc:

Cát căn:	15g,	Đan sâm:	15g,
Cúc hoa:	12g,	Tang chi:	12g,
Sài hồ:	10g,	Mẫu đơn:	10g,
Xích thước:	10g,	Hồng hoa:	10g,
Địa long:	10g,	Bạc hà:	6g.

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Thanh nhiệt tả can, khử ứ sinh tân dịch, thông khiếu hoạt lạc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can uất khí trệ hoá hoả, ứ huyết trở trệ, đầu đau choáng váng, tai ù, tai điếc, xương sườn sưng đau, mặt sẫm, mất ngủ, hồi hộp, lưỡi có nốt máu, mạch huyền sáp.

427. Bại đẳng thang.

Bài thuốc:

Bại tương thảo:	30g,	Hồng đẳng:	30g,
Ý dĩ:	30g,	Đào nhân:	12g,
Xơ mướp:	8g,	Thiên thảo:	15g,
Bấp cải:	30g,	Lá tre:	10g,
Hạt bí đao:	25g,	Bạch mao căn:	30g.

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang, sắc 2 lần nước, uống sáng và tối.

Công dụng: Hành ứ thông trệ, khử thấp hành thủy, thanh huyết, hoạt huyết.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại ứ huyết hoá nhiệt, thấp uất không hoá, mặt phù, khó thở do hen. thở, nói không rõ, chảy dãi, không muốn ăn.

428. Kim đẳng thang.

Bài thuốc:

Tử kim đẳng:	20g,	Xuyên khung:	12g,
Quỹ châm thảo:	15g,	Hạ khô thảo:	12g.

Cách dùng: Cho nước đun sắc thuốc 2 lần, hoà chung nước thuốc với nhau, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Hoạt huyết bình can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can huyết ú trệ, đầu đau, mắt hoa, mặt đỏ, ngực sưng đau, lưỡi sạm, mạch huyền sáp.

Ghi chú: Bài thuốc này chữa cao huyết áp thời kỳ 2,3.

429. Viên câu đằng:

Bài thuốc:

Điền thất hoa : 250g , Câu đằng: 100g
Phục linh : 100g , Tinh bột và đủ.

Cách dùng: Thuốc tán bột, thêm tinh bột dập viên thành 1000 viên, mỗi lần uống 2 viên, ngày 3 lần.

Công dụng: Hoạt huyết bình can

Chữa chứng bệnh: Can vượng ú huyết, choáng váng, đau đầu, tức ngực, sồn, lưỡi đen, mạch huyền sáp.

Ghi chú: Bài này chữa huyết áp, giai đoạn 1 và 3 rất tốt.

430. Lương can thông lạc thang

Bài thuốc:

Mẫu đơn bì: 30g Địa long : 30g
Sơn chi: 12g Bạch thược : 24g
Ngưu tất: 15g Cúc hoa : 10g

Thạch quyết minh: 24g.

Cách dùng: cho Thạch quyết minh vào đun trước 30 phút. Sau cho các vị thuốc khác vào đun sôi tiếp 20 phút, chắt nước thuốc ra. Cho nước vào tiếp đun sôi 20 phút, rót ra hoà chung 2 lần nước thuốc uống sáng và tối ngày 1 thang.

Công dụng: Hoạt huyết thanh nhiệt bình can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp do can ứ huyết nhiệt đầu đầu. Choáng váng buồn bực, miệng đắng, mặt đỏ, lưỡi đen, mạch huyền sấp.

Ghi chú: Bài này chữa cao huyết áp giai đoạn 2-3.

431. Hoá ứ thành tán thang.

Bài thuốc:

Sài hồ:	6 - 10g,	Cát căn:	10 - 15g,
Đan sâm:	10 - 15g,	Cúc hoa:	12 - 15g,
Tang chi:	12 - 15g,	Mẫu đơn bì:	10 - 12g,
Xích thược:	10 - 12g,	Hồng hoa:	10 - 12g,
Địa long:	10 - 12g,	Bạc hà:	6g.

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày 1 thang, uống sáng và tối.

Công dụng: Hoá ứ thành can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can nhiệt huyết ứ, đầu đau, choáng váng, tai ù mắt hoa, hồi hộp mất ngủ.

432. Gia giảm hoạt huyết thang.

Bài thuốc:

Xích thược:	10g,	Xuyên khung:	10g,
Đào nhân:	10g,	Hồng hoa:	5g,
Cát căn:	30g,	Đan sâm:	30g,
Địa long:	15g,	Sơn tra:	15g,
Hy thiêm thảo:	30g,	Ngưu tất:	15g.

Cách dùng: Sắc nước, mỗi ngày 1 thang, chia 2 lần uống.

Công dụng: Hoạt huyết hoá ứ.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại ứ huyết trở trệ, đầu đau vầng, chân tay tê nặng.

Ghi chú: Bài này chữa bệnh cao huyết áp thời kỳ 2.

433. Gia vị huyết phủ trực ứ thang.

Bài thuốc:

Xích thước:	9-12g		
Đương quy:	10-15g,	Đào nhân:	10-15g,
Hồng hoa:	6-12g,	Ngưu tất:	6-12g,
Xuyên khung:	9-12g,	Sinh địa:	15-20g,
Cát cánh:	5-10g,	Chỉ xác:	5-10g,
Sài hồ:	5-10g,	Cam thảo:	5-10g,
Hạ khô thảo:	15g,	Cúc hoa:	10g.

Cách dùng: Thuốc sắc 2 lần nước, hoà chung nước thuốc với nhau, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Hoạt huyết hoá ứ.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại ứ huyết nội trở, đầu sưng đau, choáng vầng, hồi hộp, mất ngủ, lưỡi sạm, mạch huyền sáp.

434. Linh câu hoạt huyết thang

Bài thuốc:

Linh dương giác:	1g,	Câu đằng:	30g,
Sinh mẫu lệ:	30g,	Đại giả thạch:	30g,
Kê huyết đằng:	30g,	Hồng hoa:	10g,
Đan sâm:	30g,	Bạch thước:	15g.

Cách dùng: Nghiền Linh dương giác thành bột, cho Mẫu lệ, đại giả thạch đun sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào, cuối cùng cho câu đằng vào

sắc 10 phút là được, sắc 2 lần nước, khi thuốc sắc xong cho bột Linh dương giã vào khuấy đều, chia 2 lần uống khi còn ấm.

Công dụng: Bình can, tiềm dương, hoạt huyết, thông lạc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại dương kháng huyết ứ, đầu đau dữ dội, choáng váng, nôn mửa, tỉnh thần lơ mơ, nửa người tê liệt, không nói được.

Ghi chú: Bài này chữa cao huyết áp thời kỳ 3 kèm theo bệnh não.

435. Hoạt huyết tiềm giáng thang.

Bài thuốc:

Ngưu tất:	20g,	Câu đằng:	30g,
Đan sâm:	20g,	ích mẫu thảo:	10g,
Tang ký sinh:	15g,	Địa long:	10g,
Xuyên bối mẫu:	6g,	Sinh địa hoàng:	10g,
Sơn dược:	10g,	Trạch tả:	20g,
Cẩu kỷ tử:	10g,	Chế phụ phiên:	3g,

Lá chè lượng vừa phải.

Cách dùng: Ngoài Câu đằng ra, cho các vị thuốc vào đun sắc trong 20 phút, sau đó cho Câu đằng vào lại đun tiếp 10 phút, sắc 2 lần nước rồi hoà chung 2 lần nước thuốc, mỗi ngày 1 thang, 20 ngày là một đợt điều trị.

Công dụng: Bình can, hoạt huyết.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại dương kháng huyết ứ, đầu đau, choáng váng, tay chân tê dại, lưng đau gối mỏi.

Ghi chú: Theo thông báo bài thuốc này chữa 102 ca nữ giới cao huyết áp nguyên phát thời kỳ 2, hiệu quả rõ rệt 39 ca, chuyển tốt 59 ca.

436. Hoạt huyết kháng thần thang.

Bài thuốc:

Đương quy	15 - 20g,	Xuyên khung:	7-10g
Xích thược:	10-15g,	Hồng hoa:	7-10g,
Xơ quất:	7-10g,	Địa long:	10-15g,
Ngưu tất:	10-15g,	Tang ký sinh:	15-20g,
Cam thảo:	3-5g,	Toàn yết:	7-10g.

Cách dùng: Rửa sạch Toàn yết sấy khô tán nhỏ, các vị thuốc khác ngâm nước 30 phút rồi đun sắc cho sôi lên, mỗi thang sắc 2 lần nước, đều đun 30 phút, hoà chung 2 lần nước thuốc, chia 2 lần uống ấm, bột Toàn yết chia 2 uống thẳng.

Công dụng: Hoạt huyết hành khí, khứ phong thông lạc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại khí hư huyết ứ, đầu vầng mắt hoa, nói ngọng.

437. Giáng áp số 3

Bài thuốc:

Đan sâm:	12g,	Câu đằng:	12g,
Chế hà thủ ô:	12g,	Tang ký sinh:	12g,
Tiểu kế:	15g,	Ngưu tất:	10g,
Bạch tật lê:	10g,	Thiên tiên đằng:	10g,
Hạ khô thảo:	10g,	Mẫu đơn bì:	10g,
Địa long:	6g,	Mẫu lệ:	30g.

Cách dùng: Cho đun Mẩu lệ 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào, Cháu đẳng cho vào cuối cùng, sắc 2 lần nước uống ấm sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Điều hoà khí huyết, thông lạc hoá ứ.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại khí huyết mất điều hoà, mạch máu bị trở tắc, đầu sưng đau như kim châm, có lúc phát sốt, tim hồi hộp, chân tê, mặt hồng, kinh nguyệt không đều.

438. Tử thảo tứ vật thang

Bài thuốc:

Tử thảo:	24g,	Đào nhân:	10g,
Hồng hoa:	10g,	Xích thước:	15g,
Xuyên khung:	10g,	Đương quy:	15g,
Bán hạ:	18g,	Quất hồng:	12g,
Địa long:	15g,	Lộ lộ thông:	15g.

Cách dùng: Cho nước đun sắc 2 lần, hoà chung 2 lần nước thuốc, uống ấm sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Hoạt huyết hạ áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại khí trệ huyết ứ, đầu đau choáng váng, ngực đau như dùi, tay chân tê dại.

439. Tiên bá bổ dương hoàn ngũ thang

Bài thuốc:

Sinh hoàng kỳ:	60g,	Dâm dương hoắc:	18g,
Hoàng bá:	9g,	Đương quy:	12g,
Xuyên khung:	15g,	Xích thước:	12g,
Đào nhân:	6g,	Hồng hoa:	6g,
Địa long:	12g.		

Cách dùng: Mỗi ngày 1 thang, sắc nước, chia 2 lần uống, 8 tuần lễ là một đợt điều trị.

Công dụng: Hoạt huyết hạ áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại thận hư huyết ứ, đầu đau choáng váng, tai ù tai điếc, lưng đau gối mỏi, đau như kim châm.

Ghi chú: Theo thông báo dùng bài thuốc này chữa 50 ca cao huyết áp, hiệu quả rõ rệt 28 ca, đạt hiệu quả 18 ca, không hiệu quả 4 ca, hiệu suất đạt 92%.

440. Giảng áp số 2



Bài thuốc:

Dan sâm:	12g,	Câu đằng:	12g,
Hà thủ ô chế:	12g,	Tang ký sinh:	12g,
Tiểu kế:	15g,	Ngưu tất:	10g,
Bạch tật lê:	10g,	Thiên tiên đằng:	10g,
Hạ khô thảo:	10g,	Mẫu đơn bì:	10g,
Địa long:	5g,	Mẫu lệ:	30g.

Cách dùng: Cho Mẫu lệ đun sắc trước 30 phút, sắc 2 lần nước, hoà chung 2 lần nước thuốc, uống ấm sáng và tối.

Công dụng: Điều khí, hoá huyết, hoá ứ, thông lạc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại khí huyết uất trệ, đầu sưng đau, mặt tía sẫm, có lúc phát sốt, ngực có cảm giác bị đè nặng hoặc đau như dùi, tim hồi hộp, chân tay tê dại.

441. Hoạt huyết tiềm giáng thang.

Bài thuốc:

Ngưu tất:	20g,	Đan sâm:	20g,
Trạch tả:	20g,	Câu đằng:	30g,
Ích mẫu thảo:	10g,	Địa long:	10g,
Sinh địa:	10g,	Sơn dược:	10g,
Cẩu kỷ tử:	10g,	Tang ký sinh:	15g,
Xuyên bối mẫu:	6g,	Chế phụ phiên:	3g,

Lá chè lượng vừa phải.

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày 1 thang, 20 ngày là một đợt điều trị.

Công dụng: Hoạt huyết thông lạc, tiềm dương hạ áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại ứ huyết trở lạc, phong dương thiên kháng, đầu choáng mắt mờ, có lúc đau nhói, tim hồi hộp, mất ngủ, lưng đau, gối mỏi.

Ghi chú: Theo thông báo qua theo dõi 3 đợt điều trị của 102 ca bệnh cao huyết áp thì đạt hiệu quả 90%.

442. Gia vị nhị tiên thang số 1

Bài thuốc:

Đương quy:	15g,	Bạch thược:	15g,
Dâm dương hoắc:	15g,	Tiên nao:	15g,
Cẩu kỷ tử:	15g,	Trân châu mẫu:	20g,
Đan sâm:	20g,	Sài hồ:	10g,
Hương phụ:	10g,	Phật thủ:	8g.

Cách dùng: Cho Trân châu mầu đun sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào, sắc 2 lần nước, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Sơ gan giải uất, hoạt huyết thông lạc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp do khí trệ huyết ứ, đầu vầng và đau, ngực đau tức, muốn thở ra, kinh nguyệt không đều.

Ghi chú: Bài thuốc này kết hợp với bệnh nhân cao huyết áp là nữ.

443. Bột thủy diệt thổ nguyên.

Bài thuốc: Cao địa, Manh trùng (mọt gạo).

Cách dùng: Cho 2 vị này số lượng ngang nhau tán nhỏ cho vào viên nang, mỗi viên chứa 0,25g thuốc, mỗi lần uống 4 viên, ngày uống 3 lần.

Công dụng: Hoạt huyết thông mạch.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can thận âm hư, ứ huyết trở lạc, đầu vầng mắt hoa, tai ù, lưng đau gối mỏi.

Ghi chú: Bài thuốc này thích hợp với bệnh cao huyết áp thời kỳ 1,2.

444. Lục vị đào hồng thang

Bài thuốc:

Thục địa:	20g,	Sao sơn dược:	15g,
Sơn thù sáo cháy:	15g,	Phục linh:	15g,
Trạch tả:	6g,	Đơn bì:	30g,
Sơn tra:	30g,	Thạch quyết minh:	30g,
Sao đào nhân:	12g,	Hồng hoa:	12g,
Đại hoàng:	5g,	Câu đằng:	30g.

Cách dùng: Cho Thạch quyết minh đun sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào đun tiếp, Cháu đẳng cho vào sau cùng, sắc 2 lần nước thuốc và hoà chung 2 lần nước thuốc, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Tư dưỡng can thận, dưỡng huyết thăng lạc.

445. Đan sâm ký sinh thang

Bài thuốc:

Đan sâm:	24g,	Tang ký sinh	: 15g,
Đại gia thạch:	24g,	Táo nhân	: 15g,
Ngưu tất	: 24g,	Bạch thược	: 12g,
Sinh địa	: 12g,	Mẫu liên thảo	: 12g,
Nữ trich tử	: 12g,	Long cốt	: 24g,
Mẫu lệ	: 24g.		

Cách dùng: Cho Long cốt, Mẫu lệ, Đại gia thạch vào sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc vào sắc tiếp. Sắc 2 lần nước rồi hoà chung vào uống sáng và tối ngày 1 thang.

Công dụng: Hoạt huyết, hạ áp

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp do can thận đều, khí huyết ứ trệ, đầu vầng mắt hoa, lưng đau gối mỏi, tai ù, mất ngủ, khô miệng.

446. Hộ thủ thang.

Bài thuốc:

Xuyên khung:	30g,	Đương quy:	30g,
Uất lý nhân:	12g,	Thiên hoa phấn:	12g,
Bạch chỉ:	12g,	Đào nhân:	12g,
Hồng hoa:	9g,	Từ thạch:	30g,

Ngô thù: 10g, Cảo bản: 12g,
Ngưu tất: 15g.

Cách dùng: Cho Từ thạch vào đun sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào đun tiếp, sắc 2 lần nước và hoà chung nước thuốc với nhau, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Hành khí hoá ứ thông lạc, an thần.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại khí trệ huyết ứ, đầu đau lên não nhất là ở đỉnh đầu, hai mắt đỏ, hồi hộp, mất ngủ.

Ghi chú: Bài thuốc này chữa bệnh cao huyết áp có triệu chứng xuất huyết não, hiệu quả khá tốt.

447. Bình can ích thận hoá ứ thang

Bài thuốc:

Hoàng kỳ: 30g, Địa long: 15g,
Manh tràng: 10g, Sơn tra: 30g,
Đỗ trọng: 15g, Nhục thung dung: 15g,
Hạ khô thảo: 15g, Quyết minh tử: 30g,
Ngưu tất: 10g.

Cách dùng: Cho Quyết minh tử vào đun sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào sắc tiếp, sắc 2 lần nước, uống sáng và tối mỗi ngày 1 thang. Uống liên 6 tuần lễ.

Công dụng: Bổ thận ích tinh, bình can hoá ứ.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can thận đều hư, khí hư huyết ứ, đầu đau choáng váng, ngực tức, tim hồi hộp, lưng đau, gối mỏi, chân tay tê dại, tinh thần mệt mỏi.

Ghi chú: Bài này chữa người già bị cao huyết áp là hay nhất.

448. Đào nhân kỳ tiên thang

Bài thuốc:

Sinh hoàng kỳ:	60g,	Dâm dương hoắc:	18g,
Hoàng bá:	9g,	Đương quy:	12g,
Xuyên khung:	15g,	Xích thược:	12g,
Đào nhân:	6g,	Hồng hoa:	6g,
Địa long:	12g,		

Cách dùng: Sắc nước uống mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Ích khí hoạt huyết thông lạc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại khí hư huyết ứ, tinh thần mệt mỏi, ngán hơi lười nói, đầu đau choáng váng, tim hồi hộp mất ngủ.

449. Kỳ khung thang

Bài thuốc:

Hoàng kỳ:	30g,	Dan sâm:	30g,
Cát căn:	30g,	Trạch tả:	20g,
Xích thược:	10g,	Xuyên khung:	15g,
Ngưu tất:	15g,		

Cách dùng: Sắc 2 lần nước, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Ích khí hoạt huyết hoá ứ.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại khí hư huyết ứ, người mệt mỏi, đầu váng, mắt hoa, lưng đau, gối mỏi, lưỡi sạm, mạch sấp.

450. Kỳ sâm bình can thang.

Bài thuốc:

Hoàng kỳ:	15g,	Đảng sâm:	18g,
Bạch truật:	10g,	Đương quy:	10g,
Bạch thược:	10g,	Chích cam thảo:	6g,
Long cốt (sắc trước): 24g,		Mẫu lệ (sắc trước): 24g.	

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Ích khí hoạt huyết bình can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại khí hư huyết ú, đầu vầng, mắt hoa, người mệt mỏi, lưỡi sạm, mạch sấp.

Ghi chú: Theo thông báo bài thuốc này chữa 133 ca sau khi uống 30 thang, hiệu quả 61 ca.

451. Ích khí hoạt huyết thang

downloadsachmienphi.com

Bài thuốc:

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Nhân sâm:	10g,	Hoàng kỳ:	12g,
Cam thảo:	10g,	Đương quy:	15g,
Trần bì:	10g,	Thiên ma:	10g,
Sài hồ:	10g,	Bạch truật:	12g.

Cách dùng: Sắc 2 lần nước uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: ích khí hoạt huyết.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại khí hư huyết ú, đầu vầng mắt hoa, người mệt mỏi, buồn lợm ăn ít,, ngực tức.

Ghi chú: Bài thuốc này chữa 15 ca cao huyết áp khỏi hẳn 12 ca.

452. Nhị đan địa long thang

Bài thuốc:

Dan sâm:	30g,	Mẫu đơn:	30g,
Sơn tra:	30g,	Cát căn:	30g,
Trạch tả:	30g,	Hà thủ ô:	30g,
Hoàng kỳ:	30g,	Địa long:	15g,
Ngũ vị tử:	15g,	Xích thước:	15g,
Xuyên khung:	15g,	Hạ khô thảo:	15g.

Cách dùng: Cho nước sắc 2 lần, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Hoạt huyết bình can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại khí hư huyết ứ, đầu vầng mắt hoa, người mệt mỏi, miệng khô và đắng, ngực tức tim hồi hộp.

Ghi chú: Theo thông báo dùng bài thuốc này chữa 104 ca cao huyết áp, hiệu quả rõ rệt 70 ca, hiệu quả 26 ca, đạt 92%.

453. Hoá ứ bình can thang

Bài thuốc:

Đương quy:	10-15g,	Xuyên khung:	10-15g,
Dan sâm:	30-50g,	Hồng hoa:	10g,
Ngưu tất:	15g,	Thảo quyết minh:	20-30g
Huyền sâm:	15-30g,	Câu đằng:	10-15g
Cát căn:	15-30g,	Đẳng sâm:	30g.

Cách dùng: Cho thuốc vào nước đun sắc 30 phút, sau đó cho Câu đằng vào sắc 10 phút, chắt nước thuốc ra sắc lần thứ 2, hoà chung 2 lần nước thuốc, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Hoạt huyết hoá ứ, bình can tiềm dương.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại khí huyết ứ trở, can dương thiên kháng, đầu đau dữ dội, choáng váng, ngực tức tim hồi hộp, lưng đau gối mỏi, lưỡi sạm, mạch huyền sáp.

Ghi chú: Bài thuốc này chữa bệnh cao huyết áp nguyên phát thời kỳ 1,2 hiệu quả rõ rệt.

454. Thông khiếu hoạt huyết thang

Bài thuốc:

Xích thực:	3g,	Xuyên khung:	3g,
Đào nhân:	5g,	Hồng hoa:	9g,
Hành già:	6g,	Gừng sống:	9g,
Đại táo 5 quả,	Xạ hương:	0,15g,	Rượu: 250g.

Cách dùng: Cho 7 vị thuốc sắc, bỏ bã, rồi cho xạ hương và rượu vào sắc sôi là được.

Công dụng: Hoạt huyết hoá ứ, thông khiếu hoạt lạc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại huyết ứ trở trệ, đầu váng và đau, tai ù tai điếc, mất ngủ hồi hộp, hay quên, mặt sạm, lưỡi có nốt máu, mạch huyền sáp.

455. Sơn hà trà

Bài thuốc: Sơn tra: 15g, Lá sen: 12g.

Cách dùng: Cho 2 vị đun sắc sôi 15 phút, chắt nước ra sắc lần 2, lấy chùng 400ml, uống thay trà, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Hoạt huyết bình can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại âm hư huyết ứ, đầu sưng đau (Miệng khô, lưng đau, gối mỏi).

456. Cháo đào nhân.

Bài thuốc: Đào nhân: 10-15g, Gạo tẻ: 50-100g.

Cách dùng: Giã Đào nhân nát như bùn, cho nước vào lọc bỏ bã rồi nấu với gạo tẻ làm cháo, ăn lúc đói.

Công dụng: Hoạt huyết thông kinh, khử ứ khỏi đau.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại ứ huyết trở trệ, đau đầu, ngực đau nhói, mặt sẫm, lưỡi có nốt máu, mạch huyền sáp.

457. Cháo Sơn tra

Bài thuốc:

Sơn tra: 30-40g (nếu tươi thì 60g) gạo tẻ: 100g,
Đường cát: 10g.

Cách dùng: Cho Sơn tra vào ấm sắc lấy nước đặc, bỏ bã, sau đó cho gạo tẻ, đường vào nấu thành cháo, không ăn lúc đói, 7, 10 ngày là một đợt.

Công dụng: Kiên tỳ vị, tiêu thực tích, Tán huyết ứ, giảm mỡ trong máu và hạ áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại ứ huyết trở trệ, đau đầu, hôn mê, ngực đau tức, tim hồi hộp, mất ngủ, mạch huyền sáp.

Ghi chú: Người bệnh mà tỳ vị hư nhược không nên dùng.

458. Thiên ma ngư đầu thang.

Bài thuốc:

Thiên ma:	30g,	Xuyên khung:	10g,
Phục linh:	10g,	Cá chép tươi:	1000g,
Hành, gừng, muối.			

Cách dùng: Lóc bỏ vảy cá, mang và lòng ruột cá, rửa sạch, nghiền nhỏ xuyên khung và phục linh ngâm vào nước gạo, rồi cho thiên ma vào đậy ngâm 6-8 giờ rồi lấy thiên ma ra cho vào ấm, cất thành lát mỏng nhồi vào đầu cá và bụng cá rồi cho cá vào nồi đất cho hành, gừng, muối mỡ vào, đun 1 giờ đồng hồ là được. Lần lượt ăn cá, thiên ma và húp nước canh.

Công dụng: Hành khí hoạt huyết, bình can khởi phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại khí trệ huyết ứ, khí huyết chạy lung tung, đầu đau choáng váng, mất hoa, ngực đau tim hồi hộp.

459. Sơn tra ẩm

Bài thuốc: Sơn tra tươi 10 quả, đường phèn: 50g.

Cách dùng: Đập dập nát sơn tra, cho đường cũng đun đến nhừ uống nước sơn tra ngày 1 lần.

Công dụng: Tán ư khởi đau.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại ứ huyết trở trệ, khí huyết chạy lung tung, đầu đau, choáng váng, ngực tức, tim hồi hộp, mất ngủ.

B. THUỐC DÙNG NGOÀI

460. Gối hạ áp

Bài thuốc:

Cúc hoa	1000g,	Xuyên khung:	400g,
Mẫu đơn bì:	200g,	Bạch chỉ:	200g.

Cách dùng: Cho thuốc vào túi vải, khâu thành gối, dùng lúc ngủ.

Công dụng: Hoạt huyết bình can.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại ứ huyết trở lạc, đầu mắt sưng đau, tính tình bực bội, ngực đầy tức, tim hồi hộp, mất ngủ.

Ghi chú: Thường xuyên trở mặt gối, có thể dùng mấy tháng.

461. Đào nhân hoạt huyết tán

Bài thuốc:

Gạo nếp	3g,	Hồ tiêu:	1,5g,
Sinh đào nhân:	3g,	Sinh hạnh nhân:	3g,
Sơn chi:	3g,	Lòng trắng trứng gà.	

Cách dùng: Nghiền thuốc thành bột mịn, quấy với lòng trắng trứng, bôi vào gan bàn chân.

Công dụng: Hoạt huyết, hạ áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại huyết trở lạc, đầu đau choáng váng, ngực đau tức, hơi thở ngắn, chân tay tê dại.

IX- LOẠI CAN DƯƠNG HOÁ PHONG

A. THUỐC UỐNG TRONG

462. Thiên ma tán.

Bài thuốc:

Thiên ma:	60g,	Ô tiêu xà:	60g
	(tẩm rượu, bỏ xương da).		
Chế phụ tử:	30g,	Bạch cương tàm:	30g,
Phòng phong:	30g,	Ma hoàng:	60g,
Cúc hoa:	45g,	Bạch tiễn bì:	30g,
Cảo bản:	30g,	Toàn yết:	30g,

Đương quy: 30g, Quế tâm: 30g,
Bạch phục linh: 30g, Can khương: 15g,
Chích cam thảo: 15g, Khương hoạt: 30g.

Cách dùng: Tán thuốc thành bột mịn, mỗi lần uống 6g, uống với rượu ấm trước khi ăn.

Công dụng: Bình can, khởi phong, hoạt huyết thông lạc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương hoá phong, phong trong kinh lạc, đầu vầng đau, mắt hoa, nửa người tê liệt.

Ghi chú: Ky rau sống, thịt lợn, thịt gà, dầu mỡ.

463. Thiên ma hoàn

Bài thuốc:

Thiên ma: 30g, Chế phụ tử: 30g,
Toàn yết: 30g, Bạch cương tàm: 30g,
Xuyên khung: 30g, Ngưu tất: 30g,
Can khương nướng: 15g, Chích cam thảo: 15g,
Độc hoạt: 30g, Tế tân: 30g,
A giao: 30g.

Cách dùng: Tán thuốc thành bột, luyện mật thành hoàn to bằng viên ngô đồng, mỗi lần uống 20 viên với rượu.

Công dụng: Bình can khởi phong, hoá đờm thông lạc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại trúng phong kinh lạc, mồm méo mắt xếch, nói ngọng, gân cốt đau nhức, tay chân khó cử động.

464. Thiên ma hoàn 2

Bài thuốc:

Thiên ma: 60g, Địa du: 30g,
Mật dược: 1g, Huyền sâm: 30g,
Chế ô đầu: 30g, Xạ hương: 0,3g.

Cách dùng: Cho các vị thuốc (trừ Xạ hương) tán nhỏ thành bột, tán nhỏ xạ hương, một dược và trộn đều với thuốc, luyện mật thành hoàn to bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 20 viên trước bữa ăn, uống với rượu.

Công dụng: Bình can khởi phong, hoạt huyết thông lạc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại trúng phong kinh lạc, biểu hiện tay chân khó cử động, đi bộ khó khăn, phần xương đau nhức, lưng gối nặng nề.

465. Thiên ma hoàn 3

Bài thuốc:

Thiên ma:	30g,	Xuyên khung:	30g,
Bạch cương tàm:	30g,	Chế phụ tử:	30g,
Chế nam tinh:	30g,	Phòng phong:	1g,
Linh dương giác:	15g,	Toàn yết:	0,9g,
Ma hoàng:	0,9g.		
Ngưu hoàng (nghiên nhỏ):	0,9g,		
Xạ hương (nghiên nhỏ):	0,9g,		

Cách dùng: Tán thuốc thành bột, trộn đều Ngưu hoàng, Xạ hương, luyện với mật thành hoàn to bằng viên ngô đồng, mỗi lần uống 10 viên với rượu ấm, không kể thời gian.

Công dụng: Bình can khởi phong tiêu đờm thông lạc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương hoá phong, phong trúng kinh lạc, biểu hiện đầu đau choáng váng, mồm méo mắt xéch, nói ngọng.

466. Tiểu tục mệnh thang

Bài thuốc: Ma hoàng: 30g (người khí thực dùng cả, người khí hư dùng một nửa còn một nửa thay bằng Uy linh tiên),

Mộc hương:	30g,	Xuyên khung:	30g,
Chích cam thảo:	30g,	Hạnh nhân:	30g,
Phòng kỷ:	30g,	Quế tâm:	30g,
Phòng phong:	45g,	Chế phụ tử:	15g,
Chế xuyên ô:	1g,	Bạch thược:	30g,
Hoàng cầm:	21g,	Độc hoạt:	30g.

Cách dùng: Tán thuốc thành bột, mỗi lần dùng 10g thêm 5 lát gừng, 1 quả táo sắc nước uống thuốc trước khi ăn.

Công dụng: Khử phong trừ thấp, ích khí hoà trung, tiêu đờm thông lạc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại trúng phong kinh lạc, nửa người tê liệt, méo mồm xéch mắt, tay chân run rẩy, nói ngọng, chân tay tê dại, đầu vàng mắt hoa, đờm dãi dâng tặc, gân mạch co quắp, co duỗi khó khăn.

467. Bô trần thang.

Bài thuốc:

Hoàng kỳ:	100g,	Xích thược:	15g,
Quy vĩ:	15g,	Xuyên khung:	10g,
Đào nhân:	10g,	Bán hạ:	10g,
Trần bì:	10g,	Phục linh:	10g,
Thạch xương bồ:	10g,	Uất kim:	10g,
Trúc nhự:	10g,	Hồng hoa:	5g,
Cam thảo:	5g.		

Cách dùng: Sắc 2 lần nước, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Hoạt huyết hoá ứ, thông lạc khai khiếu.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại phong trúng kinh lạc, phong đờm quấy nhiễu, mồm méo mắt xéch, nói ngọng, chân tay tê dại.

468. Viên nang phúc phương địa long

Bài thuốc:

Địa long: 150g Bạch chỉ: 50g,

Rết: 7con.

Cách dùng: Tán thuốc thành bột cho vào viên nang, ngày uống 3 lần, mỗi lần 6 viên, uống với nước ấm, uống liên 10 ngày, nghỉ 2 ngày, uống tiếp đợt 2, uống 2-3 đợt thấy hiệu quả.

Công dụng: Thạch nhiệt khởi phong thông lạc hạ áp.

Chữa chứng bệnh: cao huyết áp hoặc trúng phong kinh lạc, đầu vầng đau liệt 1/2 người, tay chân tê dại.

469. Nhất vị thủy diệt tán

Bài thuốc: Đĩa sống mấy con.

Cách dùng: Rửa sạch đĩa sống ngâm rượu cho chết rồi phơi khô, hoặc rửa sạch đĩa sống cho vào lò sấy khô, nghiền thành bột, cho vào viên nang, mỗi ngày uống 3 lần, mỗi lần 3 g. uống với nước ấm, uống liên 5 tuần lễ.

Công dụng: Hoạt huyết thông lạc.

236

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại phong trúng kinh lạc, biểu hiện liệt một bên, lưỡi cứng, nói ngọng, mồm méo mắt xếch.

470. Hy thiêm hoàn.

Bài thuốc: Hy thiêm thảo không kể nhiều ít, mật ong.

Cách dùng: Rửa sạch hy thiêm thảo phơi khô, nghiền thành bột, luyện mật làm hoàn to bằng hạt ngô đồng, ngày uống 2 lần, mỗi lần 10g, chiêu với nước gạo rang hoặc rượu.

Công dụng: Trừ phong thấp, lợi gân cốt, hạ huyết áp.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại phong trúng kinh lạc, biểu hiện liệt một bên, mồm méo mắt xếch, thường chảy dãi, nói ngọng, xương cốt lưng gồi đau nhức, mệt mỏi.

downloadsachmienphi.com

471. Tam thạch thang

Bài thuốc:

Tử thạch hoàng:	15g,	Từ thạch:	15g,
Đại giả thạch:	15g,	Hy thiêm thảo:	9g,
Câu đằng:	15g,	Cúc hoa:	9g,
La bạch tử:	9g,	Một dược:	9g,
Ngưu tất:	9g,	Mẫu đơn bì:	6g,
Manh trùng:	9g,		

Cách dùng: Cho Tử thạch anh, Từ thạch, Đại giả thạch đun sắc trước nửa giờ, sau đó cho Hy thiêm thảo, cúc hoa, la bạch tử, một dược, ngưu tất, mẫu đơn sắc tiếp 20 phút, cuối cùng cho câu đằng vào sắc sôi 2-3 lần, chắt nước thuốc ra, cho nước vào sắc lần thứ

2 rồi hoà chung 2 lần nước thuốc. Nghiền mạnh trùng thành bột. Mỗi ngày 1 thang chia 2 lần uống, nước thuốc kèm bột mạnh trùng.

Công dụng: Thanh nhiệt trần can, trục ứ thông lạc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại phong trúng kinh lạc, liệt nửa người, mồm méo mắt xéch, nói ngọng.

472. Bổ dương hoàn ngũ thang

Bài thuốc:

Sinh hoàng kỳ:	120g,	Quy vĩ:	6g,
Xích thước:	5g,	Địa long:	3g,
Xuyên khung:	3g,	Hồng hoa:	3g,
Đào nhân:	3g.		

Cách dùng: Sắc nước uống.

Công dụng: Bổ khí hoạt huyết thông lạc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại phong trúng kinh lạc, liệt nửa người, mồm méo mắt xéch, khó nói và ngọng, chảy dãi, lưỡi sạm, rêu trắng, mạch chậm.

Ghi chú: Phải uống bài thuốc này nhiều ngày mới thấy hiệu quả rõ rệt, sau khi khỏi còn phải tiếp tục uống một thời gian nữa để củng cố, đề phòng phát lại.

473. Túc phong tuyên khiếu thang

Bài thuốc:

Linh dương giác:	3g,	Cúc hoa:	9g,
Thiên ma:	6g,	Câu đằng:	9g,
Lá dâu:	4,5g,	Yết vĩ:	2,4g,
Đỗm tinh:	9g,	Xác quất:	4,5g,

Bán hạ: 9g, Phục linh: 9g.

Trúc lịch: 20ml,

Rễ thạch xương bồ (đập lấy nước) 10ml.

Cách dùng: Trừ 2 vị sau, còn các vị thuốc khác cho vào nước đun sắc, sau khi đun sắc xong đổ 2 loại nước thuốc nói trên vào khuấy đều uống ấm.

Công dụng: Khỏi phong thông khiếu, tiêu đờm thông lạc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương hoá phong, phong trúng tạng phủ, đầu óc lơ mơ, mồm méo mắt xếch, không nói được.

474. Rượu nhân sâm:

Bài thuốc:

Nhân sâm: 30g, Hải nhĩ trà: 20g,

Hoàng kỳ: 30g, Rượu trắng: 500g.

Cách dùng: Rửa sạch thuốc, thái thành đốt, dùng vải gạc bọc lại, buộc túm miệng túi, cho vào bình rồi đổ rượu vào, đậy kín, ngâm 7 ngày là được, mỗi lần uống 10ml.

Công dụng: Khử phong trừ thấp, bổ trung ích khí, thông khiếu hoạt lạc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại phong trúng kinh lạc, liệt nửa người, mồm méo mắt xếch, nói ngọng.

475. Bánh bột sắn.

Bài thuốc:

Bột sắn 250g, Kinh giới tuệ: 60g, Đậu sị: 150g.

Cách dùng: Cho kinh giới tuệ và đậu sị đun trước cho sôi 7-8 lần lọc lấy nước rồi cho bột sắn vào, quấy đều đến chín thì thôi. Mỗi ngày 1-2 thang, uống lúc đói.

Công dụng: Khử phong khai khiếu thông lạc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại phong trúng kinh lạc, đầu đau, lưng cổ đau nhức, khó nói, chân tay không cử động được.

476. Câu đằng trần huyền thang

Bài thuốc:

Câu đằng	15g,	Trần châu mẫu:	30g,
Sao hoàng cầm:	10g,	Hạ khô thảo:	10g,
Lá gai:	10g,	Hải tảo:	10g,
Mộc hương:	6g,	Tang kí sinh:	12g,
Sinh địa:	12g,	Hy thiêm thảo:	12g,
Tiểu kế:	12g.		

Cách dùng: Cho Trần châu mẫu đun sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị khác vào cùng sắc, câu đằng cho vào sau cùng, sắc 2 lần nước, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Khởi phong tiềm dương, thanh hoá hoá đờm.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương hoá phong, đờm nhiệt quá nhiều, đầu vầng mắt hoa, đi không vững, mặt đỏ bốc hỏa, miệng đắng tâm phiền, tai ù, lưng đau gối mỏi.

477. Thanh can thang

Bài thuốc:

Lá dâu:	9g,	Sinh bạch thực:	15g,
Hạ khô thảo:	15g,	Bạch tật lệ:	9g,
Câu đằng:	9g,	Đan sâm:	9g,
Hà thủ ô:	10g,	Linh dương giác:	1g,
Long xỉ:	12g,	Cúc hoa:	10g,
Quế chi:	9g,	Hoàng kỳ:	15g.

Cách dùng: Cho Long xỉ vào ấm cùng 500ml sắc trước 30 phút sau đó đổ ra một nửa nước thuốc để dùng sau, cho các vị thuốc khác vào sắc tiếp 20 phút, rồi chắt nước thuốc đun ra. Cho nửa nước Long xỉ vào đun sắc lần thứ 2, cả hai lần nước thuốc chừng 350ml, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Thanh can khỏi phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương hoá phong, biểu hiện đầu đau sưng, mặt đỏ miệng đắng, tim hồi hộp, mất ngủ, đi không vững.

478. Địa thực giảng áp thang.

Bài thuốc:

Sinh địa:	30g,	Sinh bạch thực:	15g,
Bá tử nhân:	12g,	Ngưu tất:	15g,
Đại giả thạch:	30g,	Đan sâm:	15g,
Uất kim:	9g,	Câu đằng:	15g,
Thạch quyết minh:	30g,		

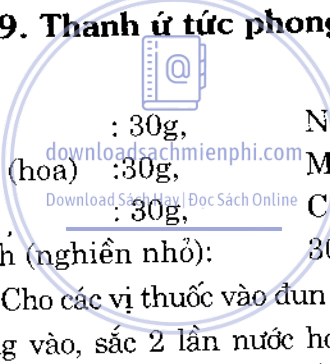
Cách dùng: Cho đun sắc đại giả thạch, thạch quyết minh trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào cùng sắc 30 phút, cuối cùng cho câu đằng vào sôi là được. Sắc 2 lần nước, uống sáng và tối, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Bình can khởi phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương hoá phong đầu đau nhức kịch liệt, mắt khô tai ù, lưng đau gối mỏi, đi không vững.

479. Thanh ứ tức phong thang

Bài thuốc:



Tử đàn sâm	: 30g,	Ngưu tất	: 15g
Hạ khô thảo (hoa)	: 30g,	Mẫu đơn	: 15g
Mã đầu linh	: 30g,	Câu đằng	: 15g
Đại giả thạch (nghiên nhỏ):	30g.		

Cách dùng: Cho các vị thuốc vào đun sắc 20 phút, sau đó cho Câu đằng vào, sắc 2 lần nước hoà chung với nhau, uống sáng và tối mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Hoạt huyết tiêu ứ, thanh nhiệt hoá đờm, trấn phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương hoá phong, đờm huyết ứ trệ, đầu sưng đau, mặt đỏ mắt đỏ, miệng đắng, tay chân tê dại.

Ghi chú: Bài thuốc này chữa bệnh cao huyết áp không hạ, nhất là bệnh cao huyết áp thời kỳ 2,3 mà tâm, não, thận bị thương tổn.

480. Giáng áp số 1

Bài thuốc:

Câu đằng:	15g,	Trân châu mẫu:	30g,
Sao hoàng cầm:	10g,	Hạ khô thảo:	10g,
Lá gai:	10g,	Hải tảo:	10g,
Mộc hương:	5g,	Tang ký sinh:	12g,
Đại sinh địa:	12g,	Hy thiêm thảo:	12g,
Tiểu kế:	12g.		

Cách dùng: Cho Trân châu mẫu vào đun sắc trước 30 phút, sau đó cho các vị thuốc khác vào, Câu đằng cho vào sau cùng, sắc 2 lần nước và hoà chung với nhau, uống sáng và tối.

Công dụng: Khử phong tiềm dương, thanh hoá hoá đờm.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại phong dương đàm hoả, đầu vầng mắt hoa, đau mê mẩn, gáy đau nhức, mặt đỏ mắt đỏ, buồn bực không ngủ được, tay chân tê dại co cứng, miệng khô và đắng.

481. Đan chi gia vị thang

Bài thuốc:

Mẫu đơn bì	: 12-15g,	Sơn chi	: 12-15g
Hoàng cầm	: 12-15g,	Cúc hoa	: 12-15g
Sài hồ	: 15g,	Phục linh	: 15g
Câu đằng	: 15g,	Hạ khô thảo	: 15g
Bạch thược	: 30g,	Đương quy	: 9-12g
Bạc hà	: 9g.		

Cách dùng: Sắc nước uống, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Mát gan khởi phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can nhiệt dương kháng hoá phong, choáng váng muốn ngã, đầu đau, mắt sưng, miệng khô miệng đắng, xương sườn sưng đau, lưỡi hồng rêu vàng, mạch huyền.

482. Tiềm dương tức phong hoàn

Bài thuốc:

Sinh địa	: 15g,	Huyền sâm	: 15g
Mẫu đơn bì	: 6g,	Sơn chi (sao đen)	: 6g
Sinh giả thạch	: 24g,	Sinh quy bản	: 6g
Đỗ tì	: 6g,	Bán hạ	: 6g
Hồng hoa	: 3g,	Đào nhân	: 6g
Thiên ma	: 6g,	Câu đằng	: 9g
Đương quy	: 9g,	Sinh sơn dược	: 9g
Ngưu tất	: 5g,	Bạch thược	: 9g
Địa long	: 6g,	Cúc hoa	: 9g
Hoàng cầm	: 9g,	Tri mẫu	: 6g
Sinh thạch cao	: 21g,	Bạc hà	: 15g.

Cách dùng: Tán thành bột, luyện mật làm hoàn, mỗi hoàn 9g, uống sáng và tối mỗi lần 1 hoàn.

Công dụng: Trấn can tiềm dương khởi phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương thượng kháng hoá phong đầu váng mắt hoa, tay chân khó cử động, mồm méo mắt xệch, hôn mê bất tỉnh, mạch huyền hữu lực.

Ghi chú: Người tỳ vị hư nhược uống liên tục thường có cảm giác đau tức ngực, nếu bị như vậy tạm ngừng uống 1-2 ngày hoặc giảm liều lượng, mỗi ngày 1 viên

483. Kỳ địa tang cúc thang

Bài thuốc:

Sinh hoàng kỳ	:30g,	Sinh địa	:30g
Lá dâu	:9g,	Cúc hoa	:9g
Hạ khô thảo	:9g,	Đương quy thân	:9g
Mẫu đơn bì	:9g,	Ô dược	:6g

Trầm hương (nghiền thành bột uống thẳng):3g.

Cách dùng: Thuốc cho vào ấm nước đun sặc 2 lần, lấy nước thuốc uống với bột trầm hương, uống sáng và tối, lúc uống quấy thuốc cho đều, mỗi ngày 1 thang.

Công dụng: Khôi phong bình can, bổ khí hoà huyết.

Chữa chứng bệnh: Loại can dương hoá phong, khí huyết lưu thông kém, đầu đau choáng váng, người mệt mỏi, tim hồi hộp.

B. THUỐC DÙNG NGOÀI

484. Tế phủ tức phong tán

Bài thuốc: Hoàng kỳ, Khương hoạt, Uy linh tiên, Nhũ hương một dược, Hồ phách, Nhục quế, Ngưu tất, Địa long, Hạ khô thảo, Thạch xương, Bồ cát căn, lượng thuốc bằng nhau.

Cách dùng: Tán thuốc thành bột mịn, trộn với dấm hoặc rượu thành dạng hồ. Rửa sạch rốn, lấy 10g thuốc cao đắp vào rốn dùng cao xạ hương hồ cốt dán chặt, chườm túi nước nóng lên rốn từ 30 phút đến 1 giờ, trước khi đi ngủ đắp thuốc, sáng hôm sau lấy ra, 40 lần là một đợt điều trị.

Công dụng: Bình can tiềm dương, hoá đờm thông lạc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại trúng phong kinh lạc, đầu đau, choáng váng, nói khó, tê liệt nửa người.

485. Nước ngâm câu đằng.

Bài thuốc: Câu đằng: 20g, Băng phiến một ít.

Cách dùng: Sắc nước ngâm chân vào buổi sáng và tối.

Công dụng: Bình can khởi phong.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương hoá phong, đầu váng mắt hoa, nói ngọng, chân tay run.

3. Nước ngâm chân phèn chua.

Bài thuốc: Phèn chua: 100g.

Cách dùng: Nghiền thành bột, hoà vào nước ấm, rửa hai chân, mỗi lần 30-50 phút, mỗi ngày 3 lần.

Công dụng: Bình can khởi phong, hoá đờm thông lạc.

Chữa chứng bệnh: Cao huyết áp loại can dương hoá phong, đầu đau váng, miệng chảy dãi, tay chân hoạt động khó khăn.

MỤC LỤC

	Trang
I. Khái thuật	5
II. Loại can dương thượng kháng	8
A. Thuốc uống trong	8
B. Thuốc dùng ngoài	53
III. Loại can hoá thượng viêm	54
A. Thuốc uống trong	54
B. Thuốc dùng ngoài	88
IV. Loại âm hư dương kháng	92
A. Thuốc uống trong	92
B. Thuốc dùng ngoài	161
V. Loại âm dương lưỡng hư	163
A. Thuốc uống trong	163
B. Thuốc dùng ngoài	163
VI. Loại thận dương khuỷu hư	177
A. Thuốc uống trong	178
B. Thuốc dùng ngoài	178
VII. Loại đàm trọc trung trở	188
A. Thuốc uống trong	188
B. Thuốc dùng ngoài	207
VIII. Loại ứ huyết trở lạc	207
A. Thuốc uống trong	207
B. Thuốc dùng ngoài	231
IX. Loại can dương hoá phong	232
A. Thuốc uống trong	232
B. Thuốc dùng ngoài	245

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC
500 BÀI THUỐC HAY
CHỮA BỆNH CAO HUYẾT ÁP

CHịu TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

DS. HOÀNG TRỌNG QUANG

NGUYỄN THỊ KIM LIÊN



Biên tập : DINH THỊ THU
Sửa bản in : TRẦN ĐÌNH TUẤN
Trình bày bìa : MINH NGUYỆT
Vi tính : HIỀN – QUYÊN
13 – Thợ Nhuộm

In tại: Xưởng in NXB Văn hoá Dân tộc

Số lượng: 1.000 cuốn, khuôn khổ 13x19cm

Giấy phép xuất bản số: 4-536/XB-QLXB, cấp ngày 16/5/2002

In xong và nộp lưu chiểu Quý II năm 2003



500

BÀI THUỐC HAY
CHỮA BỆNH

CAO HUYẾT ÁP

Bệnh cao huyết áp
gây tử vong cao
Cuốn sách được đúc
kết từ hơn 70 loa
từ điển Y học cổ kin
để soạn thành và cá
bài thuốc được chắt
lọc từ các tài liệu qu
giá. Với 500 bài thuố
uống và bôi, đắp bên
ngoài, gối đầu ... để ngư
bệnh dễ dàng tự điều t

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay, Đọc Sách Online

Giá: 20.000